TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ

BÙI THỊ QUỲNH NGA

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Mã sinh viên : 2553011127

Ngành : Kế toán

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ

BÙI THỊ QUỲNH NGA

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Mã sinh viên : 2553011127

Ngành : Kế toán

Người hướng dẫn : ThS. Đặng Thị Thu Hà

NINH BÌNH, 2025

Lời cam đoan

Em xin cam đoan kết quả đạt được trong báo cáo Khóa luận tốt nghiệp này là sản phẩm của cá nhân em, các kết quả nghiên cứu và kết luận trong báo cáo này trung thực, không sao chép của người khác. Việc tham khảo các nguồn tài liệu đã được trích dẫn và ghi nguồn tài liệu tham khảo theo đúng quy định.

Em xin chịu trách nhiệm cho lời cam đoan của mình!

Ninh Bình, ngày tháng 05 năm 2025

Sinh viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Bùi Thị Quỳnh Nga

DANH MỤC VIẾT TẮT

GTGT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản
TT	Thông tư
BTC	Bộ tài chính
DN	Doanh nghiệp
VNĐ	Việt nam đồng
HĐ	Hóa đơn
PNK	Phiếu nhập kho
PXK	Phiếu xuất kho
HĐMB	Hợp đồng mua bán
HH	Hàng hóa
NCC	Nhà cung cấp
SL	Số lượng
TNBQ	Thu nhập bình quân

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1

PHẦN NỘI DUNG 6

Chương 1 6

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI 6

1.1. Tổng quan về kế toán mua hàng và công nợ phải trả trong doanh nghiệp thương mại 6

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hoạt động mua hàng 6

1.1.2. Phân loại hàng hóa 7

1.1.3. Tính giá hàng hóa 8

1.1.4. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán mua hàng 9

1.1.5. Đặc điểm công nợ phải trả người bán 9

1.2. Kế toán mua hàng trong doanh nghiệp thương mại 11

1.2.1. Chứng từ sử dụng 11

1.2.2. Kế toán chi tiết 11

1.2.3. Kế toán tổng hợp 15

1.3. Kế toán công nợ phải trả 20

1.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng 20

1.3.2. Kế toán tăng công nợ phải trả 22

1.3.3. Kế toán giảm công nợ phải trả 22

1.4. Các hình thức ghi sổ chủ yếu 23

1.4.1. Hình thức Nhật ký chung 23

1.4.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ 25

1.4.3. Hình thức kế toán trên máy vi tính 27

Chương 2 29

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH 29

2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 29

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 29

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 30

2.1.3. Đặc điểm về hàng hóa và quy trình kinh doanh của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 31

2.1.4. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây 32

2.1.5. Đặc điểm và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 42

2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 44

2.2. Đặc điểm hàng hóa và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 47

2.2.1. Đặc điểm hàng hóa 47

2.2.2. Đặc điểm công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 50

2.3. Thực trạng kế toán mua hàng tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 50

2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng 50

2.3.2. Kế toán chi tiết 51

2.3.3. Kế toán tổng hợp 85

2.3.4. Kiểm kê hàng hóa 89

2.4. Thực trạng về kế toán công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 96

2.4.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng 96

2.4.2. Kế toán tăng công nợ phải trả 97

2.4.3. Kế toán giảm công nợ 108

Chương 3 117

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH 117

3.1. Đánh giá chung về kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 117

3.1.1. Ưu điểm 117

3.1.2. Tồn tại 119

3.2. Một số giải pháp đề xuất hoàn thiện kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 120

PHẦN KẾT LUẬN **120**

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO **121**

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Phương pháp thẻ song song 12
Sơ đồ 1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển 13
Sơ đồ 1.3. Phương pháp sổ số dư 14
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên 18
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ 19
Sơ đồ 1.6. Phương pháp hạch toán công nợ phải trả 21
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ quy trình kế toán tăng công nợ phải trả 22
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ quy trình kế toán giảm công nợ phải trả 23
Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung 25
Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ 26
Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính .. 28
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 43
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 45
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 47
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình nhập kho hàng hóa tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 56
Sơ đồ 2.5. Quy trình mua hàng tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 98
Sơ đồ 2.6. Sơ đồ quy trình giảm công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình 109

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty qua 3 năm gần nhất 40
Biểu số 2.1. Hệ thống danh mục hàng hóa 52
Biểu số 2.2. Danh mục vật tư, hàng hóa của Công ty 52
Biểu số 2.3. Thông tin vật tư, hàng hóa 53
Biểu số 2.4. Hợp đồng mua bán 57
Biểu số 2.5. Hóa đơn GTGT 59
Biểu số 2.6. Biên bản giao nhận hàng 60
Biểu số 2.7. Chứng từ mua hàng NK00001 62
Biểu số 2.8. Chứng từ mua hàng NK00001 63
Biểu số 2.9. Phiếu nhập kho 65
Biểu số 2.10. Hóa đơn GTGT 66
Biểu số 2.11. Biên bản giao nhận hàng hóa 67
Biểu số 2.12. Chứng từ mua hàng NK0004 69
Biểu số 2.13. Chứng từ mua hàng NK0004 70
Biểu số 2.14. Phiếu nhập kho 71
Biểu số 2.15. Hóa đơn GTGT 72
Biểu số 2.16. Biên bản giao nhận hàng hóa 73
Biểu số 2.17. Chứng từ mua hàng NK00005 74
Biểu số 2.18. Chứng từ mua hàng NK00005 75
Biểu số 2.19. Phiếu nhập kho 76
Biểu số 2.20. Thẻ kho 77
Biểu số 2.21. Thẻ kho 78
Biểu số 2.22. Thẻ kho 79
Biểu số 2.23. Báo cáo tổng hợp tồn kho (trích) 80
Biểu số 2.24. Sổ chi tiết hàng hóa 81
Biểu số 2.25. Sổ chi tiết hàng hóa 82
Biểu số 2.26. Sổ chi tiết hàng hóa 83
Biểu số 2.27. Tổng hợp tồn kho 84
Biểu số 2.28. Sổ Nhật ký chung (Trích) 86

Biểu số 2.29. Sổ Nhật ký chung (tiếp) 87
Biểu số 2.30. Sổ cái TK 1561 88
Biểu số 2.31. Biên bản kiểm kê hàng hóa 90
Biểu số 2.32. Bảng kiểm kê (Trích) 91
Biểu số 2.33. Bảng kê chênh lệch 92
Biểu số 2.34. Phiếu xuất kho 93
Biểu số 2.35. Chứng từ nghiệp vụ khác 95
Biểu số 2.36. Danh sách nhà cung cấp 97
Biểu số 2.37. Phiếu yêu cầu 98
Biểu số 2.38. Danh mục 99
Biểu số 2.39. Phiếu yêu cầu 100
Biểu số 2.40. Đơn đặt hàng 101
Biểu số 2.41. Sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích) 103
Biểu số 2.42. Sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích) 104
Biểu số 2.43. Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích) 105
Biểu số 2.44. Sổ Nhật ký chung (Trích) 106
Biểu số 2.45. Sổ cái TK 331 (Trích) 107
Biểu số 2.46. Giấy đề nghị thanh toán 110
Biểu số 2.47. Ủy nhiệm chi (Theo mẫu ngân hàng Vietinbank) 111
Biểu số 2.48. Giấy báo nợ 112
Biểu số 2.49. Ủy nhiệm chi 114
Biểu số 2.50. Chứng từ nghiệp vụ khác 116
Biểu số 2.51. Danh sách hàng hóa, dịch vụ 121
Biểu số 2.52. Danh sách kho 121
Biểu số 2.53. Danh sách hệ thống tài khoản 122
Biểu số 2.54. Chứng từ mua dịch vụ 123
Biểu số 2.55. Chứng từ mua hàng 124
Biểu số 2.56. Mẫu đơn đặt hàng 126

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển dẫn đến chất lượng cuộc sống của người dân cũng phát triển tốt hơn, các nhu cầu của người dân cũng theo đó tăng lên, trong đó nhu cầu sử dụng xe ô tô không còn gói gọn trong mục đích công việc mà còn phục vụ cho đời sống sinh hoạt hằng ngày. Với chính sách mở cửa của chính phủ Việt Nam, nhiều nhãn hiệu xe ô tô trên thế giới đã có mặt tại Việt Nam, và không thể không nhắc đến dòng xe Toyota. Xuất hiện gần như sớm nhất tại thị trường Việt Nam, Toyota Việt Nam đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường và trở thành nhà sản xuất, cung cấp và kinh doanh ô tô số 1 tại Việt Nam với hơn 86 đại lý chính thức trải đều trên khắp 48 tỉnh thành trong nước. Tuy nhiên để có thể tồn tại và đứng vững trong môi trường cạnh tranh bình đẳng nhưng không kém phần gay gắt như hiện nay, bên cạnh việc chuẩn bị thích ứng và nắm bắt tốt các cơ hội, thì các nhà lãnh đạo cần phải đưa ra những chiến lược để duy trì sự phát triển của công ty, tránh nguy cơ đào thải trong quy luật cạnh tranh.

Trong doanh nghiệp thương mại, khâu mua hàng và công nợ phải trả được xem là khâu vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp. Mua hàng là hoạt động đầu tiên nhằm tạo ra yếu tố đầu vào một cách đầy đủ, kịp thời, đồng bộ phù hợp với nhu cầu của khách hàng và kế hoạch của doanh nghiệp. Kế toán phần hành này không chỉ giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động ổn định mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Cụ thể kế toán mua hàng sẽ theo dõi chi phí hàng hóa, quản lý ngân sách và tài chính hiệu quả. Công nợ phải trả cho phép doanh nghiệp kiểm soát các khoản nợ và thanh toán đúng hạn. Đồng thời sẽ quản lý hàng hóa, dự đoán dòng tiền, tối ưu hóa mối quan hệ với các nhà cung cấp, từ đó giúp doanh nghiệp có cái nhìn tổng quan về tình hình tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, từ đó đưa ra các quyết định cải thiện phù hợp với doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình là Công ty thương mại và dịch vụ ô tô, nên kế toán mua hàng và công nợ phải trả có ý nghĩa rất quan trọng đối với tình hình kinh doanh Công ty. Tuy nhiên, kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty còn gặp nhiều vấn đề trong việc giải quyết chi phí mua hàng.

Cụ thể thiếu sót trong việc ghi chép các giao dịch mua hàng và công nợ dẫn đến việc không có thông tin chính xác về tính hình tài chính, sai sót trong việc nhập liệu, tính toán, phân loại các khoản mục, gây ra sự không chính xác trong báo cáo tài chính. Doanh nghiệp không theo dõi chặt chẽ công nợ phải trả, chậm chễ trong việc thanh toán cho các nhà cung cấp, quy trình hạch toán hàng hóa chưa được hoàn thiện dẫn đến chưa tối ưu hóa được lợi nhuận cho Công ty.

Nhận thấy sự quan trọng của kế toán mua hàng và công nợ phải trả trong doanh nghiệp thương mại nói chung cũng như trong Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình nói riêng. Đồng thời, nhìn rõ được những mặt hạn chế của kế toán phần hành này, nên em đã chọn đề tài: "*Kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình"* để làm khóa luận tốt nghiệp.

2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay để kinh doanh đạt hiệu quả cao, có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững chắc thì công tác kế toán phải luôn được củng cố và hoàn thiện để phù hợp với chế độ hiện hành. Trong doanh nghiệp thương mại, kế toán mua hàng và công nợ phải trả luôn là một phần quan trọng trong công tác kế toán. Cũng chính vì vậy, đề tài kế toán mua hàng và công nợ phải trả là đề tài đã được nhiều người nghiên cứu nhằm đóng góp một số ý kiến để hoàn thiện kế toán nói chung cũng như kế toán mua hàng nói riêng. Có thể điểm qua một số tác giả với một số đề tài cụ thể như sau:

- Tác giả Lê Thị Cẩm Tuyền - Năm 2015 - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh với đề tài *"Kế toán mua hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại"*. Tác giả đã nghiên cứu thực trạng kế toán mua hàng tại công ty Hùng Duy trên cơ sở lý luận chung từ đó đưa ra các nhận xét, giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán mua hàng. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế trong công tác kế toán mua hàng tại doanh nghiệp là hệ thống kế toán không sự dụng phần mềm hiện đại khiến doanh nghiệp không thể theo dõi chi phí mua hàng một cách nhanh chóng, gây khó khăn trong việc lập kế hoạch tài chính.

- Tác giả Phạm Thị Út Vy - Năm 2022 - Trường Đại học Nha Trang với đề tài *"Kế toán công nợ phải thu và phải trả tại công ty TNHH thương mại và du lịch Gia Minh"* đã nêu ra những hạn chế yếu kém tồn tại trong hoạt động

công nợ phải trả tại công ty, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công nợ phải trả, góp phần nâng cao hoạt động kinh doanh của công ty.

- Tác giả Nguyễn Thị Yến - Năm 2019 - Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp với đề tài *"Kế toán công nợ phải thu và công nợ phải trả tại công ty TNHH Ngọc Thắng"*. Khóa luận tập trung vào nghiên cứu thực trạng kế toán công nợ nói chung và kế toán công nợ phải trả nói riêng tại Công ty TNHH Ngọc Thắng. Ngoài ra, khóa luận cũng đưa ra các giải pháp và ý kiến đóng góp nhằm cải thiện kế toán công nợ tại công ty.

Đối với Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình, việc tổ chức tốt hoạt động kế toán mua hàng và công nợ phải trả là một việc làm cần thiết và quan trọng để thúc đẩy quá trình kinh doanh phát triển của Công ty. Tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại chưa có đề tài nào nghiên cứu về kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình. Vì vậy, em đã lựa chọn làm khóa luận với đề tài "*Kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình"*

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận cơ bản về kế toán mua hàng và công nợ phải trả trong doanh nghiệp thương mại và tìm hiểu thực trạng tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình, từ đó đưa ra các nhận xét và đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình.

3.2. Nhiệm vụ

- Luận giải các khái niệm, đặc điểm, nội dung của kế toán mua hàng và công nợ phải trả
- Đánh giá, phân tích thực trạng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
- Đưa ra các nhận xét và đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng

Nghiên cứu về thực trạng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung*: Tìm hiểu thực trạng kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
- *Phạm vi về không gian*: Nghiên cứu phần hành kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
- *Phạm vi về thời gian*: Nghiên cứu trong phạm vi các tài liệu về tình hình tài chính và công tác kế toán mua hàng và công nợ phải trả của Công ty qua các năm 2022, 2023, 2024, 2025

5. Phương pháp nghiên cứu:

- *Phương pháp quan sát*: Thực hiện quan sát các hoạt động của doanh nghiệp, bộ máy kế toán và công việc của các nhân viên trong Công ty, đặc biệt là nhân viên phần hành kế toán mua hàng và công nợ phải trả.
- *Phương pháp thực nghiệm*: Thực tập kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty.
- *Phương pháp nghiên cứu lý thuyết*: Hệ thống hóa những kiến thức về kế toán mua hàng và công nợ phải trả nhằm hoàn thiện cơ sở lý luận cho đề tài.
- *Phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu.*

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

- Đề tài nghiên cứu không hoàn toàn mới, nhưng đã bổ sung, làm rõ thêm về công tác kế toán mua hàng và công nợ phải trả
- Xác định những khía cạnh chưa được làm rõ về công tác kế toán mua hàng và công nợ phải trả, đề xuất các phương pháp nghiên cứu mới, từ đó mở ra hướng nghiên cứu mới cho các nghiên cứu trong tương lai.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Việc nghiên cứu đề tài " Kế toán mua hàng và công nợ phải trả" giúp đưa ra các nhận xét và đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng công tác mua hàng và công nợ phải trả, từ đó góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như kế toán mua hàng nói riêng. Giúp doanh

nghiệp nắm bắt được thông tin, từ đó đưa ra các phương án kinh doanh hiệu quả, phù hợp với doanh nghiệp, tạo sự phát triển dài lâu.

7. Bố cục khóa luận

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán mua hàng và công nợ phải trả trong doanh nghiệp thương mại

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Chương 3: Một số giải pháp đề xuất hoàn thiện kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.1. Tổng quan về kế toán mua hàng và công nợ phải trả trong doanh nghiệp thương mại

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hoạt động mua hàng

❖ *Khái niệm mua hàng*:

Để lưu chuyển được hàng hóa trong doanh nghiệp thì phải có giai đoạn đầu tiên đó chính là mua hàng. Mua hàng là quá trình hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu từ người bán sang người mua (doanh nghiệp). Đồng thời tiền mua hàng cũng được chuyển quyền sở hữu từ người mua sang người bán hay nói cách khác là doanh nghiệp phải thanh toán tiền hàng cho người bán.

❖ *Đặc điểm của hoạt động mua hàng*:

Thông qua mua hàng, quan hệ trao đổi và quan hệ thanh toán tiền hàng giữa người mua và người bán sẽ được thực hiện. Cũng qua quá trình mua hàng, vốn của doanh nghiệp được chuyển hóa từ hình thái tiền tệ sang hình thái hàng hóa – Doanh nghiệp được nắm quyền sở hữu về hàng nhưng mất quyền sở hữu về tiền hoặc có trách nhiệm thanh toán tiền cho người bán. Đối với doanh nghiệp thương mại, hàng hóa được coi là hàng mua khi thỏa mãn đồng thời 3 điều kiện sau:

- Phải áp dụng một phương thức mua bán và thanh toán tiền hàng nhất định khi mua bán hàng hóa
- Khi đã sở hữu hàng hóa, doanh nghiệp sẽ mất quyền sở hữu tiền tệ hoặc một loại hàng hóa khác với hàng hóa vừa sở hữu
- Hàng hóa mua vào với mục đích bán ra hoặc gia công sản xuất rồi bán

❖ *Thời điểm xác định hàng mua*

Thời điểm được xác định và ghi nhận việc mua hàng đã hoàn thành theo quy định là doanh nghiệp đã nhận được hàng hóa từ nhà cung cấp hoặc đã thanh toán tiền cho nhà cung cấp hoặc chấp nhận thanh toán. Tuy nhiên tùy thuộc vào phương thức mua hàng mà thời điểm xác định mua hành sẽ khác nhau:

- Trường hợp mua hàng theo phương thức trực tiếp: Sau khi ký kết hợp đồng, bên mua sẽ mang giấy ủy nhiệm đến kho của bên bán để nhận hàng và chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa về kho của mình. Từ đó, thời điểm xác định hàng mua là khi thủ tục giao nhận hàng đã được hoàn thành, đồng nghĩa với việc bên mua đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền hàng.
- Trường hợp mua hàng theo phương thức chuyển hàng: Dựa vào hợp đồng mua bán, hàng hóa sẽ được bên bán chuyển đến cho bên mua và giao nhận tại một địa điểm quy định, có thể là kho của bên mua. Thời điểm xác định hàng mua là khi bên mua đã hoàn tất việc nhận hàng do bên bán chuyển đến và thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền hàng.

1.1.2. Phân loại hàng hóa

Hàng hóa được định nghĩa là sản phẩm của lao động, có giá trị sử dụng và giá trị trao đổi, có thể thỏa mãn nhu cầu của con người thông qua trao đổi và mua bán. Trong doanh nghiệp thương mại, hàng hóa được hiểu là các sản phẩm được mua vào với mục đích bán lại mà không cần phải qua quá trình chế biến hay sản xuất. Các doanh nghiệp thương mại mua các loại hàng hóa từ các nhà cung cấp (sản xuất hoặc phân phối) và bán lại cho khách hàng, với mục tiêu tạo ra lợi nhuận từ sự chênh lệch giữa giá mua và giá bán.

Phân loại hàng hóa là việc phân chia các loại hàng hóa thành các nhóm, loại khác nhau dựa trên các tiêu chí nhất định như tính chất, mục đích sử dụng, giá trị, thời gian tiêu thụ, hoặc các đặc điểm khác. Hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại có thể được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau:

- Phân loại theo ngành hàng: Hàng công nghệ phẩm, hàng nông sản, thực phẩm, hàng hóa bất động sản,...
- Phân loại theo nguồn hình thành: Hàng tự sản xuất, hàng mua trong nước, hàng nhập khẩu, hàng nhận góp vốn

Tùy theo hàng hóa kinh doanh và trình độ quản lý mà mỗi doanh nghiệp chọn tiêu thức phân loại hàng hóa cho phù hợp. Qua đó giúp doanh nghiệp dễ dàng quản lý, kiểm soát hàng tồn kho, tối ưu hóa chiến lược bán hàng, tính toán chi phí và lợi nhuận, đồng thời hỗ trợ việc báo cáo tài chính chính xác. Việc phân loại hàng hóa giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn và hiệu quả.

1.1.3. Tính giá hàng hóa

Tính giá hàng hóa là một công tác quan trọng trong việc xác định giá trị hàng tồn kho và giá vốn hàng bán trong các doanh nghiệp thương mại. Việc tính giá hàng hóa phải tuân thủ theo chuẩn mực kế toán số 02 – Hàng tồn kho.

❖ *Tính giá hàng hóa nhập kho*

Tính giá hàng hóa nhập kho là việc xác định trị giá ghi sổ của hàng hóa mua vào. Theo quy định, hàng hóa được phản ánh trên sổ kế toán theo trị giá thực tế (giá gốc) và được xác định như sau:

Giá trị thực tế hàng hóa nhập kho = Giá trị ghi trên hóa đơn + Thuế không hoàn lại (nếu có) + Chi phí thu mua – Các khoản giảm trừ (giảm giá hàng mua, chiết khấu thương mại và hàng mua trả lại	[1.1]

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn: được tính theo phương pháp khấu trừ hoặc phương pháp trực tiếp. Nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá ghi trên hóa đơn là giá mua chưa bao gồm thuế GTGT, còn tính theo phương pháp trực tiếp thì giá mua này đã bao gồm cả thuế GTGT
- Chi phí thu mua: là các chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí bảo quản, bảo hiểm, hao hụt hợp lý trên đường đi, tiền thuê kho bãi, chi phí của bộ phận thu mua độc lập…
- Thuế không hoàn lại: bao gồm các loại thuế như thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có), thuế GTGT hàng nhập khẩu (nếu không được khấu trừ)...
- Giảm giá hàng mua: là số tiền người bán giảm cho doanh nghiệp khi mua hàng do hàng hóa không đảm bảo về chất lượng hoặc quy cách
- Chiết khấu thương mại: là số tiền người bán giảm cho doanh nghiệp khi mua hàng với số lượng hay giá trị lớn

- Hàng mua trả lại: là giá trị hàng tồn kho mà doanh nghiệp đã mua nhưng trả lại người bán do chất lượng, chủng loại, quy cách không đáp ứng đủ điều kiện

Trong trường hợp doanh nghiệp mua hàng hóa có kèm theo sản phẩm, hàng hóa, phụ tùng để thay thế khi hỏng hóc, kế toán cần xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, hàng hóa, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý. Giá trị nhập kho của hàng hóa này là giá đã trừ giá trị sản phẩm, hàng hóa, phụ tùng thay thế.

1.1.4. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán mua hàng

❖ *Nhiệm vụ của kế toán mua hàng*

- Theo dõi, ghi chép và phản ánh kịp thời, chính xác chỉ tiêu mua hàng về số lượng, chủng loại, quy cách, thời điểm ghi nhận mua hàng
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, để thực hiện tốt kế hoạch mua hàng theo từng nguồn hàng, từng nhà cung cấp, từng đơn đặt hàng với người bán và tình hình thanh toán với nhà cung cấp
- Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho doanh nghiệp để xác định mức dự trữ hợp lý

❖ *Vai trò của kế toán mua hàng*

Để thực hiện tốt chức năng của mình, kế toán mua hàng cần thực hiện ba nhiệm vụ chính:

- Tính toán, ghi chép và phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình mua hàng về số lượng, chủng loại, quy cách, chất lượng, giá cả và thời điểm mua hàng
- Kiểm tra, giám sát tình hình mua hàng theo từng nguồn hàng và theo từng hợp đồng hoặc đơn đặt hàng, tình hình thanh toán với nhà cung cấp
- Cung cấp thông tin kịp thời tình hình mua hàng và thanh toán tiền hàng để làm căn cứ cho quyết định cần thiết của quản lý

1.1.5. Đặc điểm công nợ phải trả người bán

❖ *Khái niệm*

Công nợ phải trả là những khoản mà doanh nghiệp có trách nhiệm phải thanh toán cho bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ mà trước đó doanh nghiệp chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ. Theo Chuẩn mực kế toán VAS 01:

"Nợ phải trả là nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp, phát sinh từ các sự kiện và giao dịch đã diễn ra, và sẽ được thanh toán bằng các nguồn lực của doanh nghiệp"

"Nợ phải trả được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà doanh nghiệp phải thanh toán và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy"

❖ *Phân loại*

Dựa trên thời hạn thanh toán, nợ phải trả người bán được chia thành hai loại gồm nợ phải trả ngắn hạn và nợ phải trả dài hạn

- Nợ phải trả ngắn hạn: Là các khoản nợ mà doanh nghiệp có trách nhiệm trả trong vòng một chu kỳ hoạt động kinh doanh bình thường hoặc trong vòng một năm bao gồm: nợ phải trả cho nhà cung cấp, nợ lương, nợ thuế.
- Nợ phải trả dài hạn: Là các khoản nợ người bán có thời gian trả nợ trên một năm.

❖ *Đặc điểm*

Công nợ phải trả người bán trong doanh nghiệp thương mại là các khoản tiền mà doanh nghiệp phải thanh toán cho nhà cung cấp do mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động kinh doanh. Các khoản công nợ này thường mang tính ngắn hạn, với thời hạn thanh toán từ 30 đến 90 ngày, nhưng có thể kéo dài hơn nếu có thỏa thuận trả chậm.

Quy mô công nợ phụ thuộc vào khối lượng hàng hóa nhập và tần suất giao dịch, đặc biệt lớn trong các doanh nghiệp nhập khẩu hoặc phân phối hàng hóa số lượng lớn. Thanh toán công nợ được thực hiện qua chuyển khoản, tiền mặt, hoặc bù trừ dịch vụ, tùy thuộc vào hợp đồng với nhà cung cấp. Công nợ chịu ảnh hưởng từ chu kỳ kinh doanh, biến động thị trường và tỷ giá (nếu nhập hàng quốc tế), đòi hỏi quản lý chặt chẽ qua sổ sách kế toán và phần mềm tài chính để tránh rủi ro thanh khoản hoặc tranh chấp pháp lý. Nếu không kiểm soát tốt, doanh nghiệp có thể đối mặt với lãi phạt hoặc mất uy tín với đối tác.

1.2. Kế toán mua hàng trong doanh nghiệp thương mại

1.2.1. Chứng từ sử dụng

Trong qua trình mua hàng, doanh nghiệp thường sử dụng các chứng từ sau:

- Hóa đơn GTGT (bên bán lập): Khi doanh nghiệp mua hàng của những doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, doanh nghiệp sẽ được người bán cung cấp hóa đơn GTGT
- Hợp đồng mua bán
- Đơn đặt hàng (nếu có)
- Biên bản bàn giao hàng hóa có ký nhận bên bán và bên mua cũng như bộ phận có liên quan
- Biên bản kiểm tra chất lượng hàng hóa (nếu có)
- Phiếu đề xuất mua hàng (nếu có)
- Phiếu nhập kho

1.2.2. Kế toán chi tiết

Kế toán chi tiết hàng hóa được thực hiện chi tiết đối với các loại hàng hóa lưu chuyển qua kho cả về chỉ tiêu giá trị lẫn hiện vật. Đây là công tác quản lý hàng hóa cần có ở các doanh nghiệp. Hạch toán nhập – xuất – tồn hàng hóa phải được phản ánh theo giá thực tế. Việc hạch toán chi tiết hàng tồn kho phải được thực hiện hàng ngày ở từng kho và từng loại hàng hóa. Cuối tháng phải tổng hợp số liệu để xác định giá vốn của hàng tiêu thụ.

Có 3 phương pháp kế toán chi tiết hàng hóa:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư.

❖ *Phương pháp thẻ song song:*

Ở kho: Thủ kho theo dõi về mặt số lượng, hằng ngày căn cứ vào các chứng từ nhập – xuất hàng hóa để ghi số lượng vào "thẻ kho". Thẻ kho mở theo, từng loại hàng hóa và theo từng kho.

Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập – xuất – tồn từng loại hàng hoá cả về mặt số lượng lẫn giá trị. Định kỳ 3 đến 5 ngày, khi nhận được chứng từ nhập, xuất hàng hoá do thủ kho gửi

lên, nhân viên kế toán tiến hành kiểm tra và ghi vào sổ chi tiết hàng hoá. Hàng tháng, căn cứ vào sổ chi tiết hàng hoá, kế toán vào bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn hàng hoá. Số tồn trên sổ chi tiết phải khớp với số tồn trên thẻ kho.

Nhận xét: Phương pháp thẻ song song thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có đặc trưng hàng hóa ít, mật độ nhập xuất nhiều cần giám sát thường xuyên

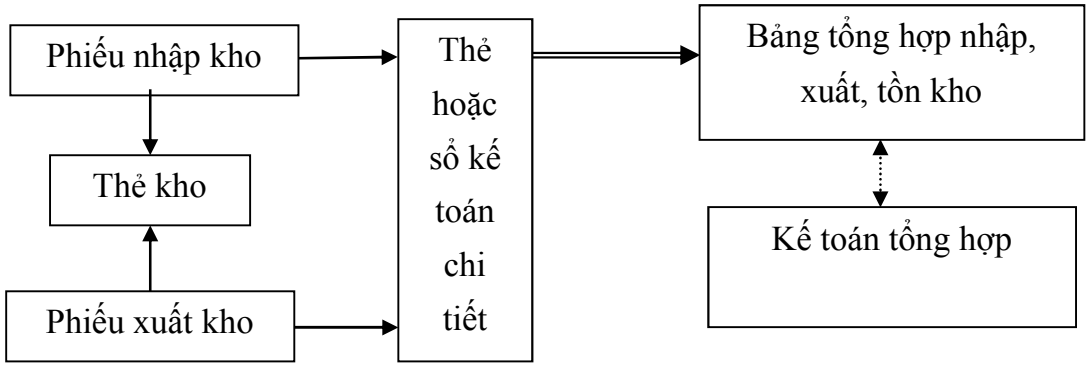

Chú thích:

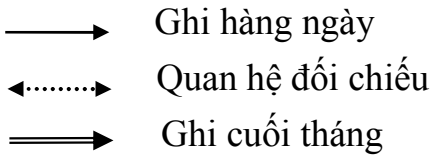

Sơ đồ 1.1. Phương pháp thẻ song song

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm và dễ đối chiếu, cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời cho nhà quản lý cả về hiện vật lẫn giá trị.
- Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và bộ phận kế toán còn nhiều trùng lặp về chỉ tiêu và số lượng. Việc kiểm tra đối chiếu thường tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán.
- Phạm vi áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp nhỏ, sử dụng ít loại hàng hóa.

❖ *Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển*

Ở kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập – xuất – tồn hàng hóa về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho, thẻ được mở cho từng loại hàng hóa. Cuối tháng thủ kho tiến hành cộng số nhập, xuất tính ra số tồn kho về mặt số lượng theo từng loại hàng hóa.

Ở phòng kế toán: Căn cứ vào chứng từ nhập, xuất hàng hoá kế toán ghi vào Bảng kê nhập, Bảng kê xuất sau đó tập hợp số liệu trên các bảng này kế toán ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối tháng, kế toán đối chiếu số lượng trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và thủ kho lấy số tiền của từng loại hàng hoá đối chiếu với kế toán tổng hợp.

Nhận xét: Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển sử dụng với những doanh nghiệp có khối lượng chủng loại hàng hóa nhiều, chủng loại đa dạng và yêu cầu cao về quản lý chi tiết tồn kho

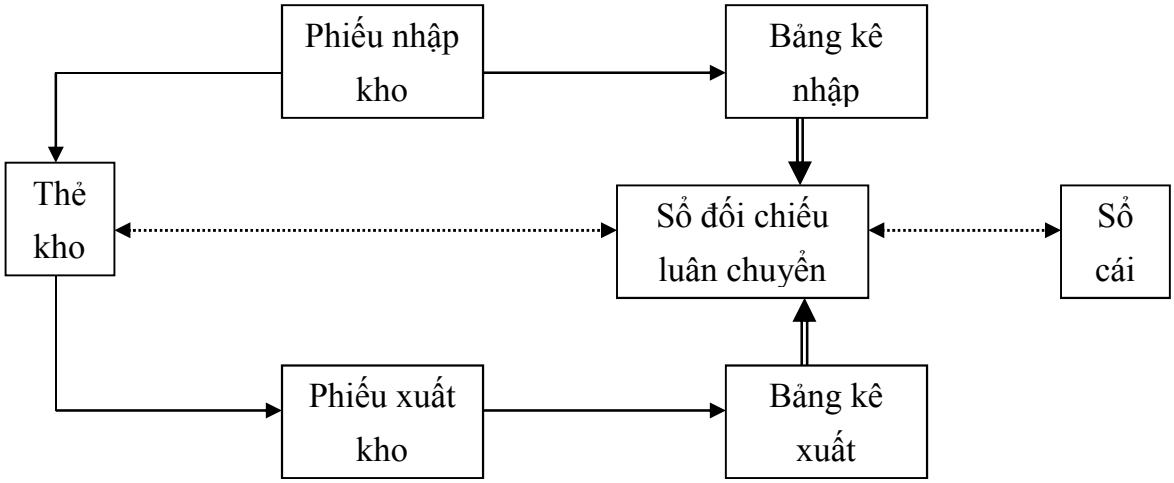

Chú thích: ⟶ Ghi hàng ngày

⇠⇢ Quan hệ đối chiếu

⟹ Ghi cuối tháng (cuối quý)

Sơ đồ 1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Ưu điểm: Tránh được việc ghi trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt được khối lượng ghi chép.
- Nhược điểm: Khó phát hiện sai sót khi kiểm tra và công việc kế toán thường dồn vào cuối tháng nên việc lên báo cáo kế toán chậm
- Phạm vi áp dụng: Phù hợp hơn với các doanh nghiệp vừa và lớn, nơi cần theo dõi, luân chuyển của từng loại hàng hóa một cách thường xuyên và chính xác

❖ *Phương pháp sổ số dư*

Ở kho: Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng hoá nhập, xuất, tồn về số lượng. Cuối tháng, căn cứ vào số lượng hàng hoá tồn ghi trên thẻ kho thủ kho tiến hành vào sổ số dư. Sổ số dư do phòng kế toán lập và cuối tháng gửi cho thủ kho để ghi sổ. Định kỳ, thủ kho phân loại chứng từ nhập,

xuất hàng hoá để lập phiếu giao nhận chứng từ và chuyển giao cho phòng kế toán kèm theo các chứng từ nhập, xuất.

Ở phòng kế toán: Kế toán có trách nhiệm theo định kỳ từ 3 đến 5 ngày xuống kho để kiểm tra, hướng dẫn thủ kho ghi chép và xem xét việc phân loại chứng từ. Kế toán thu nhận phiếu giao nhận chứng từ và các chứng từ nhập, xuất kho có liên quan. Căn cứ vào chứng từ nhập, xuất kế toán phải đối chiếu vào các chứng từ có liên quan sau đó căn cứ vào giá hạch toán mà công ty đang sử dụng để ghi số tiền vào phiếu giao nhận chứng từ. Từ phiếu giao nhận chứng từ, kế toán tiến hành ghi vào bảng luỹ kế nhập, xuất, tồn hàng hoá. Bảng này được mở riêng cho từng kho mỗi danh điểm hàng hoá được ghi trên một dòng riêng. Cuối tháng, kế toán phải tổng hợp số tiền nhập, xuất trong tháng và tính ra số dư cuối tháng cho từng loại hàng hoá trên bảng luỹ kế. Số dư trên bảng luỹ kế sẽ được đối chiếu với sổ số dư của thẻ kho.

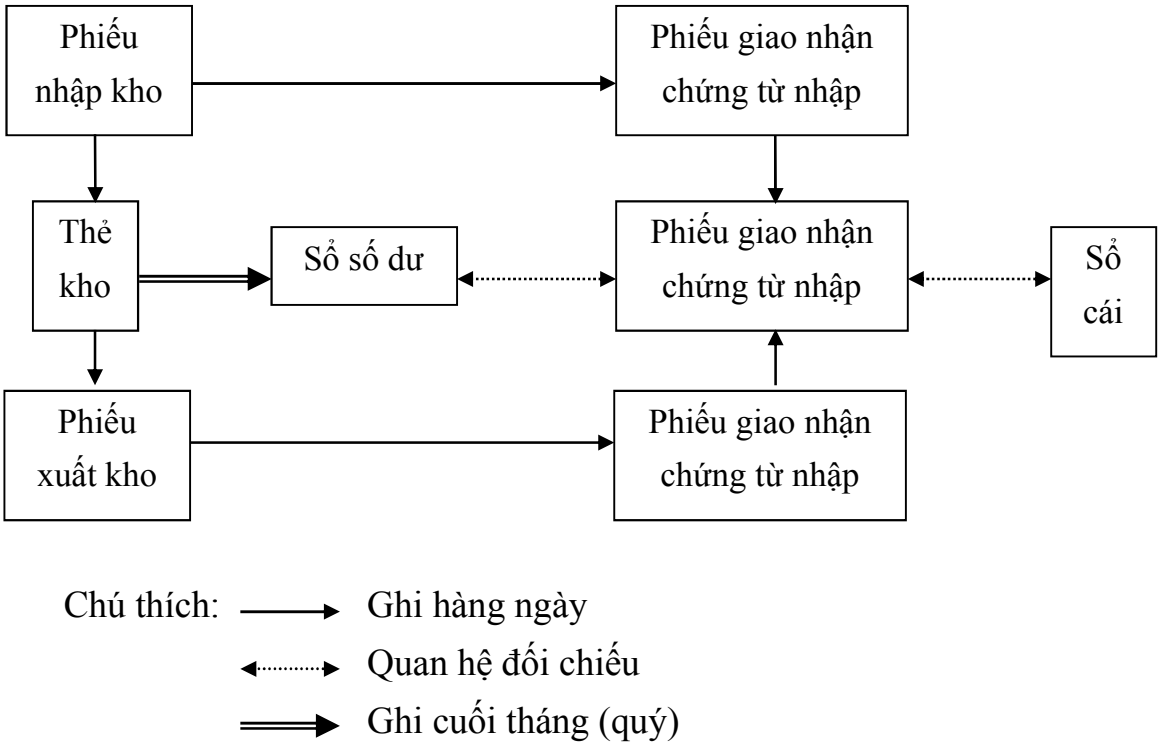

Sơ đồ 1.3. Phương pháp sổ số dư

- Ưu điểm: Tránh được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, cung cấp thông tin thường xuyến giá trị hàng hoá nhập, xuất, tồn
- Nhược điểm: Nếu có nhầm lẫn, sai sót khó phát hiện ra. Công tác này đòi hỏi kế toán và thủ kho phải có trình độ chuyên môn cao.
- Phạm vi áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có khối lượng hàng hóa nhập xuất nhiều, thường xuyên.

1.2.3. Kế toán tổng hợp

1.2.3.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên

❖ *Đặc điểm*

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa theo từng loại vào các tài khoản tương ứng trên sổ kế toán. Theo phương pháp này tại bất kì thời điểm nào, kế toán cũng có thể xác định được lượng hàng hóa nhập, xuất và tồn kho theo từng loại.

❖ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 156 – *Hàng hóa*: Tài khoản dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của hàng hóa, bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng. Tài khoản có hai TK cấp hai gồm TK 1561 và TK 1562.

- Tài khoản 1561 – *Giá mua hàng hóa:* Phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của hàng hóa mua vào và đã nhập kho (tính theo trị giá mua vào)

Bên Nợ

- Trị giá hàng hóa mua vào đã nhập kho theo hóa đơn mua hàng
- Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng nhập khẩu, thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ (nếu có)
- Trị giá của hàng hóa thuê gia công, chế biến xong nhập kho
- Trị giá hàng hóa nhận vốn góp
- Trị giá hàng hóa đã bán bị trả lại nhập kho
- Trị giá hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê

Bên Có

- Trị giá thực tế của hàng hóa xuất kho trong kỳ (xuất bán, trao đổi, biếu tặng, xuất giao đại lý, đơn vị hạch toán phụ thuộc, xuất sử dụng nội bộ, xuất góp vốn liên doanh, liên kết)
- Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng
- Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng
- Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán
- Trị giá hàng hóa hao hụt, mất mát

Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa thực tế tồn kho cuối kỳ.

- Tài khoản 1562 – *Chi phí thu mua hàng hóa:* Phản ánh chi phí thu mua hàng hóa phát sinh liên quan đến số hàng hóa đã nhập kho trong kỳ. Chi phí thu mua hàng hóa bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hóa như: Chi phí bảo hiểm hàng hóa, tiền thuê kho, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản đưa hàng hóa từ nơi mua về đến kho doanh nghiệp,....

Bên Nợ

- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo hiểm hàng mua
- Chi phí kiểm nghiệm, phân loại hàng hóa
- Chi phí thuê kho bãi trong thời gian chờ nhập kho
- Chi phí hoa hồng trả cho bên môi giới mua hàng

Bên Có

- Kết chuyển chi phí thu mua vào giá trị hàng hóa đã nhập kho (kết chuyển sang TK 1561)
- Phân bổ chi phí thu mua cho hàng đã bán

Số dư cuối kỳ: Không có số dư (trong trường hợp doanh nghiệp thực hiện kết chuyển, phân bổ đầy đủ chi phí thu mua vào cuối kỳ)

- Tài khoản 151 – *Hàng mua đang đi đường*: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư mua vào đã xác định là hàng mua nhưng chưa được nhập kho, bàn giao cho các bộ phận khác trong kỳ

- **Bên Nợ**: Trị giá hàng hóa, vật tư đang đi đường cuối kỳ
- **Bên Có**: Trị giá hàng hóa, vật tư đang đi đường các kỳ trước về nhập kho hoặc chuyển bán thẳng đã bàn giao ở kỳ này

Ngoài ra, kế toán mua hàng còn sử dụng các tài khoản liên quan như TK 111, TK 112, TK 331, TK 133,...

❖ *Sổ kế toán sử dụng*

- Sổ nhật ký nhập, xuất kho: Ghi nhận chi tiết các giao dịch nhập, xuất hàng hóa bao gồm ngày, số chứng từ, tên hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền.
- Sổ cái hàng tồn kho: Ghi nhận số lượng và giá trị tồn kho của từng loại hàng hóa. Cập nhật liên tục sau mỗi giao dịch nhập, xuất hàng hóa
- Thẻ kho: Dùng để theo dõi số lượng thực tế hàng hóa tại kho

❖ *Phương pháp hạch toán*

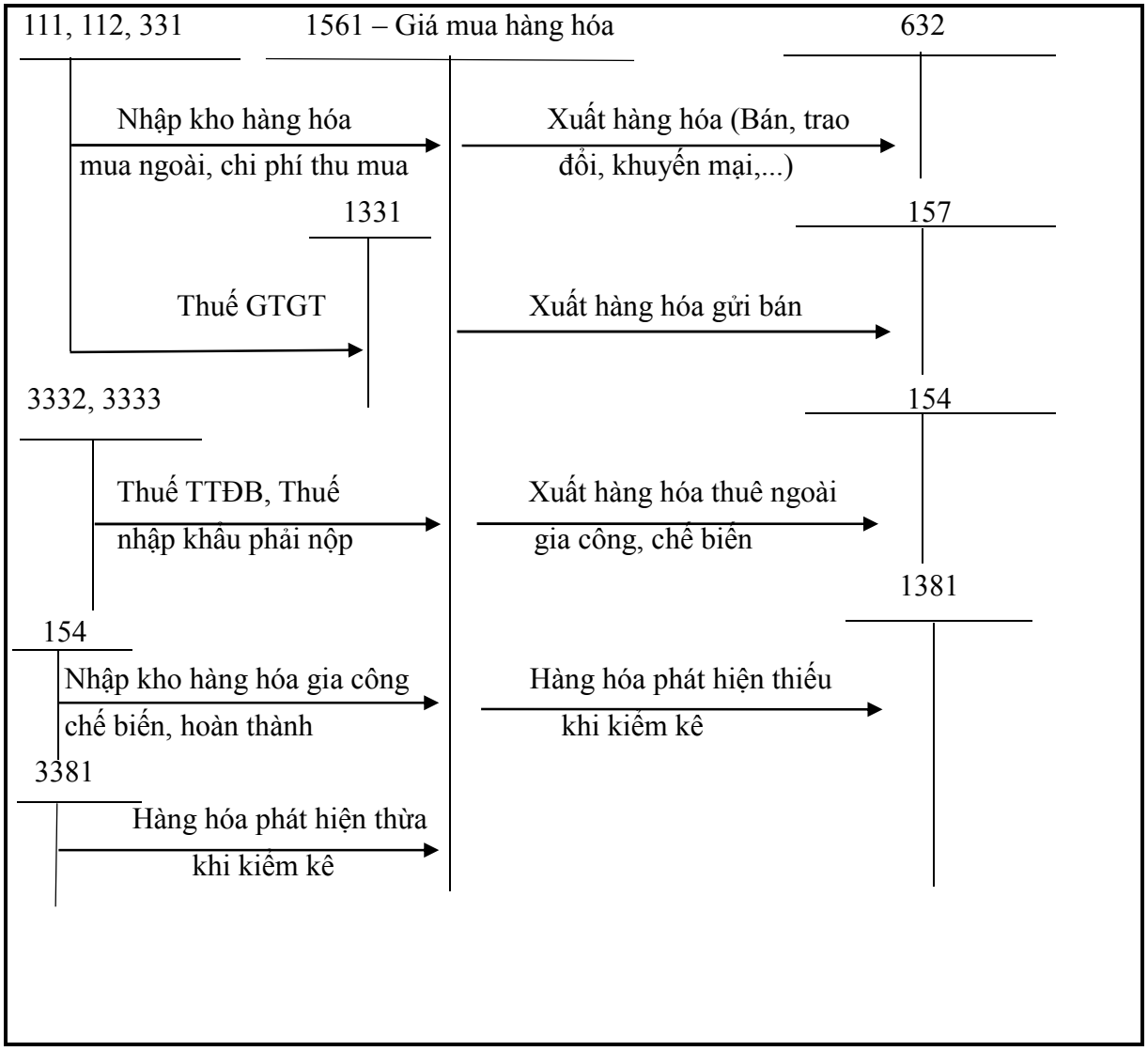
111, 112, 331
1561 – Giá mua hàng hóa
632
Nhập kho hàng hóa mua ngoài, chi phí thu mua
Xuất hàng hóa (Bán, trao đổi, khuyến mại,...)
1331
157
Thuế GTGT
Xuất hàng hóa gửi bán
3332, 3333
154
Thuế TTĐB, Thuế nhập khẩu phải nộp
Xuất hàng hóa thuê ngoài gia công, chế biến
1381
154
Nhập kho hàng hóa gia công chế biến, hoàn thành
Hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê
3381
Hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê

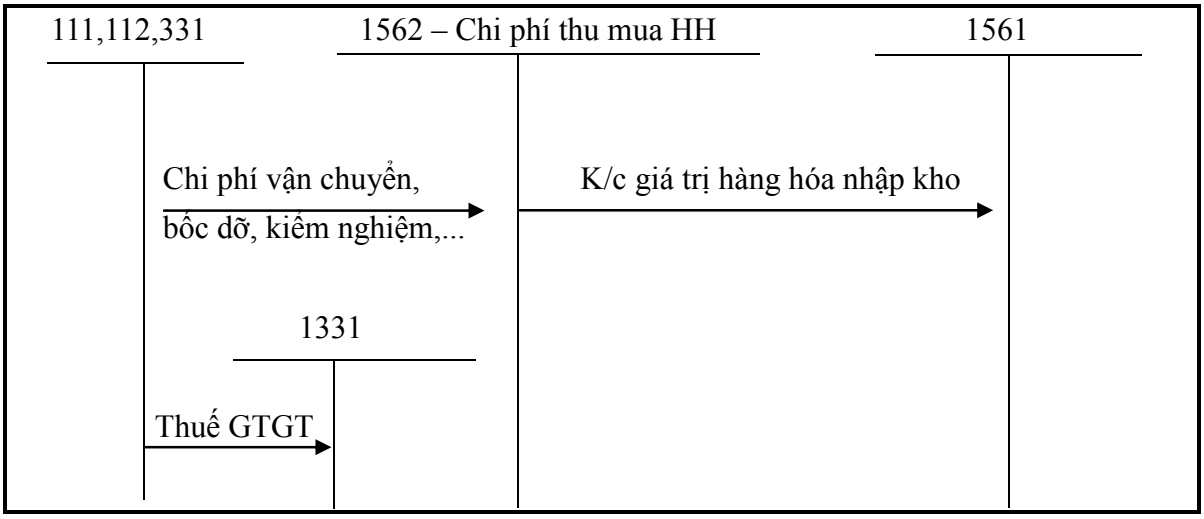
111,112,331
1562 – Chi phí thu mua HH
1561
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, kiểm nghiệm,...
K/c giá trị hàng hóa nhập kho
1331
Thuế GTGT

Sơ đồ 1.4. Sơ đồ kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2.3.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ

❖ *Đặc điểm*: Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế phản ánh giá thực tế tồn kho cuối kì của hàng hóa và tính giá thực tế của hàng hóa đã xuất trong kỳ

Trị giá hàng hóa xuất kho trong kỳ = Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ + Tổng trị giá hàng nhập kho trong kỳ - Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ	[1.2]

❖ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 611 – *Mua hàng*. Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ, có tài khoản cấp hai

Tài khoản 6112 – *Mua hàng hoá*: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hàng hoá mua vào, xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị hàng hoá tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.

Bên Nợ

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê)
- Giá gốc hàng hóa mua vào trong kỳ

Bên Có

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê)
- Giá gốc hàng hóa xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ)
- Giá gốc hàng hóa mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá

Tài khoản không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 156 – *Hàng hóa*: Phản ánh giá trị thực tế (giá gốc) hàng hóa tồn kho
  - Bên Nợ: Phản ánh trị giá thực tế hàng hóa tồn kho cuối kỳ
  - Bên Có: Kết chuyển trị giá thực tế hàng hóa tồn kho đầu kỳ
  - Dư Nợ: Phản ánh trị giá thực tế hàng hóa tồn kho
  - TK 156 có thể mở chi tiết theo từng loại hàng hóa tại kho
- Tài khoản 151 – *Hàng mua đang đi đường*: Phản ánh trị giá thực tế (giá gốc) hàng hóa đã chấp nhận mua hay chấp nhận mua đang đi đường
  - Bên Nợ: Phản ánh trị giá thực tế hàng mua đang đi đường cuối kỳ
  - Bên Có: Kết chuyển trị giá thực tế hàng mua đang đi đường đầu kỳ

- Dư Nợ: Phản ánh trị giá thực tế hàng mua đang đi đường
- TK 151 có thể mở chi tiết theo từng loại hàng hóa

Ngoài ra, kế toán mua hàng còn sử dụng các tài khoản liên quan như TK 111, TK 112, TK 331, TK 133,...

❖ *Phương pháp hạch toán*

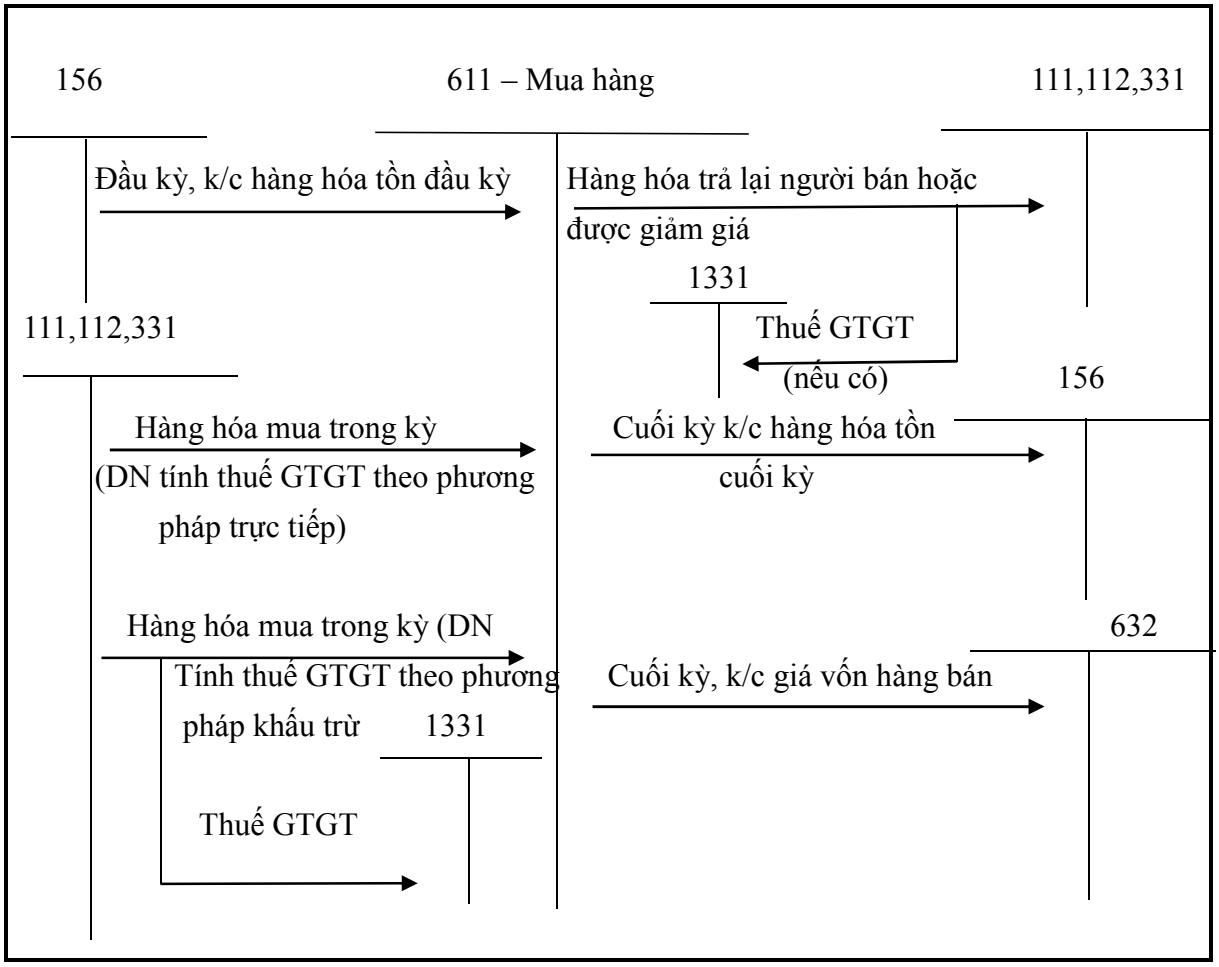

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ kế toán tổng hợp hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.4. Kế toán kiểm kê hàng hóa

Hàng tồn kho là một khoản mục tài sản quản trọng thể hiện trên bảng cân đối kế toán của mỗi doanh nghiệp. Việc kiểm kê và báo cáo thường xuyên khoản mục này giúp người quản lý có căn cứ tin cậy đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh.

Tùy từng điều kiện và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp có thể thực hiện kiểm kê thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ. Quy trình kiểm kê hàng tồn kho giúp hạn chế tổn thất về hàng hóa, tránh tình trạng hàng hóa lâu ngày hỏng hóc, hao mòn hoặc đôi khi không sử dụng được. Vì vậy muốn giảm bớt được

chi phí thì doanh nghiệp phải xây dựng quy trình cũng như tổ chức kiểm kê hàng tồn kho hiệu quả.

1.3. Kế toán công nợ phải trả

1.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ *Chứng từ*

- Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn mua hàng (bên bán lập): Đây là chứng từ quan trọng nhất, thể hiện giá trị hàng hóa, dịch vụ đã mua từ nhà cung cấp
- Hợp đồng mua bán
- Hợp đồng vay, khế ước vay
- Biên bản giao nhận hàng hóa
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Phiếu nhập kho
- Giấy đề nghị thanh toán, giấy báo nợ, giấy báo có, phiếu chi, ủy nhiệm chi,…

❖ *Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 331 – *Phải trả người bán*: Là tài khoản được sử dụng để phản ánh, theo dõi và quản lý chi tiết các khoản nợ cho từng nhà cung cấp, đảm bảo việc ghi nhận và thanh toán công nợ được chính xác, đầy đủ và kịp thời

Bên Nợ

- Số tiền phải trả hoặc ứng trước cho nhà cung cấp
- Giảm giá, hàng mua trả lại cho người bán
- Chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán

Bên Có

- Số tiền phải trả cho người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của hàng hóa khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản có liên quan như: TK 111, TK 112, TK 133, TK 635...

❖ *Phương pháp hạch toán*

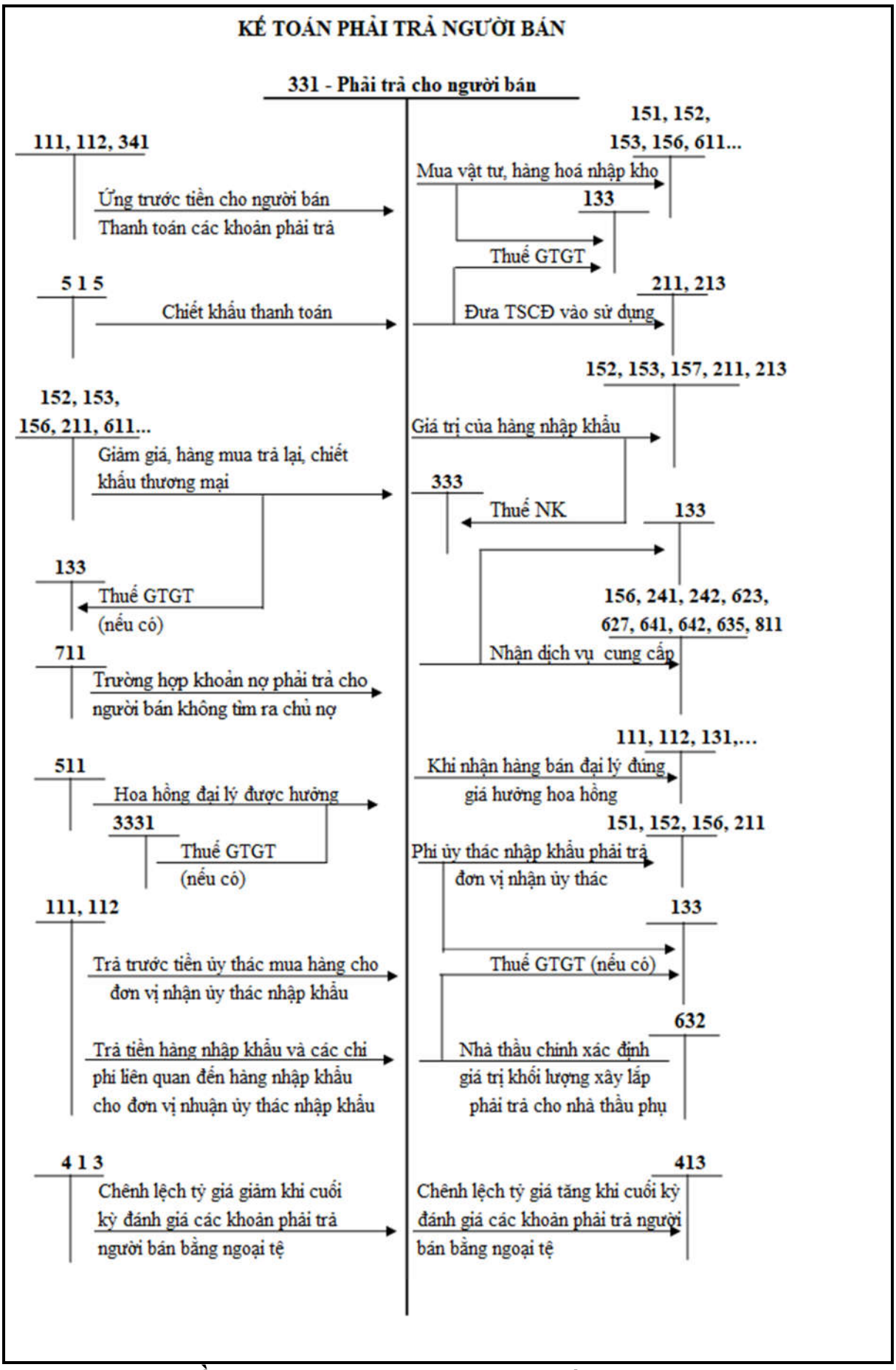

Sơ đồ 1.6. Phương pháp hạch toán công nợ phải trả

1.3.2. Kế toán tăng công nợ phải trả

Công nợ phải trả tăng lên khi doanh nghiệp nhận hàng hóa, dịch vụ từ nhà cung cấp nhưng chưa thanh toán ngay. Việc ghi nhận công nợ phải trả yêu cầu tính chính xác, minh bạch và tuân thủ các quy định kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

❖ *Quy trình*

Khi nhập hàng hóa từ nhà cung cấp, bộ phận mua hàng phối hợp với bộ phận kho và kế toán tiếp nhận và kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa dựa trên hợp đồng mua bán. Nếu phát hiện sai lệch, kế toán lập biên bản kiểm nhận và phối hợp với nhà cung cấp để điều chỉnh. Trường hợp chưa thanh toán ngay, kế toán căn cứ vào chứng từ nhập hàng như hóa đơn, hợp đồng để ghi nhận công nợ phải trả. Với hàng nhập khẩu, kế toán bổ sung các khoản thuế nhập khẩu, thuế GTGT và chi phí liên quan như vận chuyển, hải quan,..(nếu có). Sau đó, kế toán đối chiếu số liệu công nợ với hợp đồng, hóa đơn và sổ chi tiết công nợ phải trả. Nếu có chênh lệch, kế toán làm việc với bộ phận mua hàng và nhà cung cấp để kiểm tra, điều chỉnh. Định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu, kế toán thực hiện đối chiếu công nợ với nhà cung cấp, lập biên bản xác nhận số liệu để đảm bảo tính chính xác. Các chứng từ liên quan được lưu trữ đầy đủ, tuân thủ theo quy định pháp luật.

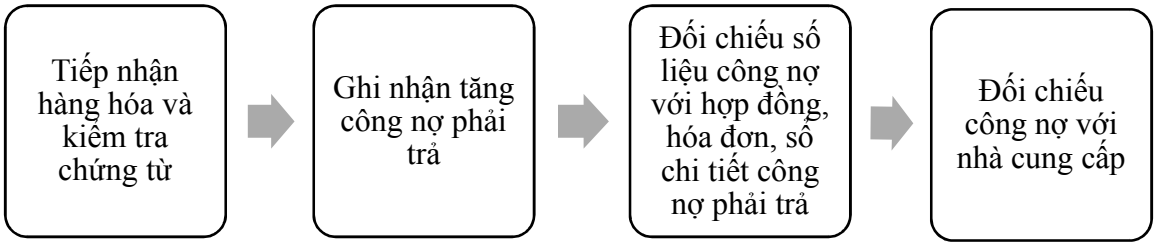

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ quy trình kế toán tăng công nợ phải trả

1.3.3. Kế toán giảm công nợ phải trả

Tại doanh nghiệp, công nợ phải trả phát sinh giảm chủ yếu khi doanh nghiệp thực hiện thanh toán cho nhà cung cấp. Quá trình này yêu cầu tính chính xác, minh bạch và tuân thủ quy trình kế toán, chính sách tài chính của công ty.

❖ *Quy trình*

Kế toán đối chiếu sổ công nợ chi tiết với từng nhà cung cấp, đồng thời kiểm tra các chứng từ liên quan: hóa đơn, hợp đồng, biên bản đối chiếu công

nợ,…Căn cứ vào số tiền phải thanh toán cho nhà cung cấp, bộ phận kế toán xác định phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Sau khi thực hiện thanh toán, kế toán ghi nhận giảm công nợ phải trả nhà cung cấp. Trường hợp phát sinh nghiệp vụ trả lại hàng hóa, được chiết khấu thanh toán hoặc giảm giá hàng mua, kế toán cũng tiến hành ghi giảm công nợ phải trả. Cuối cùng, kế toán lưu trữ các chứng từ liên quan và ghi sổ chi tiết công nợ theo từng nhà cung cấp để đảm bảo việc theo dõi và đối chiếu định kỳ.

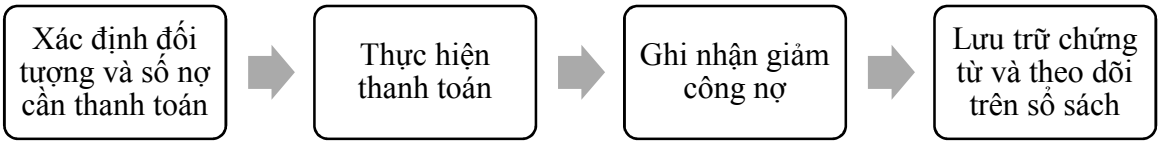

Sơ đồ 1.8. Sơ đồ quy trình kế toán giảm công nợ phải trả

1.4. Các hình thức ghi sổ chủ yếu

Mỗi doanh nghiệp sẽ có những hình thức ghi sổ kế toán khác nhau. Dựa vào nhiều đặc điểm như đặc điểm sản xuất kinh doanh, khả năng kiểm soát thông tin, trình độ của kế toán..., doanh nghiệp sẽ lựa chọn được hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm của mình. Tuy nhiên kế toán thường lựa chọn ba hình thức ghi sổ sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Kế toán trên máy vi tính

1.4.1. Hình thức Nhật ký chung

❖ *Đặc trưng*: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung của nghiệp vụ đó. Sau đó, tất cả các số liệu trên sổ Nhật ký chung được kế toán ghi vào Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ *Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:*

- Sổ Nhật ký chung (Mẫu số S04a-DN)
- Sổ Nhật ký đặc biệt (Mẫu số S04b-DN)
- Sổ Cái (Mẫu số S03a-DN)
- Các sổ (thẻ) kế toán chi tiết

- Sổ chi tiết tài khoản (Mẫu số S38-DN)
  - Sổ chi tiết công nợ phải trả (Mẫu số S11-DN)
  - Thẻ kho (Mẫu số S20-DN)

❖ *Trình tự ghi sổ*

Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán tương ứng. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì kế toán căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan.

Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung

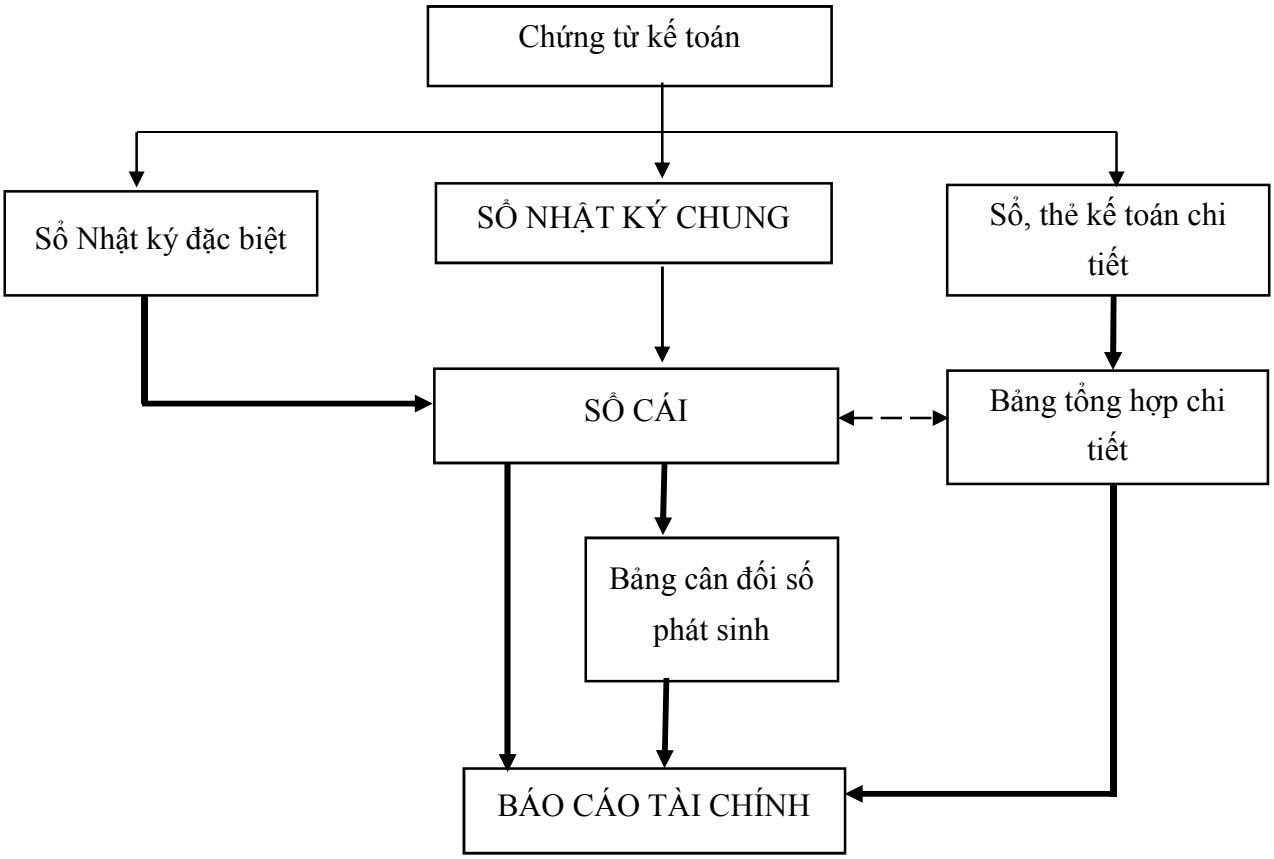

Ghi chú

⟶ Ghi hàng ngày

⟶ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

←– –→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

- *Ưu điểm*: Các nghiệp vụ được thống kê theo trình tự thời gian nên thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu từng nghiệp vụ phát sinh
- *Nhược điểm*: Một nghiệp vụ kinh tế có thể sẽ được ghi vào Nhật ký chung nhiều lần do đó cần có sự kiểm tra trước khi phản ánh các nghiệp vụ vào Sổ cái

1.4.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ

❖ *Đặc trưng*: Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

❖ *Hình thức chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau*

- Chứng từ ghi sổ (Mẫu số S02a-DN)
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Mẫu số S02b-DN)
- Sổ cái (Mẫu số S03b-DN)
- Các sổ (thẻ) kế toán chi tiết

❖ *Trình tự ghi sổ*

Căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó kế toán ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ (thẻ) chi tiết có liên quan.

Kế toán khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải

bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

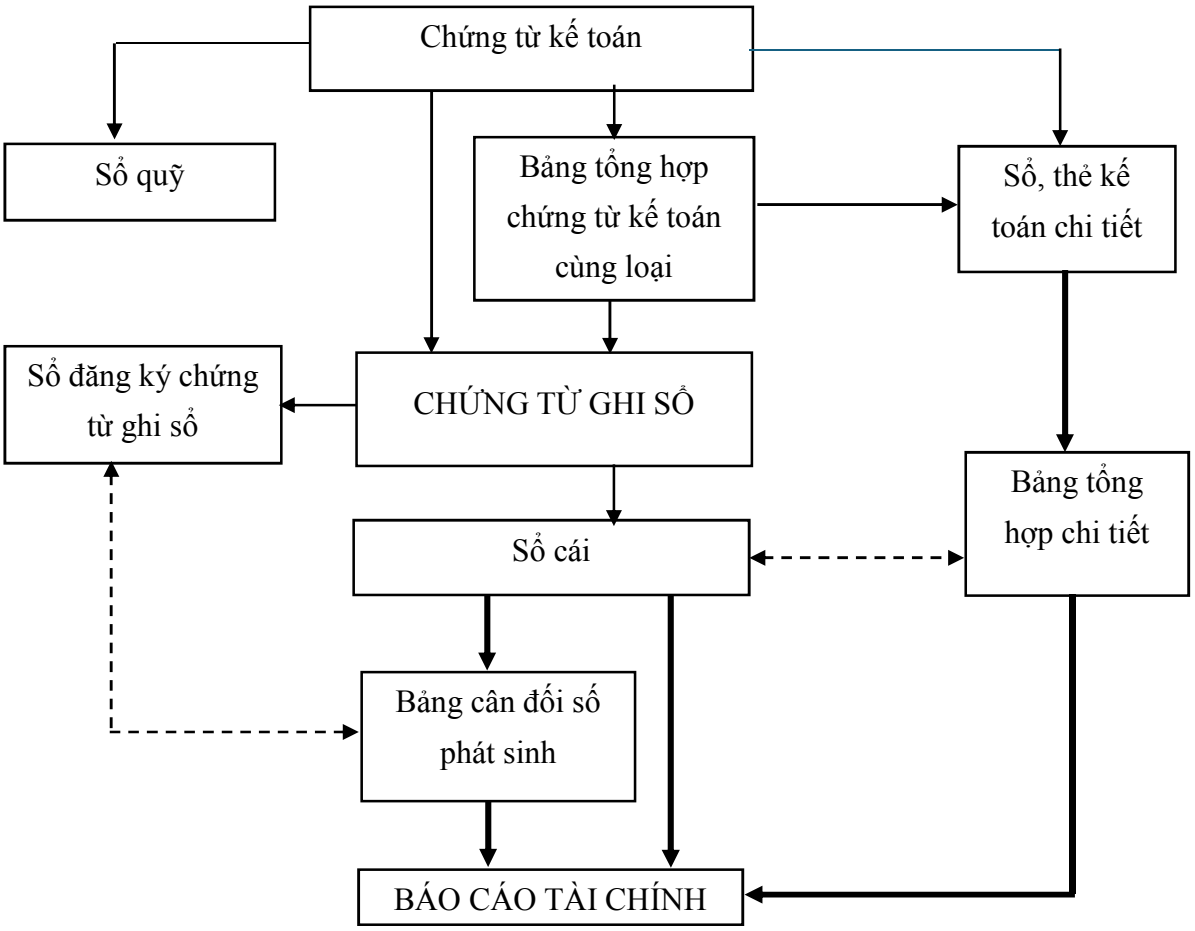

Ghi chú

⟶ Ghi hàng ngày

⟶ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

←– –→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

- *Ưu điểm*:

- Đơn giản, dễ ghi chép
- Phân công lao động kế toán thuận lợi

- *Nhược điểm*

- Khối lượng công việc kế toán lớn do: Số lượng ghi chép nhiều, có hiện tượng trùng lặp
- Không có sự kiểm tra đối chiếu thường xuyên
- Việc cung cấp thông tin khi có nhu cầu thường bị chậm

1.4.3. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ *Đặc trưng*: Việc thực hiện các bút toán, hạch toán các nghiệp vụ của kế toán nói chung dược thực hiện bằng chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính

❖ Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định

- Hình thức nhật ký chung
- Hình thức nhật ký sổ cái
- Hình thức chứng từ ghi sổ
- Hình thức nhật ký chứng từ

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức ghi sổ nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng thủ công

❖ *Trình tự ghi sổ*

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán => Các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập báo cáo tài chính. Kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Kế toán thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

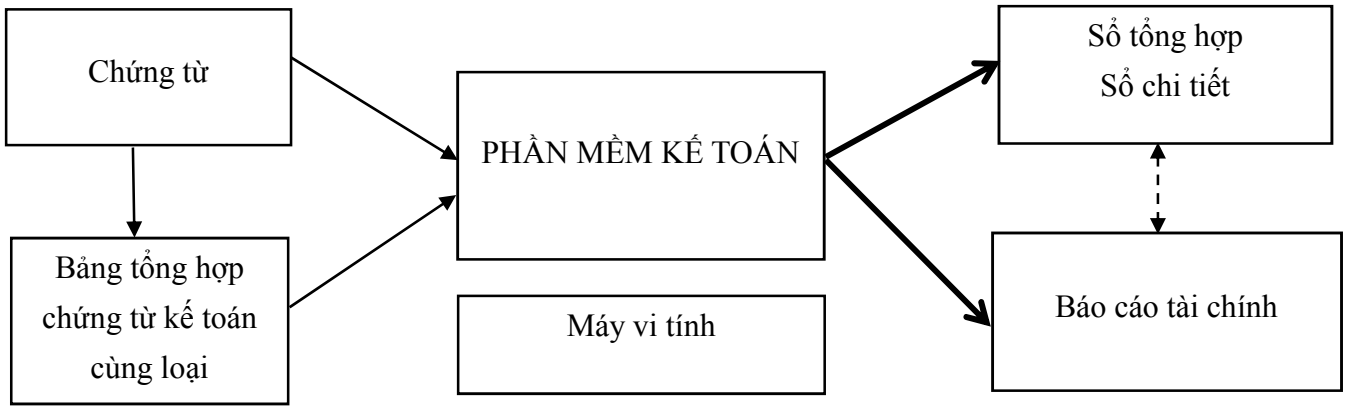

Ghi chú

Nhập số liệu hằng ngày

In số, báo cáo cuối tháng, cuối năm

Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

- *Ưu điểm*:

- Tốc độ nhập và xử lý dữ liệu vào máy tính thực hiện ổn định và nhanh hơn hẳn so với hình thức kế toán thủ công. Thông tin dữ liệu khi cần thiết kế toán có thể tra cứu ngay lập tức và có thể gửi đi cho nhiều người cùng lúc.
- Nhờ tính năng dự báo dòng tiền, lập các báo cáo tự động và cảnh báo thông minh trên phần mềm mà các nguồn tài nguyên của doanh nghiệp được sử dụng hiệu quả hơn. Dòng tiền sẽ được cải thiện thông qua thu nợ tốt hơn và hàng tồn kho cũng được kiểm soát một cách dễ dàng.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính không chỉ giảm thời gian nhân viên thực hiện nghiệp vụ mà còn giảm chi phí kiểm toán như hồ sơ gọn gàng, lên nhật và chính xác.

- *Nhược điểm:*

- Yêu cầu trình độ kế toán tốt, kế toán viên cần có kiến thức vững về kế toán và phần mềm, khả năng xử lý sự cố cơ bản.
- Chi phí vận hành cho hệ thống tương đối lớn. Bởi các phần mềm luôn liên tục cập nhật định kỳ, doanh nghiệp sẽ phải trả thêm chi phí bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp ngoài chi phí mua ban đầu.
- Ngoài ra, mỗi doanh nghiệp, mỗi ngành nghề kinh doanh sẽ có những đặc thù nhất định trong công tác kế toán nên có thể sẽ cần phải thiết kế thêm các tính năng riêng để phục vụ nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Chương 2
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

❖ *Thông tin chung*

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Tên viết tắt: TNB-GP

Loại hình hoạt động: Công ty cổ phần ngoài Nhà nước

Mã số thuế: 2700928647

Trụ sở chính: Thửa đất số 392, Khu công nghiệp Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Trung Kiên

Số điện thoại: 02293.897.999

Email: kiennt@toyotagiaiphong.com.vn

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.

❖ *Quá trình hình thành và phát triển*

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường, Công ty ô tô Toyota Việt Nam tiếp tục mở rộng mạng lưới chi nhánh đại lý và trạm dịch vụ ủy quyền tại khu vực miền Bắc với việc ra mắt Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình (Công ty). Công ty được thành lập tháng 4 năm 2021, có địa chỉ tại số 392, khu công nghiệp Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình chính thức đi vào hoạt động từ ngày 26 tháng 4 năm 2021. Công ty được xây dựng trên diện tích 5.000m2 với 3 khu vực chính: phòng trưng bày sản phẩm, khu vực phòng chờ cho khách hàng và xưởng dịch vụ. Khu vực xưởng được thiết kế với 23 khoang sửa chữa, bao gồm 10 khoang bảo dưỡng nhanh và sửa chữa chung, 13 khoang sửa chữa đồng sơn được trang bị phòng sơn hiện đại, hệ thống khuấy sơn và pha màu trong khu vực khép kín, đảm bảo vệ sinh môi trường. Đặc biệt, Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình có khu vực phòng trưng bày, phòng chờ khách

hàng rộng rãi, thiết kế hiện đại mang lại cho khách hàng cảm giác thoải mái khi tới Công ty sử dụng dịch vụ.

Công ty chuyên nhập trực tiếp từ các nhà cung cấp chính hãng và phân phối thiết bị, phụ tùng ô tô chất lượng cao đên khách hàng. Với khẩu hiệu "tận tâm, chuyên nghiệp", Công ty luôn sẵn sàng phục vụ khách hàng, với sứ mệnh mang đến cho khách hàng khu vực tỉnh Ninh Bình và các khu vực lân cận những sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo nhất. Trong suốt quá trình kinh doanh, Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình đã khẳng định được là một trong những đơn vị cung cấp thiết bị ô tô uy tín, chất lượng hàng đầu trên địa bàn khi đưa doanh nghiệp vào Top 3 trên cả nước là đại lý có doanh số và dịch vụ tốt nhất năm 2023.

Nhờ việc đầu tư cơ sở vật chất cùng đội ngũ nhân lực được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, có kỹ năng chuyên môn cao cùng tinh thần phục vụ khách hàng bằng cả tấm lòng, Công ty đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của Toyota toàn cầu, sẵn sàng cung cấp các sản phẩm và dịch vụ với chất lượng cao nhất, mang lại sự hài lòng cho khách hàng. Với những tiêu chí khắt khe nhất của một hãng xe toàn cầu, kết hợp với tinh thần Omotenashi đặc trưng của người Nhật Bản, Công ty luôn tự tin sẽ thể hiện được sự khác biệt của mình so với các đối thủ cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty đã và đang tích lũy được những kinh nghiệm quản lý và kinh nghiệm bán hàng trong quá trình hoạt động kinh doanh, tích tụ thêm vốn và các mối quan hệ với các doanh nghiệp bạn trong và ngoài thành phố, nhờ vậy doanh thu hàng năm đang dần tăng trưởng.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

❖ *Chức năng, ngành nghề kinh doanh*

Hiện nay, Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình đang kinh doanh trên các lĩnh vực chủ yếu sau:

- Nhập trực tiếp các dòng xe ô tô Toyota (Bao gồm cả xe ô tô mới và xe ô tô đã qua sử dụng), các phụ tùng, linh kiện từ các nhà cung cấp chính hãng, phân phối cho khách hàng
- Các dịch vụ cung cấp gồm:

- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng

- Thay thế và lắp ráp phụ tùng
- Lắp đặt đồ chơi xe
- Các dịch vụ spa, làm đẹp xe

❖ *Nhiệm vụ*

Công ty đang từng bước thực hiện mục tiêu trở thành một trong những Công ty cung cấp thiết bị và dịch vụ ô tô tốt nhất Ninh Bình và các khu vực lân cận. Với mong muốn đạt được sự tín nhiệm của khách hàng và các đối tác chính là thành công của Công ty. Công ty có nhiệm vụ mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hoàn thành bộ máy và chính sách của Công ty theo quy định hiện hành của pháp luật. Hoạt động kinh doanh đúng với nhu cầu thị hiếu của thị trường, bảo toàn và tăng cường vốn, mở rộng kinh doanh,…Bên cạnh đó, giúp mỗi người lao động có thể đảm bảo thu nhập ổn định, phát triển nâng cao đời sống tinh thần và tự hào khi làm việc tại Công ty.

❖ *Tôn chỉ hoạt động*

- Tuân thủ nghiêm túc các văn bản pháp luật, các tiêu chuẩn, quy định của Nhà nước và thành phố trong mọi hoạt động kinh doanh của Công ty
- Thiết lập mối quan hệ gắn bó với khách hàng và thị trường, chú trọng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đối tác.

2.1.3. Đặc điểm về hàng hóa và quy trình kinh doanh của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

❖ *Đặc điểm về hàng hóa*

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình kinh doanh các dòng xe ô tô Toyota, bao gồm cả xe ô tô mới và ô tô đã qua sử dụng. Bên cạnh đó Công ty mua từ các nhà cung cấp trong nước các loại phụ tùng và phụ kiện xe chính hãng để phục vụ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt theo yêu cầu của khách hàng. Các sản phẩm chủ yếu gồm:

- Các dòng xe ô tô như: Toyota Vios, Toyota Camry, Toyota Land Cruiser, Toyota Fortuner,...
- Các thiết bị, phụ kiện xe như: Camera hành trình trước Gen 3, ốp hướng gió cản sau, ốp hướng gió khoang hành lý, ốp hướng gió sườn xe, tấm phim bảo vệ hõm cửa...
- Các dịch vụ xe: Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp ráp phụ tùng,...

❖ *Quy trình kinh doanh*

Bộ phận bán hàng căn cứ vào tình hình thực tế của thị trường, nhu cầu của khách hàng và số lượng xe tồn kho để xây dựng kế hoạch nhập xe từ nhà cung cấp, chủ yếu là Công ty ô tô Toyota Việt Nam. Sau khi kế hoạch được Ban Giám đốc phê duyệt, bộ phận bán hàng phối hợp với các bộ phận liên quan tiến hành đặt hàng, theo dõi tiến độ giao nhận và tiếp nhận xe tại kho.

Khi xe được bàn giao, bộ phận kế toán thực hiện các thủ tục kế toán liên quan đến ghi nhận tăng hàng hóa, đồng thời phối hợp với các bộ phận nhập kho để đảm bảo kiểm soát số lượng và chất lượng hàng nhập. Sau đó, xe được phân phối đến khách hàng thông qua hoạt động bán hàng tại showroom, các chương trình trưng bày sản phẩm, lái thử xe và các hình thức quảng bá khác. Bên cạnh hoạt động bán hàng, Công ty còn chú trọng đến dịch vụ hậu mãi bao gồm bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa theo tiêu chuẩn của Toyota nhằm đảm bảo sự hài lòng của khách hàng và duy trì uy tín doanh nghiệp. Các ý kiến phản hồi từ khách hàng được thu thập, xử lý nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong thời gian tới.

2.1.4. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây

Bảng 2.1. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty qua 3 năm gần nhất

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch tuyệt đối		Chênh lệch tương đối	
				2023-2022	2024-2023	2023-2022	2024-2023
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	160.235.678.000	184.912.453.000	209.764.382.000	+24.676.775.000	+24.851.929.000	+15,4%	+13,4%
2. Tài sản cố định	230.678.923.000	216.345.782.000	291.876.539.000	-14.333.141.000	+75.530.757.000	- 6.2%	+34.9%
3. Doanh thu thuần	501.482.379.000	619.875.234.000	748.963.421.000	+118.392.855.000	+129.088.187.000	+23,6%	+20,8%
4. Lợi nhuận sau thuế	49.893.215.000	64.127.893.000	79.642.758.000	+14.234.678.000	+15.514.865.000	+28,5%	+24,2%
5. Số lao động	72	86	97	+14	+11	+19,4%	+12,8%
6.TNBQ/ người/ tháng	9.135.000	10.275.000	11.350.000	+1.140.000	+1.075.000	+12,5%	+10,5%

(Nguồn:Phòng kế toán)

❖ *Nhận xét*

Qua bảng phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình trong giai đoạn 2022 - 2024, có thể thấy kết quả kinh doanh của Công ty trong có xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ, phản ánh sự phát triển ổn định về tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty liên tục tăng qua các năm, từ 160.235.678.000 đồng (năm 2022) lên 184.912.453.000 đồng (năm 2023), tăng 15,4%, và tiếp tục đạt 209.764.382.000 đồng trong năm 2024, tăng thêm 13,4% so với năm trước. Việc tăng trưởng đều đặn về vốn chủ sở hữu phản ánh Công ty đang tích lũy được lợi nhuận, nâng cao năng lực tài chính nội tại và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

- Tài sản cố định trong năm 2023 giảm nhẹ 6,2% so với năm 2022, từ 230.678.923.000 đồng xuống còn 216.345.782.000 đồng. Tuy nhiên, đến năm 2024, chỉ tiêu này đã tăng mạnh lên mức 291.876.539.000 đồng (tăng 34,9% so với năm 2023). Điều này cho thấy trong năm 2024, Công ty có thể đã đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung thêm các trang thiết bị hoặc tài sản cố định nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh thị trường ô tô đang dần hồi phục và cạnh tranh ngày càng cao.

- Từ năm 2022 đến 2024, doanh thu thuần liên tục tăng trưởng đạt 501.482.379.000 đồng (năm 2022), 619.875.234.000 đồng (năm 2023), và đạt mức 748.963.421.000 đồng trong năm 2024. Tốc độ tăng lần lượt là 23,6% và 20,8%. Đây là mức tăng trưởng khá cao, cho thấy chiến lược kinh doanh của Công ty đang phát huy hiệu quả, khả năng tiêu thụ sản phẩm tốt và Công ty đã mở rộng được thị phần.

- Lợi nhuận sau thuế cũng tăng trưởng tích cực, từ 49.893.215.000 đồng (năm 2022) lên 64.127.893.000 đồng (năm 2023), tương đương tăng 28,5%, và tiếp tục đạt 79.642.758.000 đồng vào năm 2024 (tăng 24,2%). Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao hơn tốc độ tăng doanh thu, chứng tỏ Công ty đang quản lý chi phí hiệu quả, kiểm soát tốt các khoản chi và gia tăng giá trị từ hoạt động kinh doanh cốt lõi.

- Số lượng lao động cũng có xu hướng tăng dần qua các năm: từ 72 người (năm 2022) lên 86 người (năm 2023) và đạt 97 người (năm 2024). Điều

này phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động đồng thời thể hiện nhu cầu về nhân lực trong bối cảnh Công ty đang phát triển và tăng cường hoạt động bán hàng, dịch vụ.

- Cuối cùng, thu nhập bình quân đầu người trên tháng có sự cải thiện rõ rệt, từ 9.135.000 đồng (năm 2022) lên 10.275.000 đồng (năm 2023) và đạt 11.350.000 đồng (năm 2024), tương ứng với mức tăng 12,5% và 10,5%. Điều này thể hiện chính sách đãi ngộ nhân viên hợp lý, góp phần nâng cao động lực làm việc và giữ chân người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

Qua phân tích số liệu, có thể nhận thấy Công ty đang có sự phát triển ổn định và tăng trưởng bền vững với các điểm nổi bật sau:

- Tình hình tài chính vững mạnh, Công ty có sự gia tăng về nguồn vốn chủ sở hữu và tài sản cố định, thể hiện khả năng quản lý tài chính tốt, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh, phản ánh hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và chiến lược mở rộng thị trường.

- Số lượng lao động tăng và thu nhập bình quân cũng được cải thiện, giúp nâng cao chất lượng làm việc của nhân viên. Công ty đang có nền tảng tài chính vững chắc và tiềm năng mở rộng kinh doanh trong tương lai. Tuy nhiên, để duy trì tốc độ tăng trưởng, Công ty cần tiếp tục tối ưu hóa chi phí, nâng cao dịch vụ khách hàng và mở rộng hệ thống phân phối.

- Trong thời gian tới Công ty nên phát triển thêm các kênh bán hàng trực tuyến, đẩy mạnh chiến dịch quảng bá thương hiệu để thu hút nhiều khách hàng hơn. Kiểm soát tốt hơn các khoản chi phí cố định và biến đổi để nâng cao hiệu suất hoạt động đồng thời cải thiện dịch vụ hậu mãi, đào tạo nhân viên để nâng cao trải nghiệm khách hàng.

2.1.5. Đặc điểm và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Xuất phát từ yêu cầu đảm bảo hoạt động kinh doanh dịch vụ ô tô đạt hiệu quả cao, duy trì sự tồn tại và phát triển bền vững trên thị trường, Công ty luôn chú trọng xây dựng bộ máy quản lý phù hợp với mô hình kinh doanh của mình. Hiện nay, Công ty đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, nhân viên có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm, tận tâm với công việc. Bộ máy tổ chức của Công ty được thực hiện theo phương pháp quản lý trực tiếp, giúp Ban giám đốc có thể nắm bắt kịp thời mọi hoạt động kinh

doanh. Điều này tạo điều kiện cho Công ty đưa ra các quyết định, chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và vị thế của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh thương mại ô tô.

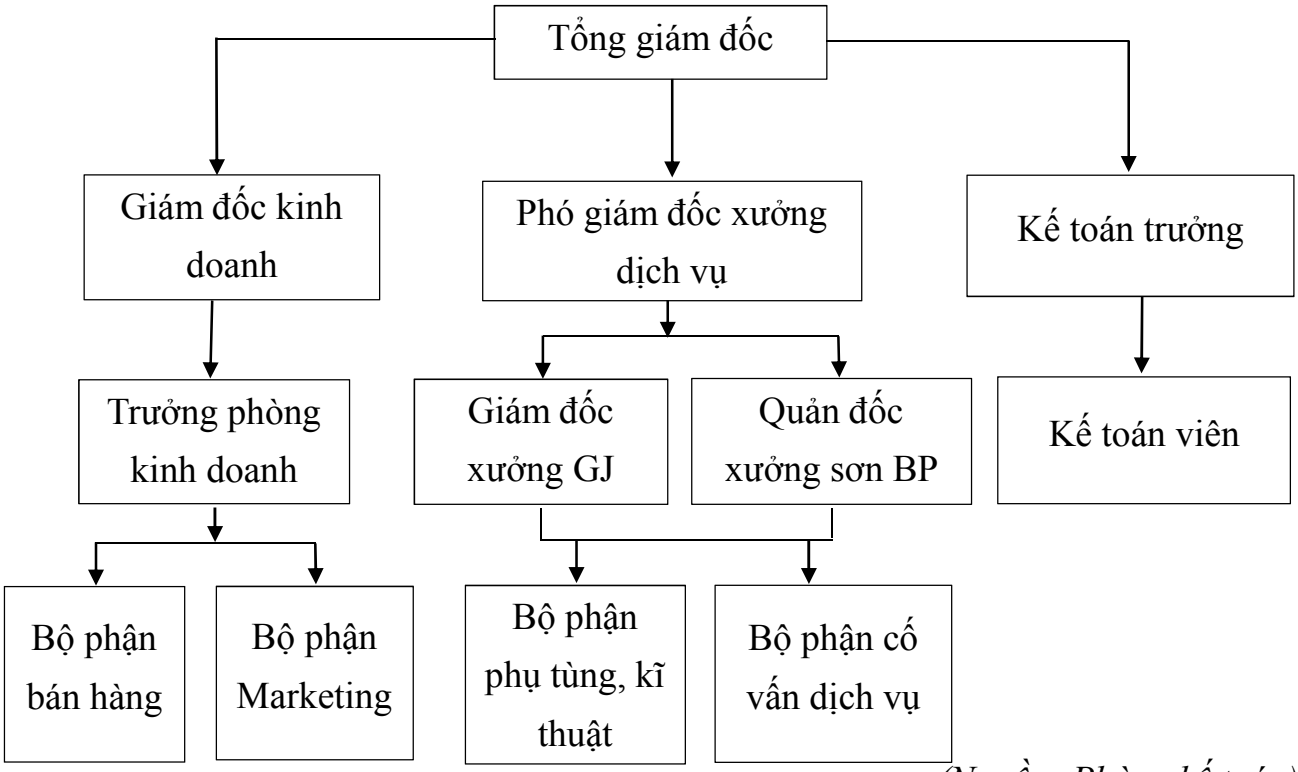

(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Tổng giám đốc: Là người đứng đầu Công ty, người chỉ huy cao nhất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Công ty trước pháp luật và nhà nước. Đồng thời là người quản lý, điều hành trực tiếp về mọi hoạt động và kết quả kinh doanh, về đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ công nhân viên và sự trưởng thành của Công ty. Đồng thời, Tổng giám đốc là chủ tài khoản của doanh nghiệp, phê duyệt các chứng từ.

Giám đốc kinh doanh: Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm bán hàng, chăm sóc khách hàng và phát triển thị trường.

Trưởng phòng kinh doanh: Người trực tiếp tổ chức, điều hành hoạt động bán hàng và marketing. Đảm bảo chỉ tiêu doanh số, chăm sóc khách hàng.

Bộ phận bán hàng: Phụ trách toàn bộ quy trình bán hàng và tham gia vào cả quá trình mua hàng tại Công ty. Đảm nhiệm tư vấn sản phẩm, hỗ trợ

khách hàng trong các thủ tục giao nhận xe, ký kết hợp đồng mua bán ô tô. Ngoài ra, bộ phận còn phối hợp với các phòng ban liên quan trong việc đặt hàng từ nhà cung cấp, đảm bảo đủ nguồn xe phục vụ cho hoạt động kinh doanh, góp phần duy trì hiệu quả chuỗi cung ứng của Công ty.

Bộ phận Marketing: Đảm nhiệm công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm, tổ chức các chương trình khuyến mãi, xây dựng hình ảnh thương hiệu Công ty.

Phó giám đốc xưởng dịch vụ: Phụ trách toàn bộ hoạt động dịch vụ sau bán hàng, đặc biệt là bảo dưỡng, sửa chữa xe. Bộ phận này có vai trò quan trọng trong việc duy trì mối quan hệ với khách hàng và đảm bảo uy tín của Công ty.

Giám đốc xưởng GJ: Quản lý mảng sửa chữa chung (General Job), đảm bảo tiến độ và chất lượng sửa chữa xe.

Quản đốc xưởng sơn BP: Phụ trách công tác đồng – sơn xe (Body & Paint), xử lý các xe bị tai nạn hoặc cần sơn lại.

Bộ phận phụ tùng, kĩ thuật: Bao gồm các kỹ thuật viên chuyên môn cao, trực tiếp thực hiện các công việc sửa chữa, bảo dưỡng xe

Bộ phận cố vấn dịch vụ: Chịu trách nhiệm tiếp nhận thông tin từ khách hàng, tư vấn phương án sửa chữa, lập báo giá và theo dõi tiến độ thực hiện.

Kế toán trưởng: Phụ trách toàn bộ công tác kế toán – tài chính của Công ty. Kế toán trưởng đảm bảo việc ghi chép kế toán đầy đủ, chính xác, lập báo cáo tài chính đúng thời hạn, đồng thời hỗ trợ giám đốc trong công tác quản lý tài chính.

Kế toán viên: Thực hiện các nghiệp vụ kế toán chi tiết như hạch toán chi phí, doanh thu, công nợ, lập chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo thuế.

2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

❖ *Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán*

Bộ máy kế toán tại Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán đều do phòng kế toán thực hiện. Hình thức này có thể đảm bảo việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận nhanh chóng, kịp thời,

phù hợp với phạm vi kinh doanh tập trung của Công ty, đồng thời giúp kiểm soát tốt tài chính, giảm sai sót và tối ưu nguồn lực.

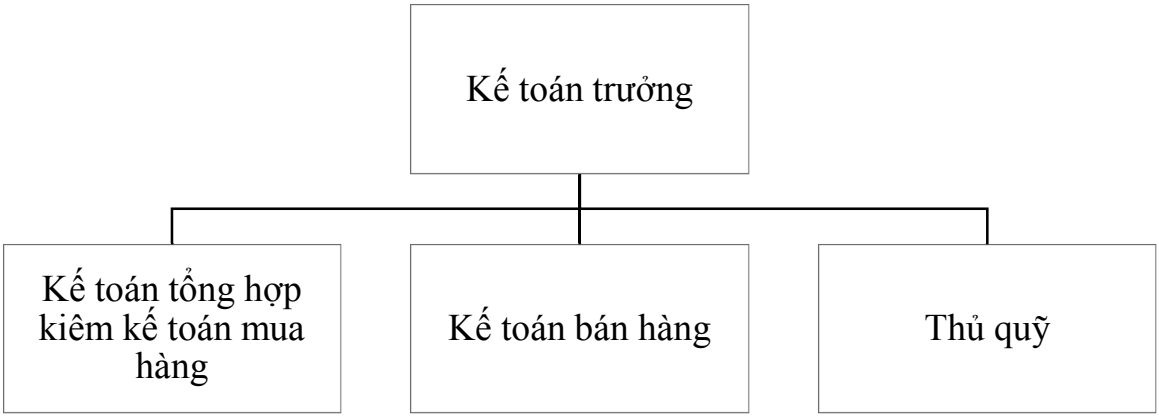

(Nguồn: Phòng kế toán)

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Kế toán trưởng: Là người đứng đầu bộ phận kế toán, chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động kế toán của Công ty. Kế toán trưởng là người chỉ đạo, kiểm soát tài chính của Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế định kỳ, phân tích tình hình tài chính để tham mưu cho Ban giám đốc. Đồng thời, kiểm tra, phê duyệt các chứng từ kế toán, hợp đồng kinh tế, đảm bảo tính hợp pháp và chính xác

Quản lý dòng tiền, xây dựng kế hoạch tài chính, đề xuất các biện pháp tối ưu hóa chi phí. Làm việc với các cơ quan thuế, kiểm toán, ngân hàng và các bên liên quan khi cần thiết.

Kế toán tổng hợp kiêm kế toán mua hàng: Theo dõi tổng hợp toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời ghi nhận các nghiệp vụ mua hàng, vật tư từ nhà cung cấp. Kiểm tra đối chiếu chứng từ mua hàng (Hợp đồng, hóa đơn GTGT, biên bản,…) đồng thời ghi nhận các nghiệp vụ mua hàng từ nhà cung cấp lên phần mềm kế toán MISA

Theo dõi chi tiết công nợ phải trả cho nhà cung cấp, định kỳ hoặc theo yêu cầu, tiến hành đối chiếu công nợ với nhà cung cấp. Lập kế hoạch thanh toán công nợ, theo dõi hạn thanh toán để tránh mất uy tín với nhà cung cấp

Kế toán bán hàng: Theo dõi, ghi nhận doanh thu bán hàng, lập hóa đơn bán hàng, kiểm tra đối chiếu số liệu bán hàng, theo dõi công nợ khách hàng

Thủ quỹ: Trực tiếp quản lý tiền mặt của Công ty, thực hiện thu – chi theo đúng chứng từ kế toán đã được phê duyệt, đảm bảo các khoản chi tiền mặt phù hợp với chính sách tài chính của Công ty. Cập nhật đầy đủ, kịp thời các khoản thu – chi – tồn quỹ tiền mặt, báo cáo khi giám đốc hoặc kế toán trưởng cần.

❖ *Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty*

- Chế độ kế toán: Áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2024 của Bộ Tài Chính
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm
- Đơn vị tiền tệ : Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

❖ *Phương pháp kế toán tài sản cố định*:

- Nguyên tắc xác định giá trị tài sản cố định: Theo nguyên tắc giá gốc.
- Phương pháp tính khấu hao: Phương pháp đường thẳng.
- Tỷ lệ và thời gian tính khấu hao: Áp dụng theo thông tư số 45/2013/TT–BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính

❖ *Phương pháp kế toán hàng tồn kho*:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc
- Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Phương pháp nhập trước xuất trước

❖ *Hệ thống tài khoản kế toán*

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC. Kế toán sử dụng chủ yếu các TK sau:

TK 1561 – Mua hàng hóa

TK 331 – Nợ phải trả người bán

TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

TK 111, TK 112 – Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng 1 số TK khác như: TK 632, TK 511, TK 341, TK 131,....

Hình thức ghi sổ kế toán: Hiện nay Công ty sử dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính. Phần mềm MISA được Công ty lựa chọn, Công ty sử dụng kết xuất và in sổ sách theo hình thức Nhật ký chung giúp doanh nghiệp giảm thiểu sai sót so với phương pháp thủ công, nâng cao hiệu quả quản lý, phản ánh trung thực tình hình kinh doanh.

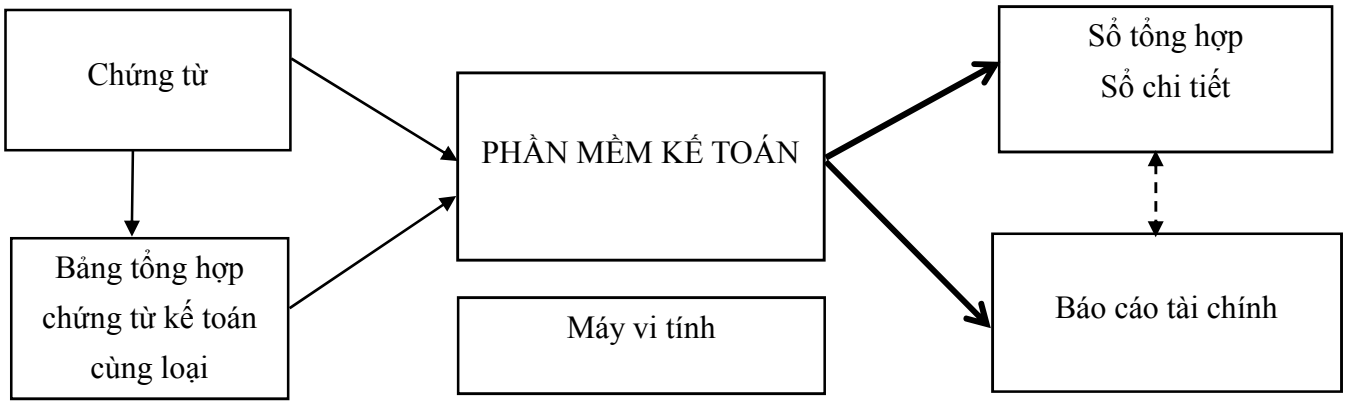

(Nguồn: Phòng kế toán)

Chú thích

→ Nhập số liệu hằng ngày

➡ In số, báo cáo cuối tháng, cuối năm

←– –→ Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

2.2. Đặc điểm hàng hóa và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

2.2.1. Đặc điểm hàng hóa

2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại hàng hóa

❖ *Đặc điểm*

Hàng hóa đóng vai trò cốt lõi và không thể thiếu trong hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình. Khác với các doanh nghiệp sản xuất, Công ty không trực tiếp tạo ra sản phẩm mà hoạt động theo mô hình thương mại. Cụ thể, xe mới và phụ tùng chính hãng được nhập chủ yếu từ Công ty ô tô Toyota Việt Nam theo các đơn hàng cố định hàng tháng, đảm

bảo nguồn cung ổn định và đạt tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt của nhà sản xuất. Ngoài ra, đôi khi xe mới và phụ tùng có thể được nhập lại từ các đại lý khác trong hệ thống Toyota Việt Nam. Đối với xe cũ và phụ tùng bên ngoài, Công ty thực hiện thu mua từ các nhà cung cấp bên ngoài, đòi hỏi sự đánh giá kỹ lưỡng về chất lượng, nguồn gốc và giá cả để duy trì tính cạnh tranh. Quy trình mua hàng được quản lý chặt chẽ, từ lập kế hoạch dựa trên dự báo nhu cầu thị trường, kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa và đàm phán hợp đồng với nhà cung cấp nhằm tối ưu hóa chi phí và điều kiện thanh toán.

Sau khi nhập kho, Công ty chịu trách nhiệm quản lý, bảo quản, kiểm tra chất lượng và trưng bày sản phẩm trước khi đưa ra thị trường. Để đảm bảo hiệu quả kinh doanh, việc quản lý hàng hóa tại Công ty cần được thực hiện đồng bộ qua các biện pháp cụ thể. Ở khâu nhập hàng, Công ty phải kiểm soát chất lượng và số lượng hàng hóa từ nhà cung cấp. Trong quá trình bảo quản, kho bãi cần đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật để duy trì giá trị sản phẩm. Cuối cùng, khâu phân phối yêu cầu sự phối hợp linh hoạt giữa các bộ phận để đảm bảo giao hàng kịp thời, đáp ứng nhu cầu khách hàng. Việc quản lý đồng bộ từ khâu mua hàng, nhập kho, bảo quản đến phân phối không chỉ giúp Công ty giảm thiểu rủi ro, tối ưu hóa chi phí mà còn củng cố uy tín thương hiệu, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của Toyota và khẳng định vị thế trên thị trường.

❖ *Phân loại*

Hàng hóa tại Công ty bao gồm nhiều loại khác nhau về nguồn gốc, đặc điểm, công dụng, chất lượng. Để kiểm soát tốt việc nhập kho, tồn kho, xuất kho cũng như đáp ứng đa dạng nhu cầu khách hàng, Công ty đã phân hàng hóa thành hai nhóm chính*: Phụ tùng và xe ô tô*

- Phụ tùng: Phụ tùng ô tô là hàng hóa quan trọng, đóng vai trò hỗ trợ dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô tại Công ty. Dựa theo nguồn gốc và mức độ đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, phụ tùng được chia thành hai loại gồm phụ tùng chính hãng và phụ tùng ngoài

Phụ tùng Toyota (Phụ tùng chính hãng): Là các phụ tùng do Toyota sản xuất hoặc phân phối chính thức, được nhập chủ yếu từ Công ty Toyota Việt Nam, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về chất lượng an toàn, bao gồm: động cơ, hộp số, hệ thống phanh, hệ thống điện, dầu nhớt, phụ kiện nội thất và ngoại thất,...

Phụ tùng ngoài (Phụ tùng không chính hãng): Là các linh kiện, phụ kiện không do Toyota trực tiếp sản xuất, được nhập từ các nhà sản xuất bên thứ ba, có mức giá thấp hơn so với phụ tùng chính hãng nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng theo tiêu chuẩn thị trường, bao gồm: lốp xe, ắc quy, gạt mưa, cảm biến, đèn chiếu sáng,...

- Xe ô tô: Là hàng hóa kinh doanh chủ đạo của Công ty, đóng góp phần lớn vào doanh thu và gắn liền với hình ảnh thương hiệu. Dựa trên tình trạng xe, xe ô tô được phân thành hai loại gồm xe mới và xe cũ đã qua sử dụng

Xe mới: Bao gồm các mẫu xe Toyota hoàn toàn mới, được nhập nguyên chiếc hoặc lắp ráp tại nhà máy Toyota Việt Nam, đảm bảo 100% chất lượng, chưa từng qua sử dụng và được bảo hành chính hãng.

Xe cũ: Bao gồm các mẫu xe đã qua sử dụng, được Công ty thu mua từ các nhà cung cấp bên ngoài và bán lại cho khách hàng.

Nhìn chung, việc phân loại hàng hóa thành hai nhóm chính giúp Công ty quản lý hiệu quả quá trình nhập kho, bảo quản và phân phối hàng hóa, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho bộ phận bán hàng xây dựng chiến lược kinh doanh, chăm sóc khách hàng dựa trên từng nhóm hàng hóa cụ thể.

2.2.1.2. Tính giá hàng hóa

❖ Tính giá thực tế của hàng hóa nhập kho

Tùy theo thỏa thuận hợp đồng, chi phí vận chuyển sẽ do Công ty hoặc bên bán chi trả. Tuy nhiên, Công ty chủ yếu nhập xe ô tô, phụ kiện, linh kiện từ Công ty ô tô Toyota Việt Nam nên các chi phí liên quan đến vận chuyển thường do bên bán chịu và chi phí này sẽ cộng luôn vào giá mua của hàng hóa. Như vậy, giá thực tế của hàng hóa nhập kho chính là giá mua ghi trên hóa đơn (không bao gồm thuế GTGT)

Trích dẫn: Theo hóa đơn GTGT số 00063846, ký hiệu IC25TTY ngày 12/01/2025 Công ty mua của Công ty ô tô Toyota Việt Nam 01 chiếc TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT màu đen (218), tổng tiền trên hóa đơn (chưa có thuế GTGT) là 1.059.163.636 đồng

⇨ Giá thực tế nhập kho là 1.059.163.636 đồng

2.2.2. Đặc điểm công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Công nợ phải trả là một yếu tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình. Các khoản công nợ phải trả phát sinh từ hoạt động nhập hàng hóa, được thực hiện định kỳ hàng tháng và tuân theo các điều khoản thanh toán trong hợp đồng, bao gồm thanh toán ngay hoặc trả chậm trong thời hạn nhất định.

Để quản lý hiệu quả, Công ty sử dụng phần mềm kế toán MISA ghi nhận chi tiết thông tin nhà cung cấp (tên, mã số thuế, tài khoản ngân hàng) và hóa đơn mua hàng (ngày lập, số hóa đơn, số lượng hàng hóa). Phần mềm tự động cập nhật số dư công nợ vào Sổ chi tiết công nợ phải trả và Sổ cái tài khoản 331, hỗ trợ kế toán theo dõi, đối chiếu định kỳ với nhà cung cấp để đảm bảo tính chính xác.

Việc quản lý công nợ phải trả đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận kế toán, bán hàng và kho, nhằm đảm bảo thanh toán đúng hạn, duy trì uy tín với đối tác, đồng thời tận dụng các điều khoản thanh toán chậm để tối ưu hóa dòng tiền. Các báo cáo công nợ chi tiết và tổng hợp từ phần mềm kế toán đóng vai trò quan trọng, cung cấp thông tin tài chính kịp thời, hỗ trợ Công ty đưa ra các quyết định chiến lược hiệu quả.

2.3. Thực trạng kế toán mua hàng tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

Tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình, khi phát sinh các nghiệp vụ mua hàng hóa kế toán sử dụng các chứng từ sau:

- Đơn đặt hàng
- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT (bên bán lập)
- Biên bản giao nhận hàng hóa
- Phiếu nhập kho

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các chứng từ khác như các bộ chứng từ kỹ thuật, phụ lục hợp đồng mua bán, phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng,..

❖ *Tài khoản sử dụng*

TK 1561 – *Hàng hóa*: Phản ánh giá trị hàng hóa nhập – xuất – tồn trong kho, được mở chi tiết cho từng mã hàng hóa (ô tô, phụ tùng)

TK 331 – *Phải trả người bán*: Theo dõi công nợ phải trả với nhà cung cấp xe, phụ tùng và được mở chi tiết cho từng mã nhà cung cấp.

Ngoài ra kế toán mua hàng còn sử dụng TK 111, TK 112, TK 133,...

2.3.2. Kế toán chi tiết

Thực tế, Công ty thực hiện kế toán chi tiết hàng hóa thông qua phần mềm kế toán MISA, một hệ thống quản lý hiện đại hỗ trợ theo dõi chính xác và toàn diện các nghiệp vụ liên quan đến hàng hóa. Phần mềm này cho phép ghi nhận số lượng, chủng loại và giá trị hàng hóa mua vào – bán ra, đồng thời tự động cập nhật số liệu nhập – xuất – tồn kho, đảm bảo tính minh bạch và kịp thời trong quản lý. Phương pháp FIFO được tích hợp trong MISA, giúp xác định giá vốn hàng xuất kho theo thứ tự nhập kho, phù hợp với đặc điểm hàng hóa có giá trị cao như ô tô, phụ tùng và linh kiện nhập khẩu của Công ty.

Công tác hạch toán được thực hiện dựa trên sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận kho và phòng kế toán, với các chức năng trên phần mềm MISA được phân quyền rõ ràng nhằm đảm bảo tính chính xác và bảo mật thông tin. Đối với mỗi một hàng hóa, kế toán mở một mã riêng trong hệ thống danh mục hàng hóa bằng cách truy cập vào mục "Vật tư, hàng hóa", chọn "Thêm" và khai báo đầy đủ các thông tin như: Tên hàng hóa, đơn vị tính, kho ngầm định, thuế suất,... sau đó lưu lại bằng lệnh "Cất". Quy trình này không chỉ giúp chuẩn hóa việc quản lý hàng hóa mà còn hỗ trợ Công ty trong việc kiểm soát chặt chẽ tình hình tồn kho, đáp ứng yêu cầu báo cáo tài chính và ra quyết định kinh doanh hiệu quả.

Biểu số 2.1. Hệ thống danh mục hàng hóa

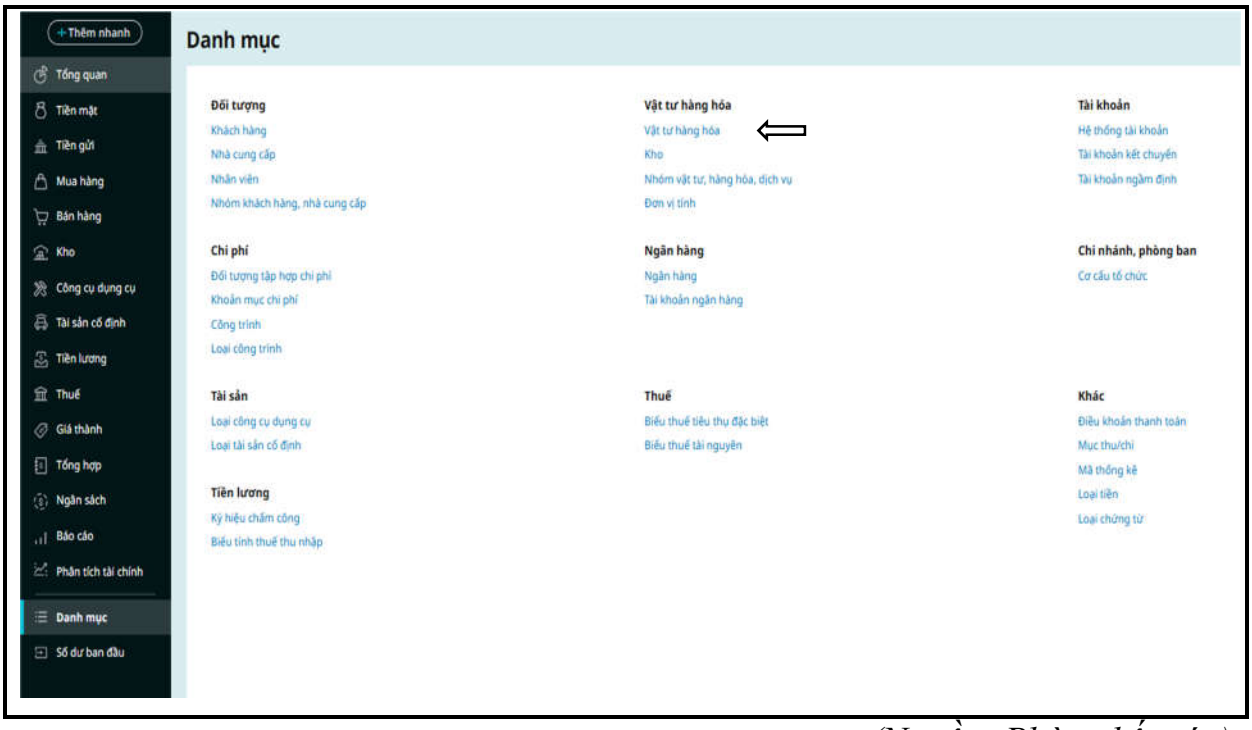

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.2. Danh mục vật tư, hàng hóa của Công ty

DANH SÁCH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

STT	Mã VTHH	Tên VTHH	Tính chất	Đơn vị tính chính
2	VT001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	Hàng hóa	Chiếc
3	VT002	TOYOTA COROLLA CROSS HEV CE	Hàng hóa	Chiếc
4	VT003	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	Hàng hóa	Chiếc
5	VT004	Dầu Mobil 1 0W-40 CTN 4x4L:SG	Hàng hóa	Lít
6	VT005	TOYOTA ALTIS	Hàng hóa	Chiếc
7	VT006	Dàn lạnh	Hàng hóa	Bộ
8	VT007	Van tiết lưu	Hàng hóa	Bộ
9	VT008	Dầu lạnh	Hàng hóa	Chai
10	VT009	HUYNDAI TUCSON	Hàng hóa	Chiếc
	.....	.....	.....	.....
		Tổng		

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.3. Thông tin vật tư, hàng hóa

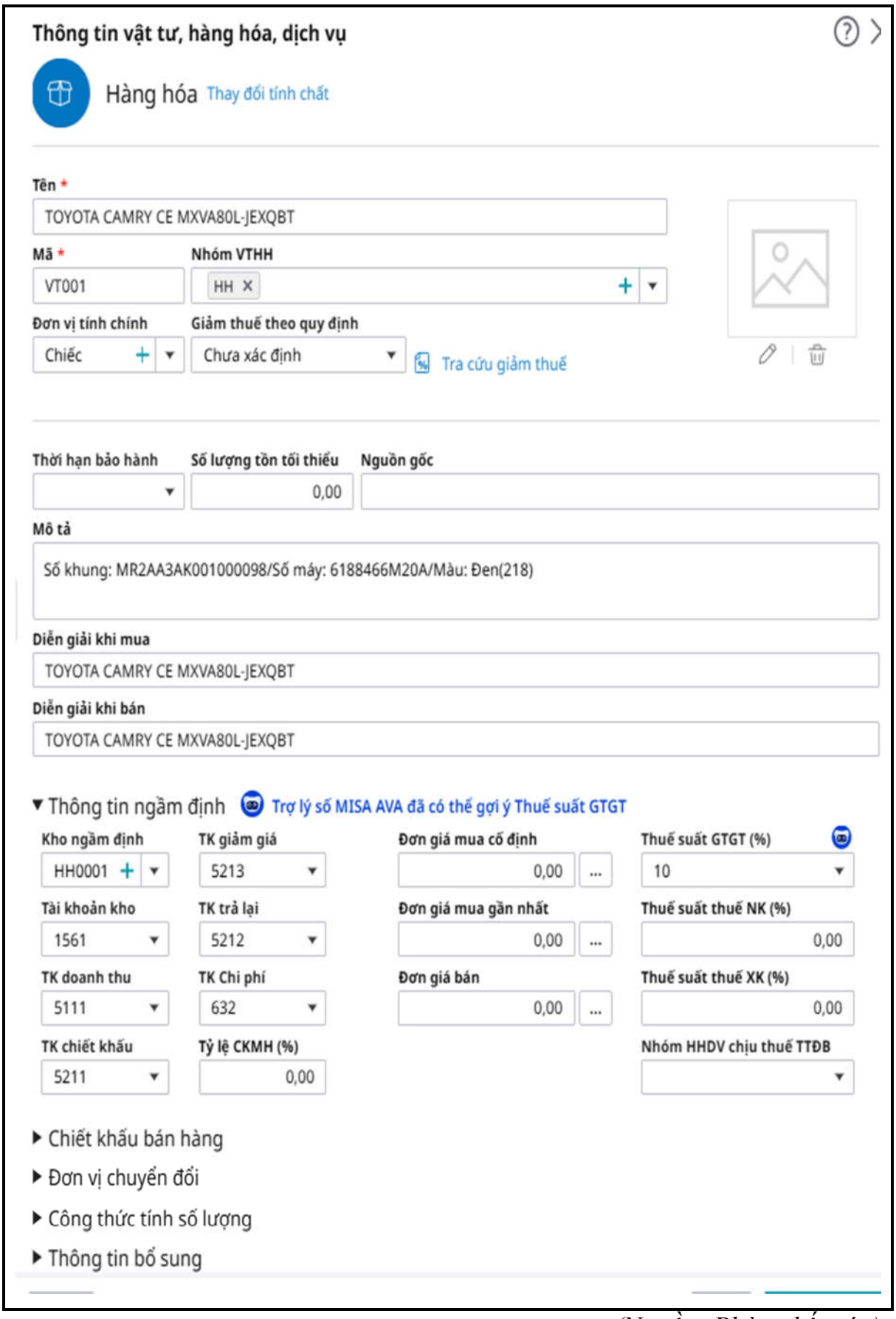

(Nguồn: Phòng kế toán)

Tại Công ty, nhập kho hàng hóa được thực hiện chủ yếu bởi bộ phận mua hàng thông qua việc ký kết các hợp đồng kinh tế với nhà cung cấp.

❖ *Quy trình*

Sau khi nhà cung cấp hoàn tất việc giao hàng theo đúng nội dung hợp đồng, bộ phận mua hàng (bộ phận kinh doanh) sẽ phối hợp cùng thủ kho tiến hành tiếp nhận và kiểm đếm hàng hóa. Chứng từ đi kèm bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng do bên bán cung cấp và biên bản giao nhận hàng hóa có đầy đủ chữ ký xác nhận của cả bên bán và bên mua.

Sau khi hàng hóa được bàn giao, kế toán mua hàng nhận bộ chứng từ bộ phận mua hàng thực hiện ghi nhận thông tin trên phần mềm kế toán MISA. Cụ thể, kế toán truy cập vào phân hệ "Mua hàng", chọn "Mua hàng", sau đó nhấn "Thêm" và chọn loại chứng từ "Mua hàng trong nước nhập kho". Các thông tin liên quan như nhà cung cấp, ngày hạch toán, số hóa đơn, kho hàng,… sẽ được khai báo đầy đủ trước khi nhấn "Cất" để lưu chứng từ. Phần mềm MISA sau đó sẽ tự động tạo phiếu nhập kho tương ứng. Phiếu này được in làm hai bản: một bản lưu tại bộ phận kế toán, bản còn lại chuyển cho thủ kho để làm thủ tục nhập kho và đối chiếu kiểm tra

Khi nhận được phiếu nhập kho, thủ kho tiến hành đối chiếu thông tin trên chứng từ với hàng hóa thực tế. Nếu không có sai lệch, thủ kho xác nhận và ký tên trên phiếu, đồng thời vào chế độ làm việc "thủ kho" trên MISA để kiểm tra lại dữ liệu, sau đó bấm "ghi sổ". Phần mềm sẽ tự động cập nhật lên thẻ kho và báo cáo tồn kho, giúp tiết kiệm thời gian và hạn chế sai sót do nhập liệu thủ công.

Cuối mỗi kỳ kế toán (tháng, quý), bộ phận kế toán sẽ in các sổ chi tiết hàng hóa và tổng hợp tồn kho. Thủ kho sẽ in thẻ kho và báo cáo tổng hợp tồn kho để phục vụ việc đối chiếu số liệu và lập báo cáo tài chính. Trường hợp nếu có sai lệch, kế toán sẽ kiểm tra lại nguyên nhân và điều chỉnh số liệu trên phần mềm MISA để đảm bảo chính xác và cập nhật vào báo cáo tài chính.

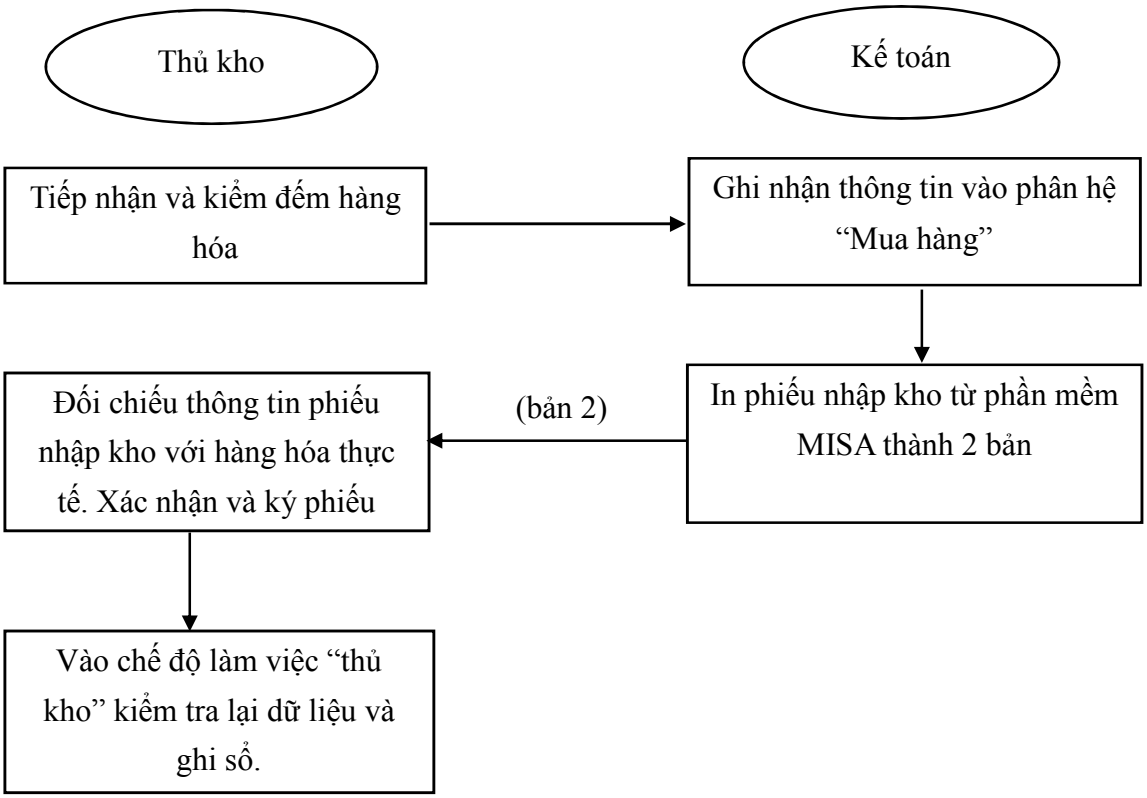

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ quy trình nhập kho hàng hóa tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

T*rích dẫn 1*: Ngày 12/01/2025 Công ty mua của Công ty ô tô Toyota Việt Nam 1 chiếc TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT màu đen (218), giá mua ghi trên hóa đơn (chưa có thuế GTGT) là 1.059.163.636 đồng, thuế GTGT 10%. Công ty chưa thanh toán tiền và hàng hóa đã được nhập kho theo hợp đồng số 11/2025/HĐMB ngày 12/01/2025

⇨ *Quy trình luân chuyển phiếu nhập kho Trích dẫn 1*

Ngày 12/01/2025, khi hàng hóa về đến kho của Công ty, bộ phận mua hàng tiếp nhận hợp đồng mua bán *(biểu số 2.4),* hóa đơn GTGT *(biểu số 2.5)* và biên bản giao nhận hàng hóa *(biểu số 2.6)* từ nhà cung cấp, giao cho bộ phận kế toán kiểm tra và vào phần mềm MISA

Biểu số 2.4. Hợp đồng mua bán

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE Ô TÔ

Số: 11/2025/HĐMB

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Hôm nay, ngày 12 tháng 01 năm 2025, tại Ninh Bình, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Địa chỉ: Số 392, Khu Công nghiệp Phúc Sơn, Ninh Phúc, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0229.388.5799 | Fax: 0229.388.5798

Mã số thuế: 2700862647

Đại diện là: Ông Vũ Ngọc Vượng - Giám đốc Kinh Doanh

BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM

Địa chỉ: Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại: (0211) 3868 100 - Fax: (0211) 3 868 117

Tài khoản: 118.100.585.998 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Ninh Bình

Mã số thuế: 2500150335

Đại diện là: Ông Nguyễn Việt Đức - Giám đốc Kinh Doanh

Giấy ủy quyền số: 001/2024/UQ-TMG-ĐKV ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tổng Giám đốc.

Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HOÁ - SỐ LƯỢNG - GIÁ CẢ

STT	HÀNG HOÁ	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	SL (chiếc)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
1	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT| Số máy (Engine No): 6188466M20A | Màu (Color): Đen (218)	Chiếc	1	1.059.163.636

Tổng giá trị hợp đồng (bằng số): 1.059.163.636 VNĐ

Tổng giá trị hợp đồng (bằng chữ): Một tỉ không trăm năm mươi chín triệu một trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.

Ghi chú:

- Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu, lệ phí trước bạ, phí đăng ký, bảo hiểm, phí biển số...

- Giá xe có thể thay đổi trong trường hợp có thay đổi chính sách của Toyota Việt Nam hoặc quy định của pháp luật.

ĐIỀU 2: THANH TOÁN

2.1. Thời hạn thanh toán

- Bên A thanh toán (đặt cọc) trước cho Bên B số tiền: 10,000,000 VNĐ ngày 12/01/2025
- Số tiền còn lại sẽ được thanh toán trước 31/01/2025 khi nhận xe.

2.2. Phương thức thanh toán

Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền đồng Việt Nam qua chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Bên B.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

3.1. Thời gian giao nhận hàng: Sau khi Bên B nhận đủ 100% giá trị Hợp đồng, dự kiến trong tháng 1/2025.

3.2. Địa điểm giao nhận hàng: Tại địa điểm Bên A (Công ty CP Toyota Ninh Bình)

3.3. Phương thức giao nhận:

- Nhân viên bán hàng của Bên B giao xe trực tiếp cho Bên A hoặc người được ủy quyền.
- Bên A xuất trình CMND/hộ chiếu và giấy tờ liên quan.
- Kiểm tra chất lượng và ký biên bản bàn giao xe.

ĐIỀU 4: BẢO HÀNH VÀ QUÀ TẶNG

4.1. Bảo hành xe

- 3 năm hoặc 100.000 km tùy điều kiện nào đến trước.
- Được bảo hành tại các trạm uỷ quyền Toyota trên toàn quốc.

4.2. Bảo hành phụ kiện

- Theo tiêu chuẩn của nhà cung cấp.

4.3. Quà tặng cho mỗi xe

- Kiểm tra và bảo dưỡng miễn phí sau 1.000 km hoặc 60 ngày đầu tiên.
- Thảm trải sàn, áo trùm xe, nước rửa kính, phiếu thu phí tự động VETC...

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

5.1. Trách nhiệm của Bên B

- Bàn giao xe đúng thời gian, địa điểm, đảm bảo chất lượng và chủng loại theo hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm của Bên A

- Thanh toán đủ và đúng hạn, cung cấp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo yêu cầu.
- Nếu không nhận xe đúng hạn sẽ bị phạt hoặc mất quyền lợi liên quan.

Biểu số 2.5. Hóa đơn GTGT

CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM

TOYOTA MOTOR VIETNAM CO., LTD.

Địa chỉ(Address): Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc Điện thoại(Tel): (0211) 3868 100 - Fax: (0211) 3 868 117

Mã số thuế: 2500150335 Ký hiệu (Series): 1C25TTY

RefNo: 24A/00063836 Số (No): 00000112

Ngày: 12/01/2025

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Expression of electronic invoice

Mã cơ quan thuế:00060ABB97A2F0465A966B5F0B0F11FD64

Họ tên người mua hàng (Buyer's name): CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Đơn vị mua (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Địa chỉ (Address): Thửa đất 392, Khu Công nghiệp Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản

Mã số thuế (Tax code):2700928647

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT | Số máy (Engine No): 6188466M20A | Màu (Color): Đen (218)	Chiếc	01	1.059.163.636	1.059.163.636

Cộng tiền hàng: 1.059.163.636

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 105.916.363

Tổng cộng tiền thanh toán: 1.165.080.000

Số tiền (viết bằng chữ): Một tỉ một trăm sáu mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng.

Người mua hàng **Người bán hàng** **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.6. Biên bản giao nhận hàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO HÀNG

Hôm nay, ngày 12 tháng 01 năm 2025, Tại Công ty ô tô Toyota Việt Nam chúng tôi gồm có

Bên A (Bên bán)

- Tên đơn vị: CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM
- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Mã số thuế: 2500150335
- Điện thoại: (0211) 3868 100 - Fax: (0211) 3 868 117
- Đại diện là Ông (Bà): Mr. Hải Chức vụ: Giám đốc kinh doanh

Bên B (Bên mua):

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH
- Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất 392, Khu Công nghiệp Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Mã số thuế: 2700928647
- Điện thoại: 0901 922 686
- Đại diện là Ông (Bà): Mr. Vượng Chức vụ: Giám đốc kinh doanh

Căn cứ vào hợp đồng mua bán số 11/2025/HĐMB, bên A giao hàng cho bên B và hai bên tiến hành xác lập biên bản công nợ theo điều kiện sau

Điều 1. Bên A giao hàng cho bên B mặt hàng

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT| Số máy (Engine No): 6188466M20A | Màu (Color): Đen (218)	Chiếc	1.059.163.636	1	1.059.163.636
	Cộng				**1.059.163.636**
	Thuế GTGT				**105.916.363**
	Tổng cộng tiền thanh toán				**1.165.080.000**

Điều 2. Bên A xác nhận đã giao và bên B xác nhận đã đủ số lượng với tổng giá trị đã bao gồm thuế VAT là **1.165.080.000**

(Số tiền bằng chữ : Một tỉ một trăm sáu mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng)

Điều 3. Trong trường hợp bên B không thực hiện đúng cam kết trong biên bản giao hàng này và làm thiệt hại đến kinh tế của bên A thì bên A có quyền chủ động đưa sự việc này ra trước cơ quan pháp luật để giải quyết . Biên bản này được làm thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Kế toán tiếp nhận chứng từ bên bán giao gồm: Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa, thực hiện truy cập vào phân hệ "Mua hàng", chọn "Mua hàng", sau đó nhấn "Thêm" và chọn loại chứng từ "Mua hàng trong nước nhập kho". Các thông tin liên quan như nhà cung cấp, ngày hạch toán, số hóa đơn, kho hàng,… sẽ được khai báo đầy đủ trước khi nhấn "Cất" để lưu chứng từ. Trong phân hệ "mua hàng", ở Tab phiếu nhập *(Biểu số 2.7)* và ở Tab hóa đơn *(Biểu số 2.8)*

Biểu số 2.7. Chứng từ mua hàng NK00001

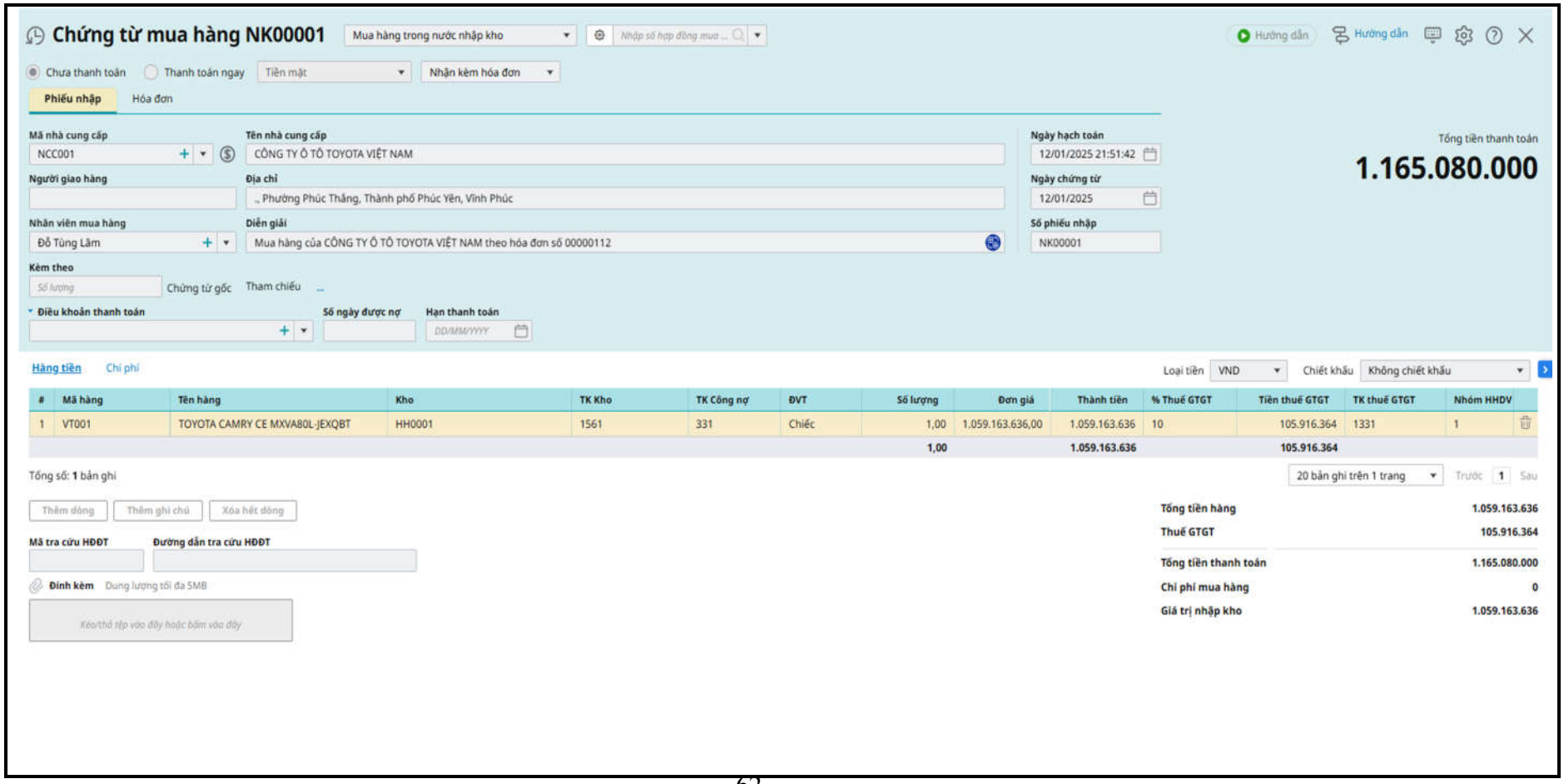

Biểu số 2.8. Chứng từ mua hàng NK00001

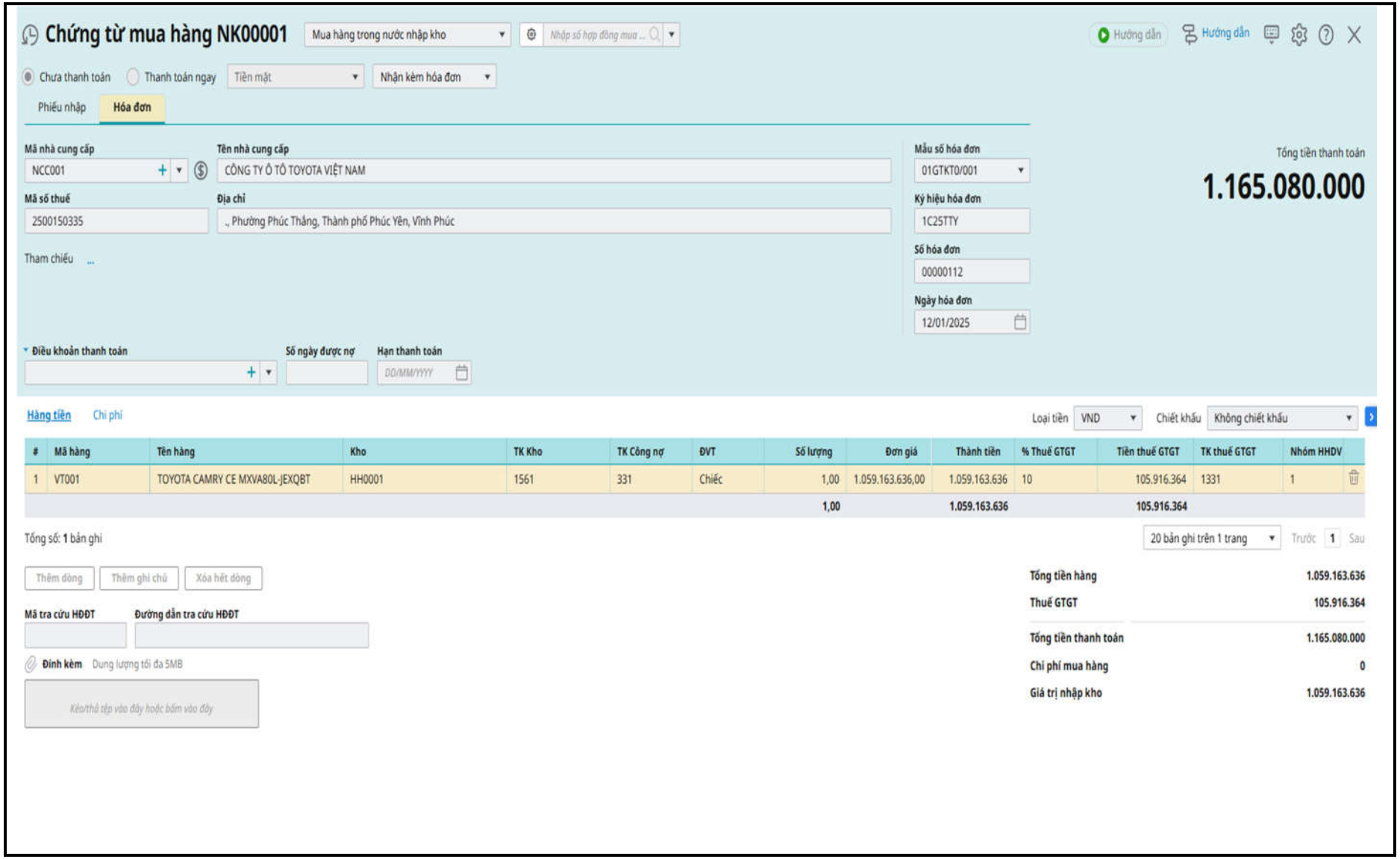

Chứng từ mua hàng NK00001 | Mua hàng trong nước nhập kho | Nhập số hợp đồng mua ... | Hướng dẫn | Hướng dẫn

Chưa thanh toán | Thanh toán ngay | Tiền mặt | Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập | Hóa đơn

Mã nhà cung cấp: NCC001
Tên nhà cung cấp: CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM
Mã số thuế: 2500150335
Địa chỉ: ., Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc
Tham chiếu ...
Mẫu số hóa đơn: 01GTKT0/001
Ký hiệu hóa đơn: 1C25TTY
Số hóa đơn: 00000112
Ngày hóa đơn: 12/01/2025
Tổng tiền thanh toán: 1.165.080.000
Điều khoản thanh toán
Số ngày được nợ
Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Hàng tiền | Chi phí

Loại tiền: VND | Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm HHDV
1	VT001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-jEXQBT	HH0001	1561	331	Chiếc	1,00	1.059.163.636,00	1.059.163.636	10	105.916.364	1331	1
							1,00		1.059.163.636		105.916.364		

Tổng số: 1 bản ghi | 20 bản ghi trên 1 trang | Trước 1 Sau

Thêm dòng | Thêm ghi chú | Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT
Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèm Dung lượng tối đa 5MB

Kéo/thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Tổng tiền hàng	1.059.163.636
Thuế GTGT	105.916.364
Tổng tiền thanh toán	1.165.080.000
Chi phí mua hàng	0
Giá trị nhập kho	1.059.163.636

Phần mềm MISA sau đó sẽ tự động tạo Phiếu nhập kho tương ứng *(biểu số 2.9)*. Phiếu này được in làm hai bản: một bản lưu tại bộ phận kế toán, bản còn lại chuyển cho thủ kho để đối chiếu và kiểm tra.

Biểu số 2.9. Phiếu nhập kho

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số: 01 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 12 tháng 01 năm 2025

Số: NK00001

Nợ: 1561
Có: 331

- Họ và tên người giao: CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM
- Theo hóa đơn số 00000112 Ngày 12 tháng 01 năm 2025 của CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM
- Nhập tại kho: Kho hàng hóa Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	VT001	Chiếc	1,00		1.059.163.636,00	1.059.163.636
	Cộng						1.059.163.636

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): ***Một tỷ không trăm năm mươi chín triệu một trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.***
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 12 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	**(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)** *(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Trích dẫn 2: Ngày 16/01/2025, Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình nhập 01 xe TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM từ Công ty ô tô Toyota Việt Nam theo hợp đồng mua bán số 12/2025/HĐMB, đơn giá chưa thuế VAT 10% là 375.623.420 đồng. Công ty chưa thanh toán tiền hàng, hàng hóa đã về nhập kho Công ty theo PNK số 00004

⇨ *Quy trình luân chuyển phiếu nhập kho Trích dẫn 2 tương tự Trích dẫn 1*

Hợp đồng mua bán số 12/2025 tương tự hợp đồng mua bán số 11/2025 *(Biểu số 2.3)*

Biểu số 2.10. Hóa đơn GTGT

CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM

TOYOTA MOTOR VIETNAM CO., LTD.

Địa chỉ(Address): Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc Điện thoại(Tel): (0211) 3868 100 - Fax: (0211) 3 868 117

Mã số thuế: 2500150335 Ký hiệu (Series): 1C25TAA

RefNo: 24A/00063836 Số (No): 00000115

Ngày: 16/01/2025

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Expression of electronic invoice

Mã cơ quan thuế:00060ABB97A2F0465A966B5F0B0F11FD64

Họ tên người mua hàng (Buyer's name): CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Đơn vị mua (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Địa chỉ (Address): Thửa đất 392, Khu Công nghiệp Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản

Mã số thuế (Tax code):2700928647

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	Chiếc	01	375.623.420	375.623.420

Cộng tiền hàng: 375.623.420

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 37.562.342

Tổng cộng tiền thanh toán: 413.185.762

Số tiền (viết bằng chữ)*: Bốn trăm mười ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng.*

Người mua hàng **Người bán hàng** **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.11. Biên bản giao nhận hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO HÀNG

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2025, Tại công ty ô tô Toyota Việt Nam chúng tôi gồm có

Bên A (Bên bán)

- Tên đơn vị: CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM
- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Mã số thuế: 2500150335
- Điện thoại: (0211) 3868 100 - Fax: (0211) 3 868 117
- Đại diện là Ông (Bà): Mr. Hải Chức vụ: Giám đốc kinh doanh

Bên B (Bên mua):

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH
- Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất 392, Khu Công nghiệp Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Mã số thuế: 2700928647
- Điện thoại: 0901 922 686
- Đại diện là Ông (Bà): Mr. Vượng Chức vụ: Giám đốc kinh doanh

Căn cứ vào hợp đồng mua bán số 12/2025/HĐMB, bên A giao hàng cho bên B và hai bên tiến hành xác lập biên bản công nợ theo điều kiện sau

Điều 1. Bên A giao hàng cho bên B mặt hàng

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	Chiếc	01	375.623.420	375.623.420
	Cộng				**375.623.420**
	Thuế GTGT				**37.562.342**
	Tổng cộng tiền thanh toán				**413.185.762**

Điều 2. Bên A xác nhận đã giao và bên B xác nhận đã đủ số lượng với tổng giá trị đã bao gồm thuế VAT là 413.185.762

(Số tiền bằng chữ : *Bốn trăm mười ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng.*)

Điều 3. Trong trường hợp bên B không thực hiện đúng cam kết trong biên bản giao hàng này và làm thiệt hại đến kinh tế của bên A thì bên A có quyền chủ động đưa sự việc này ra trước cơ quan pháp luật để giải quyết . Biên bản này được làm thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Ở tab phiếu nhập *(Biểu số 2.12)* và ở tab hóa đơn *(Biểu số 2.13)*

Biểu số 2.12. Chứng từ mua hàng NK0004

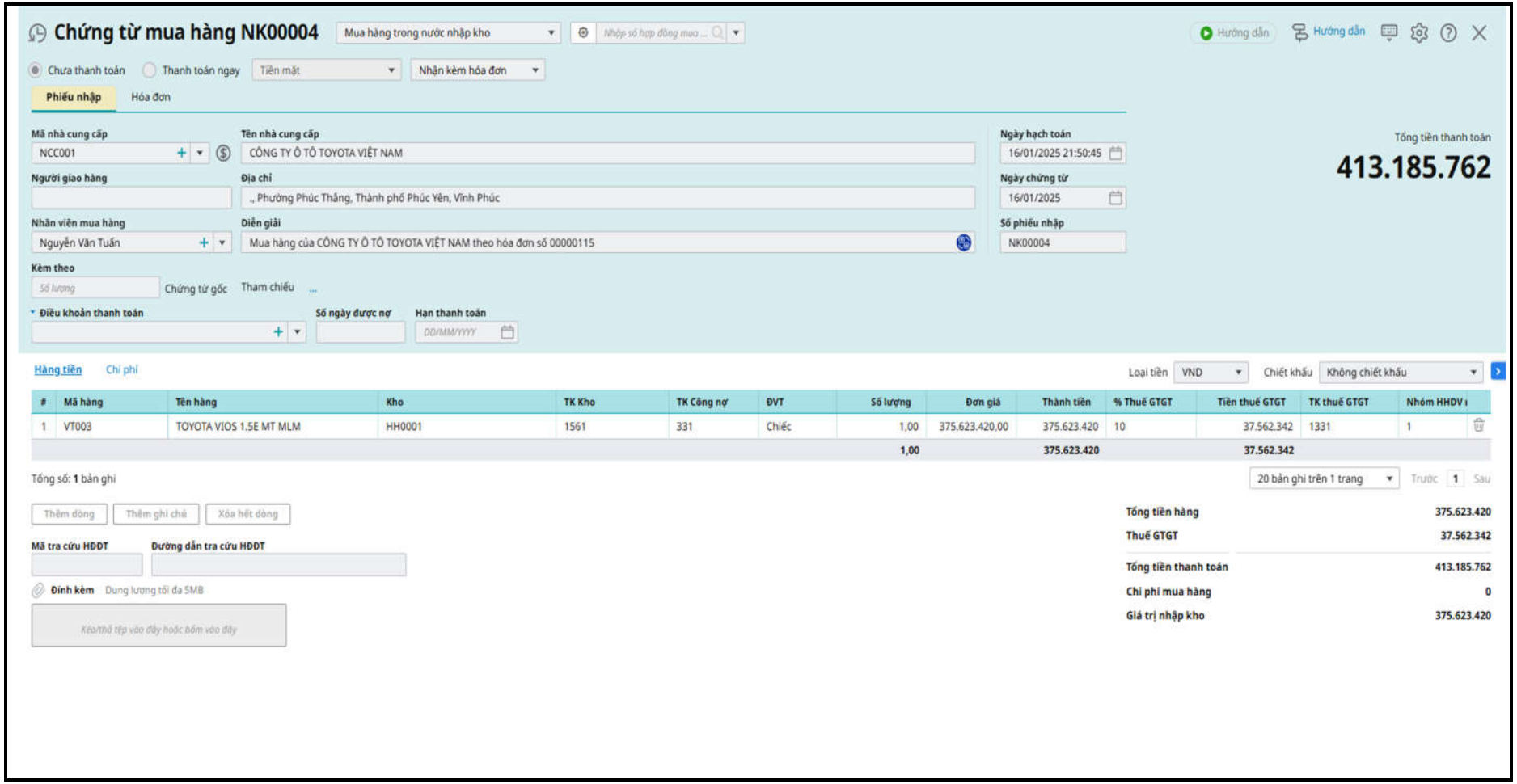

Biểu số 2.13. Chứng từ mua hàng NK0004

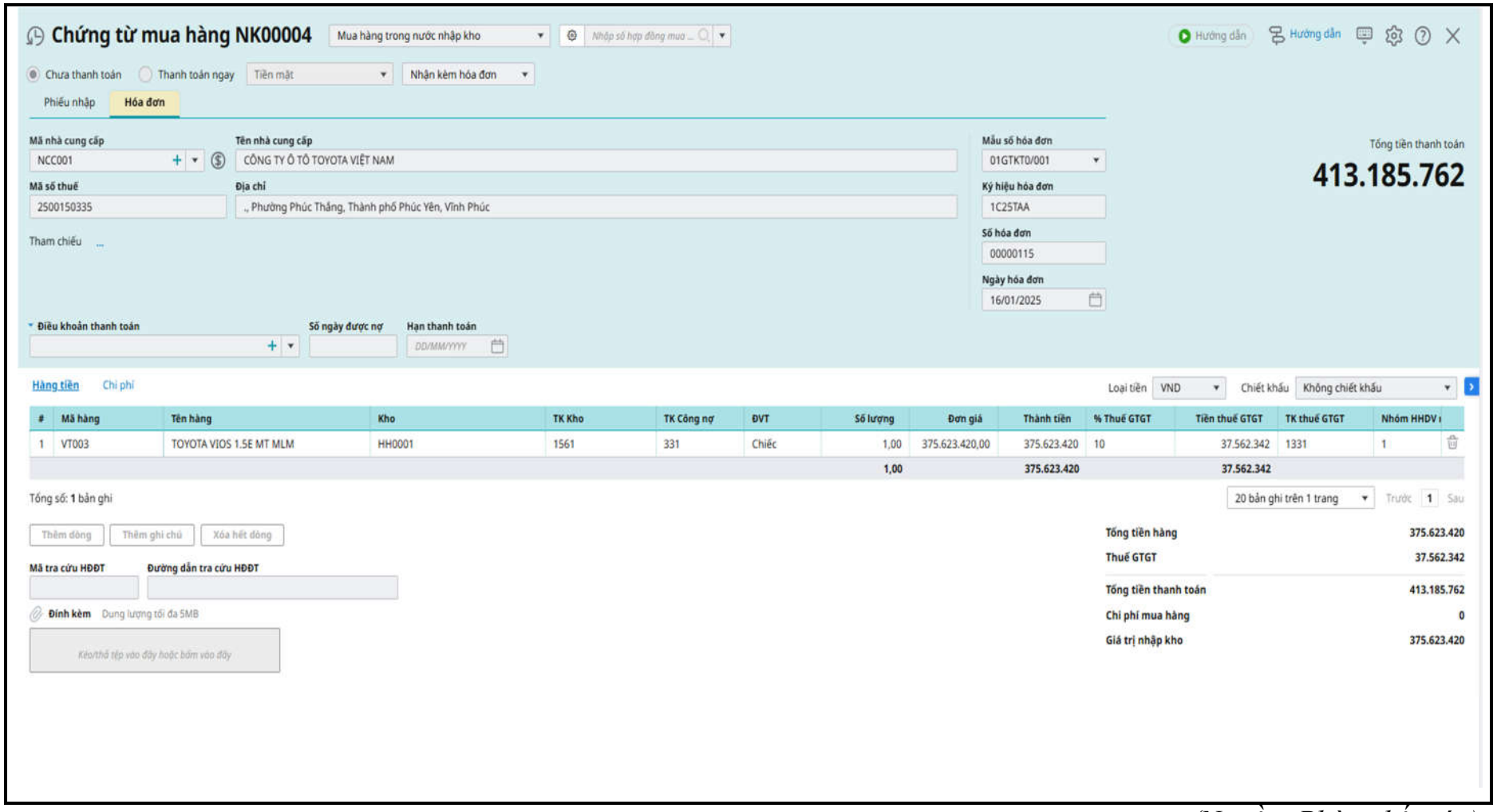

Chứng từ mua hàng NK00004 | Mua hàng trong nước nhập kho | Nhập số hợp đồng mua ... | Hướng dẫn | Hướng dẫn

Chưa thanh toán | Thanh toán ngay | Tiền mặt | Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập | Hóa đơn

Mã nhà cung cấp: NCC001
Tên nhà cung cấp: CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM
Mã số thuế: 2500150335
Địa chỉ: ., Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc
Tham chiếu ...
Mẫu số hóa đơn: 01GTKT0/001
Ký hiệu hóa đơn: 1C25TAA
Số hóa đơn: 00000115
Ngày hóa đơn: 16/01/2025
Tổng tiền thanh toán: 413.185.762
Điều khoản thanh toán
Số ngày được nợ
Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Hàng tiền | Chi phí
Loại tiền: VND | Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm HHDV
1	VT003	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	HH0001	1561	331	Chiếc	1,00	375.623.420,00	375.623.420	10	37.562.342	1331	1
							1,00		375.623.420		37.562.342		

Tổng số: 1 bản ghi | 20 bản ghi trên 1 trang | Trước 1 Sau

Thêm dòng | Thêm ghi chú | Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT
Đường dẫn tra cứu HĐĐT
Đính kèm Dung lượng tối đa 5MB
Kéo/thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Tổng tiền hàng	375.623.420
Thuế GTGT	37.562.342
Tổng tiền thanh toán	413.185.762
Chi phí mua hàng	0
Giá trị nhập kho	375.623.420

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.14. Phiếu nhập kho

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số: 01 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 Nợ: 1561

Số: NK00004 Có: 331

- Họ và tên người giao: CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM
- Theo hóa đơn số 00000115 Ngày 16 tháng 01 năm 2025 của CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM
- Nhập tại kho: Kho hàng hóa Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	VT003	Chiếc	1,00		375.623.420,00	375.623.420
	Cộng						375.623.420

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): ***Ba trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi đồng.***
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 16 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	**(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)** *(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Trích dẫn 3: Ngày 19/01/2025, Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình nhập một số linh kiện, phụ tùng kỹ thuật từ Công ty cổ phần đầu tư TDS với đơn giá chưa bao gồm 10% thuế VAT là 3.850.000. Hàng đã về kho theo PNK00005, Công ty chưa thanh toán cho nhà cung cấp.

⇨ *Quy trình luân chuyển phiếu nhập kho Trích dẫn 3 tương tự Trích dẫn 1*

Biểu số 2.15. Hóa đơn GTGT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS

Địa chỉ(Address): Thôn Dinh Tần, xã Hồng Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại(Tel):

Mã số thuế(TAX code): 0601135643 Ký hiệu (Series): 1C25TDS

Số tài khoản(AC No): 19035908920014 Số (No): 00000134

Ngân hàng(Bank): Techcombank – CN Ninh Bình Ngày: 19/01/2025

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Expression of electronic invoice

Mã cơ quan thuế: 0004A471F48CDE4CB4B6F1820E40E89E90

Họ tên người mua hàng (Buyer's name): CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Đơn vị mua (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Địa chỉ (Address): Thửa đất 392, Khu Công nghiệp Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản

Mã số thuế (Tax code): 2700928647

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Dàn lạnh	Bộ	1	2.500.000	2.500.000
2	Van tiết lưu	Bộ	1	450.000	450.000
3	Dầu lạnh	Chai	1	900.000	900.000

Cộng tiền hàng: 3.850.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 385.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 4.235.000

Số tiền (viết bằng chữ): Bốn triệu ba trắm hai mươi lăm nghìn đồng

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.16. Biên bản giao nhận hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thôn Dinh Tần, xã Hồng Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Việt Nam — Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG

Hôm nay, ngày 19 tháng 01 năm 2025

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS

Địa chỉ: Thôn Dinh Tần, xã Hồng Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Mã số thuế: 0601135643

Đại diện là Ông (Bà): Mrs. Liên

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN: CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Địa chỉ: Thửa đất 392, Khu Công nghiệp Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mã số thuế: 2700928647

Điện thoại: 0901 922 686

Đại diện là Ông (Bà): Mr. Vượng Chức vụ: Giám đốc kinh doanh

Hai bên thống nhất cùng nhau lập biên bản giao nhận hàng với nội dung sau:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Dàn lạnh	Bộ	1	2.500.000	2.500.000
2	Van tiết lưu	Bộ	1	450.000	450.000
3	Dầu lạnh	Chai	1	900.000	900.000
	Cộng				**3.850.000**
	Thuế GTGT				**385.000**
	Tổng cộng tiền thanh toán				**4.235.000**

Hai bên đối chiếu thống nhất số liệu trên đây là đúng. Mỗi bên giữ 1 bản để làm căn cứ thanh toán

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO **ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**

(Nguồn: Phòng kế toán)

Ở tab phiếu nhập *(Biểu số 2.17)* và ở tab hóa đơn *(Biểu số 2.18)*

Biểu số 2.17. Chứng từ mua hàng NK00005

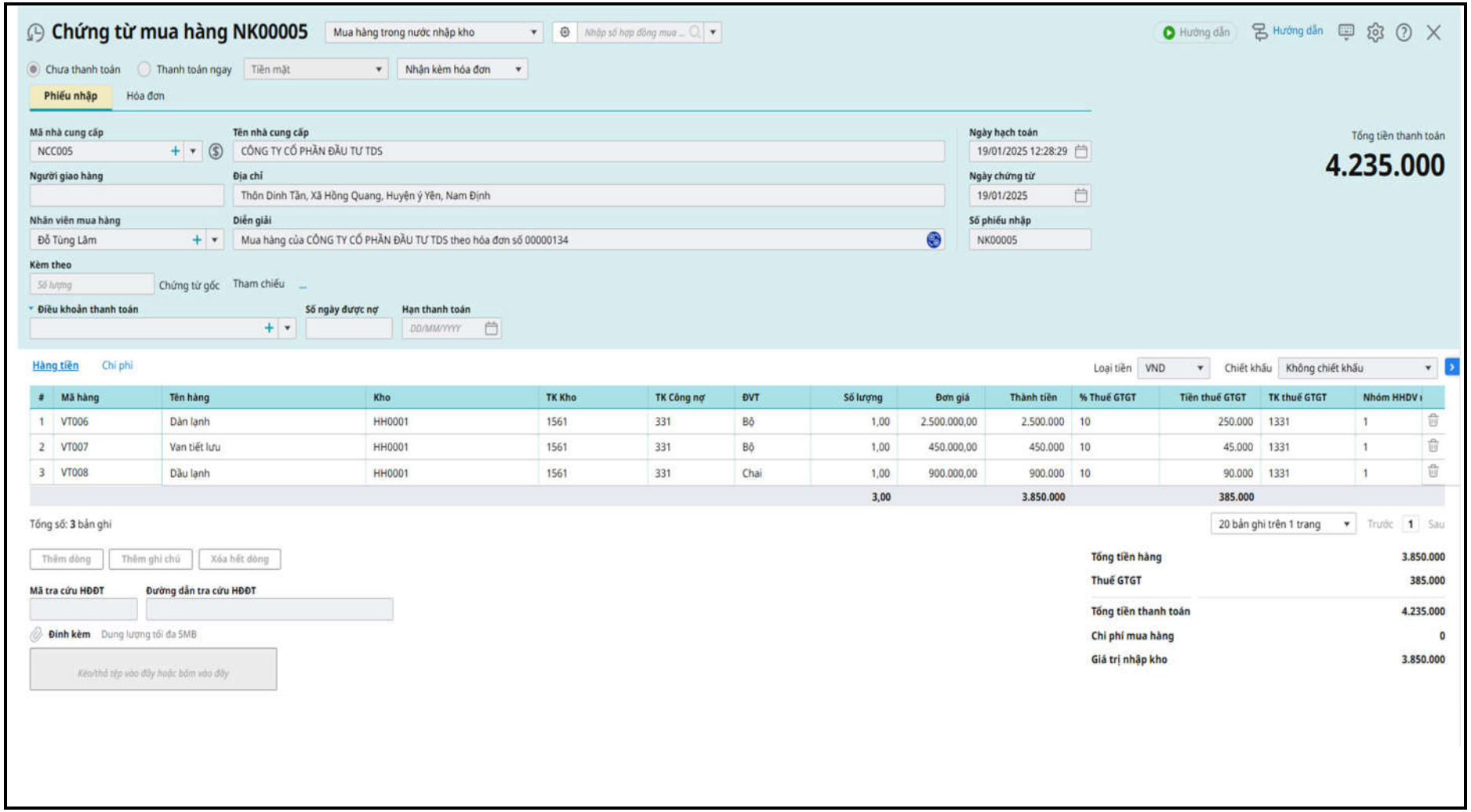

Chứng từ mua hàng NK00005 | Mua hàng trong nước nhập kho | Nhập số hợp đồng mua ... | Hướng dẫn | Hướng dẫn

Chưa thanh toán | Thanh toán ngay | Tiền mặt | Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập | Hóa đơn

Mã nhà cung cấp: NCC005
Tên nhà cung cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS
Ngày hạch toán: 19/01/2025 12:28:29
Tổng tiền thanh toán: 4.235.000
Người giao hàng:
Địa chỉ: Thôn Dinh Tân, Xã Hồng Quang, Huyện ý Yên, Nam Định
Ngày chứng từ: 19/01/2025
Nhân viên mua hàng: Đỗ Tùng Lâm
Diễn giải: Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS theo hóa đơn số 00000134
Số phiếu nhập: NK00005
Kèm theo: Số lượng | Chứng từ gốc | Tham chiếu
Điều khoản thanh toán | Số ngày được nợ | Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Hàng tiền | Chi phí | Loại tiền: VND | Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm HHDV
1	VT006	Dàn lạnh	HH0001	1561	331	Bộ	1,00	2.500.000,00	2.500.000	10	250.000	1331	1
2	VT007	Van tiết lưu	HH0001	1561	331	Bộ	1,00	450.000,00	450.000	10	45.000	1331	1
3	VT008	Dầu lạnh	HH0001	1561	331	Chai	1,00	900.000,00	900.000	10	90.000	1331	1
							3,00		3.850.000		385.000		

Tổng số: 3 bản ghi | 20 bản ghi trên 1 trang | Trước 1 Sau

Thêm dòng | Thêm ghi chú | Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT | Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèm | Dung lượng tối đa 5MB

Kéo/thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Tổng tiền hàng	3.850.000
Thuế GTGT	385.000
Tổng tiền thanh toán	4.235.000
Chi phí mua hàng	0
Giá trị nhập kho	3.850.000

Biểu số 2.18. Chứng từ mua hàng NK00005

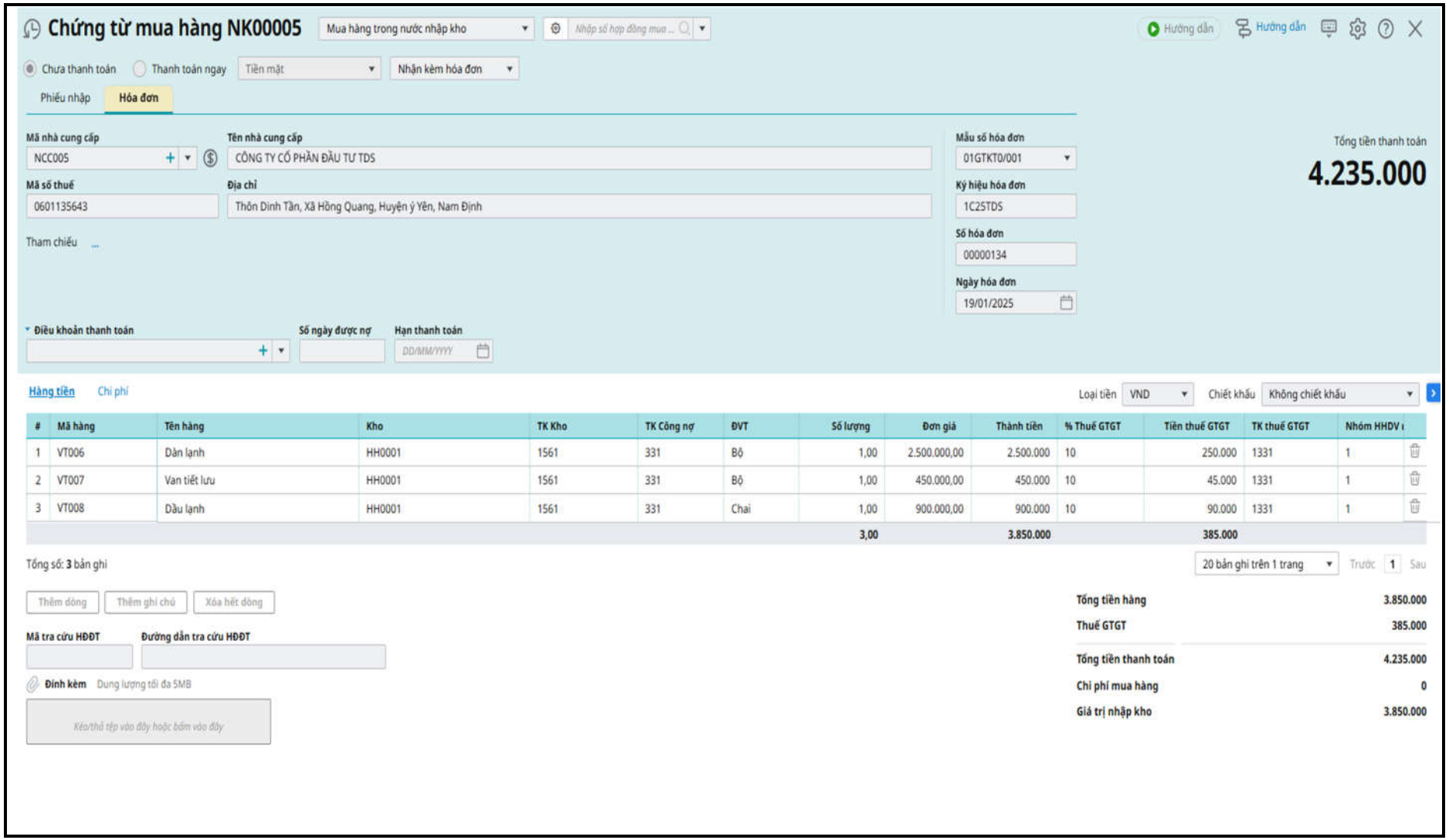

Chứng từ mua hàng NK00005 | Mua hàng trong nước nhập kho | Nhập số hợp đồng mua ... | Hướng dẫn | Hướng dẫn

Chưa thanh toán | Thanh toán ngay | Tiền mặt | Nhận kèm hóa đơn

Phiếu nhập | Hóa đơn

Mã nhà cung cấp: NCC005
Tên nhà cung cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS
Mã số thuế: 0601135643
Địa chỉ: Thôn Dinh Tần, Xã Hồng Quang, Huyện ý Yên, Nam Định
Tham chiếu ...
Mẫu số hóa đơn: 01GTKT0/001
Ký hiệu hóa đơn: 1C25TDS
Số hóa đơn: 00000134
Ngày hóa đơn: 19/01/2025
Tổng tiền thanh toán: 4.235.000
Điều khoản thanh toán
Số ngày được nợ
Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Hàng tiền | Chi phí

Loại tiền: VND | Chiết khấu: Không chiết khấu

#	Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Kho	TK Công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	TK thuế GTGT	Nhóm HHDV
1	VT006	Dàn lạnh	HH0001	1561	331	Bộ	1,00	2.500.000,00	2.500.000	10	250.000	1331	1
2	VT007	Van tiết lưu	HH0001	1561	331	Bộ	1,00	450.000,00	450.000	10	45.000	1331	1
3	VT008	Dầu lạnh	HH0001	1561	331	Chai	1,00	900.000,00	900.000	10	90.000	1331	1
							3,00		3.850.000		385.000		

Tổng số: 3 bản ghi | 20 bản ghi trên 1 trang | Trước 1 Sau

Thêm dòng | Thêm ghi chú | Xóa hết dòng

Mã tra cứu HĐĐT
Đường dẫn tra cứu HĐĐT

Đính kèm Dung lượng tối đa 5MB

Kéo/thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Tổng tiền hàng	3.850.000
Thuế GTGT	385.000
Tổng tiền thanh toán	4.235.000
Chi phí mua hàng	0
Giá trị nhập kho	3.850.000

Biểu số 2.19. Phiếu nhập kho

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số: 01 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 19 tháng 01 năm 2025 Nợ: 1561

Số: NK00005 Có: 1121

- Họ và tên người giao: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS
- Theo hóa đơn số 00000134 Ngày 19 tháng 01 năm 2025 của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS
- Nhập tại kho: Kho hàng hóa Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dàn lạnh	VT006	Bộ	1,00		2.500.000,00	2.500.000
2	Van tiết lưu	VT007	Bộ	1,00		450.000,00	450.000
3	Dầu lạnh	VT008	Chai	1,00		900.000,00	900.000
	Cộng						**3.850.000**

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): ***Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng.***
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 19 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	**(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)** *(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Cuối mỗi tháng, thủ kho tiến hành in thẻ kho và báo cáo tổng hợp tồn kho trên phần mềm MISA. Mỗi thẻ kho được dùng để theo dõi số lượng nhập – xuất – tồn của từng mã hàng hóa cụ thể: TOYOTA CAMRY *(biểu số 2.20)*, TOYOTA VIOS *(biểu số 2.21)*, dàn lạnh *(biểu số 2.22)*

Biểu số 2.20. Thẻ kho

CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Thửa đất số 392, KCN Phúc Sơn, Xã Ninh Phúc, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

THẺ KHO

KHO: HH0001 – KHO HÀNG HÓA

MẶT HÀNG:TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT,ĐVT:CHIẾC

TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 31/01/2025

TỒN ĐẦU: 2,00

CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	MÃ NX	SL NHẬP	SL XUẤT	SL TỒN KHO
NGÀY	SỔ						
12/01/2025	HD00000112	CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM	Nhập xe TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT		1,00		3,00
13/01/2025	HD00000770	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Xuất bán xe TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT			1,00	2,00
TỔNG CỘNG					**1,00**	**1,00**	**2,00**

THỦ KHO **KẾ TOÁN TRƯỞNG** **GIÁM ĐỐC**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.21. Thẻ kho

CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Thửa đất số 392, KCN Phúc Sơn, Xã Ninh Phúc, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

THẺ KHO

KHO: HH0001 – KHO HÀNG HÓA

MẶT HÀNG:TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM,ĐVT:CHIẾC

TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 31/01/2025

TỒN ĐẦU: 2,00

CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	MÃ NX	SL NHẬP	SL XUẤT	SL TỒN KHO
NGÀY	SỔ						
16/01/2025	HD00000115	CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM	Nhập xe TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM		1,00		3,00
17/01/2025	HD00000886	VŨ VĂN THƯỢNG	Xuất bán xe TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM			1,00	2,00
TỔNG CỘNG					**1,00**	**1,00**	**2,00**

THỦ KHO **KẾ TOÁN TRƯỞNG** **GIÁM ĐỐC**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.22. Thẻ kho

CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Thửa đất số 392, KCN Phúc Sơn, Xã Ninh Phúc, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

THẺ KHO

KHO: HH0001 – KHO HÀNG HÓA

MẶT HÀNG:DẦU LẠNH,ĐVT:BỘ

TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 31/01/2025

TỒN ĐẦU: 0,00

CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	MÃ NX	SL NHẬP	SL XUẤT	SL TỒN KHO
NGÀY	SỐ						
19/01/2025	HD000 00134	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS	Nhập phụ tùng DẦU LẠNH		1,00		1,00
TỔNG CỘNG					**1,00**	**0,00**	**1,00**

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ KHO **KẾ TOÁN TRƯỞNG** **GIÁM ĐỐC**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.23. Báo cáo tổng hợp tồn kho (trích)

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO TỔNG HỢP TỒN KHO

Kho: Kho hàng hóa, Tháng 1 năm 2025

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng đầu kỳ	Số lượng nhập	Số lượng xuất	Số lượng tồn
Tên kho: Kho hàng hóa						
VT001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	Chiếc	2.00	1.00	1.00	2.00
VT002	TOYOTA COROLLA CROSS HEV CE	Chiếc	3.00			3.00
VT003	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	Chiếc	2.00	1.00	1.00	2.00
VT004	Dầu Mobil 1 0W-40 CTN 4x4L:SG	Lít	50.00	160.00		210.00
VT005	TOYOTA ALTIS	Chiếc	1.00			1.00
VT006	Dàn lạnh	Bộ		1.00		1.00
VT007	Van tiết lưu	Bộ		1.00		1.00
VT008	Dầu lạnh	Chai		1.00		1.00
VT009	HUYNDAI TUCSON	Chiếc	1.00			1.00
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----
Cộng nhóm: Kho hàng hóa			**478.00**	**968.00**	**767.00**	**679.00**
Tổng cộng			**478.00**	**968.00**	**767.00**	**679.00**

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

(Nguồn: Phòng kế toán)

Cuối tháng, bộ phận kế toán sẽ tiến hành in các sổ chi tiết hàng hóa và tổng hợp tồn kho. Mỗi sổ chi tiết hàng hóa được mở riêng cho từng mã hàng như xe TOYOTA CAMRY *(Biểu số 2.24)*, xe TOYOTA VIOS *(Biểu số 2.25)*, dàn lạnh *(Biểu số 2.26)* phục vụ việc đối chiếu và lập báo cáo tài chính

Biểu số 2.24. Sổ chi tiết hàng hóa

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số: S10-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA

Kho: Kho hàng hóa, Mặt hàng: TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT, Tháng 1 năm 2025

Tên kho	Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
								Số lượng	Giá trị	Số	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho: HH0001													
Mã hàng: VT001													
Kho hàng hóa	**TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-**				**Số dư đầu kỳ**	**Chiếc**	**1,059,163,636.00**					**2.00**	**2,118,327,272**
Kho hàng hóa	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	12/01/2025	12/01/2025	NK00001	Mua hàng của CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000112	Chiếc	1,059,163,636.00	1.00	1,059,163,636			3.00	3,177,490,908
Kho hàng hóa	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	13/01/2025	17/12/2024	XK00001	Xuất kho bán hàng Nguyễn Quỳnh Trang theo hóa đơn số 00000770	Chiếc	1,059,163,636.00			1.00	1,059,163,636	2.00	2,118,327,272
Cộng nhóm: VT001								**1.00**	**1,059,163,636**	**1.00**	**1,059,163,636**	**2.00**	**2,118,327,272**
Cộng nhóm: HH0001								**1.00**	**1,059,163,636**	**1.00**	**1,059,163,636**	**2.00**	**2,118,327,272**
Tổng cộng								**1.00**	**1,059,163,636**	**1.00**	**1,059,163,636**	**2.00**	**2,118,327,272**

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.25. Sổ chi tiết hàng hóa

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số: S10-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA

Kho: Kho hàng hóa, Mặt hàng: TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM, Tháng 1 năm 2025

Tên kho	Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
								Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho: HH0001													
Mã hàng: VT003													
Kho hàng hóa	**TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM**				**Số dư đầu kỳ**	**Chiếc**	**375,623,420.00**					**2.00**	**751,246,840**
Kho hàng hóa	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	16/01/2025	16/01/2025	NK00004	Mua hàng của CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000115	Chiếc	375,623,420.00	1.00	375,623,420			3.00	1,126,870,260
Kho hàng hóa	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	17/01/2025	13/01/2025	XK00003	Xuất kho bán hàng Vũ Văn Thượng theo hóa đơn số	Chiếc	375,623,420.00			1.00	375,623,420	2.00	751,246,840
Cộng nhóm: VT003								**1.00**	**375,623,420**	**1.00**	**375,623,420**	**2.00**	**751,246,840**
Cộng nhóm: HH0001								**1.00**	**375,623,420**	**1.00**	**375,623,420**	**2.00**	**751,246,840**
Tổng cộng								**1.00**	**375,623,420**	**1.00**	**375,623,420**	**2.00**	**751,246,840**

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.26. Sổ chi tiết hàng hóa

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số: S10-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA

Kho: Kho hàng hóa, Mặt hàng: Dàn lạnh, Tháng 1 năm 2025

Tên kho	Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
								Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho: HH0001													
Mã hàng: VT006													
Kho hàng hóa	Dàn lạnh	19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS theo hóa đơn số 00000134	Bộ	2,500,000	1.00	2,500,000			1.00	2,500,000
Cộng nhóm: VT006								**1.00**	**2,500,000**			**1.00**	**2,500,000**
Cộng nhóm: HH0001								**1.00**	**2,500,000**			**1.00**	**2,500,000**
Tổng cộng								**1.00**	**2,500,000**			**1.00**	**2,500,000**

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01
- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.27. Tổng hợp tồn kho

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

TỔNG HỢP TỒN KHO

Kho: Kho hàng hóa, Tháng 1 năm 2025

Tên kho	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Đầu kỳ		Nhập kho		Xuất kho		Cuối kỳ	
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Kho hàng hóa	VT001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	Chiếc	2.00	2,118,327,272	1.00	1,059,163,636	1.00	1,059,163,636	2.00	2,118,327,272
Kho hàng hóa	VT002	TOYOTA COROLLA CROSS HEV CE	Chiếc	3.00	2,583,644,300					3.00	2,583,644,300
Kho hàng hóa	VT003	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	Chiếc	2.00	751,246,840	1.00	375,623,420	1.00	375,623,420	2.00	751,246,840
Kho hàng hóa	VT004	Dầu Mobil 1 0W-40 CTN 4x4L:SG	Lít	50.00	12,000,000	160.00	38,400,000			210.00	50,400,000
Kho hàng hóa	VT005	TOYOTA ALTIS	Chiếc	1.00	725,000,000					1.00	725,000,000
Kho hàng hóa	VT006	Dàn lạnh	Bộ			1.00	2,500,000			1.00	2,500,000
Kho hàng hóa	VT007	Van tiết lưu	Bộ			1.00	450,000			1.00	450,000
Kho hàng hóa	VT008	Dầu lạnh	Chai			1.00	900,000			1.00	900,000
Kho hàng hóa	VT009	HUYNDAI TUCSON	Chiếc	1.00	799,000,000					1.00	799,000,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng				**478.00**	**8,192,200,000**	**968.00**	**16,505,000,000**	**767.00**	**13,453,100,000**	**679.00**	**11,244,100,000**

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

(Nguồn: Phòng kế toán

2.3.3. Kế toán tổng hợp

Hiện nay Công ty sử dụng phần mềm kế toán MISA để hỗ trợ nhập liệu và ghi nhận số liệu một cách tự động. Khi phát sinh các nghiệp vụ nhập – xuất hàng hóa, kế toán sẽ ghi nhận các giao dịch này vào phần mềm kế toán. Phần mềm sẽ tự động ghi nhận và tính các bút toán phát sinh, sau đó cập nhật số liệu lên Sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 156. Cuối kỳ, kế toán thực hiện đối chiếu, kiểm tra giữa Sổ cái TK 156 và tổng hợp tồn kho của thủ kho. Việc đối chiếu này nhằm đảm bảo số liệu tồn kho thực tế khớp với số liệu kế toán ghi nhận, giúp phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót hoặc chênh lệch giữa sổ sách và thực tế. Sau khi hoàn tất đối chiếu, kế toán tiến hành kết chuyển giá vốn hàng bán, lập báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan đến hàng hóa, đồng thời chuẩn bị các hồ sơ sổ sách để lưu trữ, phục vụ cho công tác kiểm tra và quyết toán sau này.

❖ *Phương pháp hạch toán*

- Khi mua hàng hóa nhưng chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp (được thể hiện ở phần tổng hợp của chứng từ mua hàng)

  Nợ TK 1561 – Hàng hóa (giá mua chưa VAT)

  Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

  Có TK 331 – Phải trả người bán (tổng giá thanh toán)

- Khi thanh toán tiền cho nhà cung cấp (được thể hiện ở phần tổng hợp của phiếu chi, chi qua ngân hàng, phiếu kế toán,...)

  Nợ TK 331 – Phải trả người bán

  Có TK 111, 112 – Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

  Có TK 341 – Các khoản tiền vay

❖ Với *trích dẫn 1 (Trang 55)*

- Khi mua hàng hóa nhưng chưa thanh toán tiền cho Công ty ô tô Toyota Việt Nam ở phần tổng hợp của chứng từ mua hàng *(Biểu số 2.7)*

  Nợ TK 1561: 1.059.163.636

  Nợ TK 133 : 105.916.363

  Có TK 331: 1.165.080.000

- Khi thanh toán tiền cho Công ty ô tô Toyota Việt Nam

  Nợ TK 331: 1.165.080.000

  Có TK 341: 1.165.080.000

Biểu số 2.28. Sổ Nhật ký chung (Trích)

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (Trích)

Tháng 1 năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
12/01/2025	12/01/2025	NK00001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	1561	331	1,059,163,636	
12/01/2025	12/01/2025	NK00001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	331	1561		1,059,163,636
12/01/2025	12/01/2025	NK00001	Thuế GTGT - TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	1331	331	105,916,364	
12/01/2025	12/01/2025	NK00001	Thuế GTGT - TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	331	1331		105,916,364
13/01/2025	13/01/2025	00000770	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	1121	5111	1,109,090,909	
13/01/2025	13/01/2025	00000770	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	5111	1121		1,109,090,909
13/01/2025	13/01/2025	00000770	Thuế GTGT - TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	1121	33311	110,909,091	
13/01/2025	13/01/2025	00000770	Thuế GTGT - TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	33311	1121		110,909,091
13/01/2025	13/01/2025	NVK00001	Vay ngân hàng thanh toán tiền hàng Công ty ô tô Toyota Việt Nam	331	3411	1,165,080,000	
13/01/2025	13/01/2025	NVK00001	Vay ngân hàng thanh toán tiền hàng Công ty ô tô Toyota Việt Nam	3411	331		1,165,080,000
13/01/2025	13/01/2025	XK00001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	632	1561	1,059,163,636	
13/01/2025	13/01/2025	XK00001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	1561	632		1,059,163,636
16/01/2025	16/01/2025	NK00004	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	1561	331	375,623,420	
16/01/2025	16/01/2025	NK00004	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	331	1561		375,623,420
16/01/2025	16/01/2025	NK00004	Thuế GTGT - TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	1331	331	37,562,342	
16/01/2025	16/01/2025	NK00004	Thuế GTGT - TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	331	1331		37,562,342
17/01/2025	17/01/2025	00000886	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	1121	5111	395,454,545	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.29. Sổ Nhật ký chung (tiếp)

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
17/01/2025	17/01/2025	00000886	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	5111	1121		395,454,545
17/01/2025	17/01/2025	00000886	Thuế GTGT - TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	1121	33311	39,545,455	
17/01/2025	17/01/2025	00000886	Thuế GTGT - TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	33311	1121		39,545,455
17/01/2025	17/01/2025	NVK00003	Vay ngân hàng thanh toán cho Công ty ô tô Toyota Việt Nam	331	3411	413,185,762	
17/01/2025	17/01/2025	NVK00003	Vay ngân hàng thanh toán cho Công ty ô tô Toyota Việt Nam	3411	331		413,185,762
17/01/2025	17/01/2025	XK00003	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	632	1561	375,623,420	
17/01/2025	17/01/2025	XK00003	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	1561	632		375,623,420
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Dàn lạnh	1561	331	2,500,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Dàn lạnh	331	1561		2,500,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Dàn lạnh	1331	331	250,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Dàn lạnh	331	1331		250,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Van tiết lưu	1561	331	450,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Van tiết lưu	331	1561		450,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Van tiết lưu	1331	331	45,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Van tiết lưu	331	1331		45,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Dầu lạnh	1561	331	900,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Dầu lạnh	331	1561		900,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Dầu lạnh	1331	331	90,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Dầu lạnh	331	1331		90,000
20/01/2025	08/01/2025	UNCIB29.12.06.01	Dầu Mobil 1 0W-40 CTN 4x4L:SG	1121	1561		38,400,000
20/01/2025	08/01/2025	UNCIB29.12.06.01	Thuế GTGT - Dầu Mobil 1 0W-40 CTN 4x4L:SG	1331	1121	3,840,000	
20/01/2025	08/01/2025	UNCIB29.12.06.01	Thuế GTGT - Dầu Mobil 1 0W-40 CTN 4x4L:SG	1121	1331		3,840,000
20/01/2025	20/01/2025	NK00006	Dầu Mobil 1 0W-40 CTN 4x4L:SG	1561	1121	38,400,000	
20/01/2025	20/01/2025	UNCIB31.12.06.01	Trả tiền nhà cung cấp CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS	331	1121	4,235,000	
20/01/2025	20/01/2025	UNCIB31.12.06.01	Trả tiền nhà cung cấp CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS	1121	331		4,235,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng						**56,297,028,580**	**56,297,028,580**

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.30. Sổ cái TK 1561

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 01 năm 2025

Tài khoản: **156 - Giá mua hàng hóa** *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang	STT	TK	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				**8,192,200,000**	
			- Số phát sinh trong kỳ					
12/01/2025	NK00001	12/01/2025	Mua hàng của CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000112			331	1,059,163,636	
13/01/2025	XK00001	17/12/2024	Xuất kho bán hàng Nguyễn Quỳnh Trang theo hóa đơn số 00000770			632		1,059,163,636
16/01/2025	NK00004	16/01/2025	Mua hàng của CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000115			331	375,623,420	
17/01/2025	XK00003	13/01/2025	Xuất kho bán hàng Vũ Văn Thượng theo hóa đơn số 00000886			632		410,127,273
19/01/2025	NK00005	19/01/2025	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS theo hóa đơn số 00000134			331	3,850,000	
20/01/2025	NK00006	20/01/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH ẮC QUY ĐÌNH HÒE theo hóa đơn số 00000486			1121	38,400,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			- Cộng số phát sinh				**16,505,000,000**	**13,453,100,000**
			- Số dư cuối kỳ				**11,244,100,000**	
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**16,505,000,000**	**13,453,100,000**

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.3.4. Kiểm kê hàng hóa

Tại Công ty, kiểm kê hàng hóa được thực hiện định kỳ vào cuối tháng hoặc theo yêu cầu của Ban giám đốc theo các bước cụ thể, tuân thủ các quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC nhằm đảm bảo minh bạch và chính xác số liệu nhập – xuất – tồn kho. Việc kiểm kê giúp Công ty xác định số lượng và chất lượng hàng hóa thực tế, đối chiếu với sổ sách kế toán để phát hiện sai lệch (nếu có). Quá trình kiểm kê cần những chứng từ sau: Biên bản kiểm kê, bảng kiểm kê, bảng kê chênh lệch, quyết định xử lý chênh lệch.

Trước khi kiểm kê, kế toán tiến hành khóa sổ kế toán hàng hóa và xác định số lượng hàng tồn kho trên sổ sách. Quy trình kiểm kê hàng hóa tại Công ty được thực hiện như sau: Đầu tiên, lập kế hoạch kiểm kê, xác định thời gian cụ thể hoạt động kiểm kê và quyết định phạm vi kiểm kê sẽ bao gồm những khu vực trong kho. Đồng thời xác định các bộ phận tham gia kiểm kê bao gồm kế toán, thủ kho và bộ phận liên quan. Tùy theo quy mô kiểm kê (cuối tháng hoặc theo yêu cầu) sẽ có khoảng 4-5 nhận sự tham gia kiểm kê và được giao những nhiệm vụ cụ thể.

Khi thực hiện kiểm kê, tiến hành kiểm đếm toàn bộ hàng tồn kho. Công ty sử dụng phương pháp đếm thủ công, mỗi mặt hàng phải được ghi chép lại cẩn thận bao gồm mã hàng, tên hàng, số lượng, đơn vị tính,...Sau khi hoàn tất việc kiểm đếm, kế toán tiến hành lập biên bản kiểm kê và bảng kiểm kê theo từng loại hàng hóa (ô tô mới, ô tô đã qua sử dụng, phụ tùng, linh kiện). Trường hợp có chênh lệch giữa thực tế kiểm kê và sổ sách, kế toán lập bảng kê chênh lệch hàng hóa đồng thời phối hợp với thủ kho để xác định nguyên nhân, phân loại và xử lý theo từng loại chênh lệch. Kết quả kiểm kê là cơ sở quan trọng để đánh giá chính xác của số liệu kế toán, giúp Công ty kiểm soát tốt hàng tồn kho và tối ưu nguồn lực.

Trích dẫn: Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình tổ chức hoạt động kiểm kê kho cuối tháng 01/2025. Kế toán lập biên bản kiểm kê *(Biểu số 2.31) và* Bảng kiểm kê theo từng loại hàng hóa *(Biểu số 2.32)*

Biểu số 2.31. Biên bản kiểm kê hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Số: 001/BBKK
Ngày lập: 31/01/2025
1. Thời gian kiểm kê:
- Bắt đầu từ: 8 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 01 năm 2025
- Kết thúc vào: 18 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 01 năm 2025
2. Địa điểm kiểm kê: Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
3. Thành phần kiểm kê:
- Ông/Bà: Nguyễn Việt Đức Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh (Trưởng ban kiểm kê)
- Ông/Bà: Mai Thị Thu Hiền Chức vụ: Kế toán (Ủy viên)
- Ông/Bà: Nguyễn Thu Hằng Chức vụ: Thủ kho (Ủy viên)
- Đại diện bộ phận sử dụng/kho: Kho hàng hóa (HH0001)
4. Nội dung kiểm kê:
Kiểm kê vật tư, hàng hóa tồn kho tại đơn vị.

STT	Tên vật tư/hàng hóa	Mã số	ĐVT	Ghi chú
1	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	VT001	Chiếc	
2	TOYOTA COROLLA CROSS HEV CE	VT002	Chiếc	
3	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	VT003	Chiếc	
4	Dầu Mobil 10W-40 CTN 4x4L:SG	VT004	Lít	
5	TOYOTA ALTIS	VT005	Chiếc	
6	Dàn lạnh	VT006	Bộ	
7	Van tiết lưu	VT007	Bộ	
8	Dầu lạnh	VT008	Chai	
9	HUYNDAI TUCSON	VT009	Chiếc	
....	....	.....	....	
Tổng cộng	**x**	**x**	**x**	**x**

5. Kết luận:
Tổng số lượng kiểm kê: **679**
Biên bản được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau, giao cho các bên liên quan lưu giữ.
Các thành viên tham gia kiểm kê ký tên:

Người lập biên bản	Trưởng ban kiểm kê	Thành viên	Đại diện bộ phận sử dụng/kho
Mai Thị Thu Hiền	Nguyễn Việt Đức	Mai Thị Thu Hiền	Nguyễn Thu Hằng

Biểu số 2.32. Bảng kiểm kê (Trích)

TOYOTA NINH BÌNH

KIỂM KÊ XE MỚI

STT	Tên	Màu	SL theo sổ sách	SL thực tế	Kho	Tình trạng xe	Ghi chú
1	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	218	2	2	HH0001	Mới	
2	TOYOTA COROLLA CROSS HEV CE	089	3	3	HH0001	Mới	
3	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	040	2	2	HH0001	Mới	
.....	.....	.....	.....	.....			
Cộng	**x**	**x**	**46**	**46**	**x**	**x**	**x**

KIỂM KÊ XE ĐÃ QUA SỬ DỤNG

STT	Biển số	Loại xe	Màu	Năm sx	SL theo sổ sách	SL thực tế	Kho	Tình trạng xe	Ghi chú
1	51H-237.40	HUYNDAI TUCSON	Đen	2019	1	1	HH0001	Đã qua SD	
2	51L-239.35	TOYOTA ALIS	Đen	2024	1	1	HH0001	Đã qua SD	
3	51H-235.36	SUZUKI SWIPT	Xanh	2019	1	1	HH0001	Đã qua SD	
Cộng	**x**	**x**	**x**	**x**	**3**	**3**	**x**	**x**	**x**

KIỂM KÊ PHỤ TÙNG, PHỤ KIỆN, LINH KIỆN

STT	Tên	Đơn vị tính	SL theo sổ sách	SL thực tế	Kho	Tình trạng	Ghi chú
1	Dầu Mobil 10W-40 CTN 4x4L:SG	Lít	210	210	HH0001	Mới	
2	Dàn lạnh	Bộ	1	1	HH0001	Mới	
3	Van tiết lưu	Bộ	1	0	HH0001	Mới	
4	Dầu lạnh	Bộ	1	1	HH0001	Mới	
.....	.....	.....	.....				
Cộng	**x**	**x**	**630**	**629**	**x**	**x**	**x**

Trích dẫn: Từ biên bản kiểm kê và bảng kiểm kê theo từng loại hàng hóa, kế toán đối chiếu với sổ sách kế toán đã khóa sổ trước kiểm kê thì phát hiện thiếu 01 bộ phụ tùng "van tiết lưu" – VT007 trị giá 450.000 đồng được dùng trong hệ thống điều hòa xe ô tô. Kế toán lập bảng kê chênh lệch *(Biểu số 2.33)*

Biểu số 2.33. Bảng kê chênh lệch

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Số 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, TP.Ninh Bình
Tỉnh Ninh Bình

Mẫu số 05 – VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ CHÊNH LỆCH VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
									Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	VT001	Chiếc	1.059.163.636	2	2.118.327.272	2	2.118.327.272	0	0	0	0	Tốt		
2	TOYOTA COROLLA CROSS HEV CE	VT002	Chiếc	861.214.766	3	2.583.644.300	3	2.583.644.300	0	0	0	0	Tốt		
3	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	VT003	Chiếc	375.623.420	2	751.246.840	2	751.246.840	0	0	0	0	Tốt		
4	Dầu Mobil 10W-40 CTN 4x4L:SG	VT004	Lít	240.000	210	50.400.000	210	50.400.000	0	0	0	0	Tốt		
5	TOYOTA ALTIS	VT005	Chiếc	725.000.000	1	725.000.000	1	725.000.000	0	0	0	0	Tốt		
6	Dàn lạnh	VT006	Bộ	2.500.000	1	2.500.000	1	2.500.000	0	0	0	0	Tốt		
7	Van tiết lưu	VT007	Bộ	450.000	1	450.0000	0	0	0	0	1	450.000	Tốt		
8	Dầu lạnh	VT008	Chai	900.000	1	900.000	1	900.000	0	0	0	0	Tốt		
9	HUYNDAI TUCSON	VT009	Chiếc	799.000.000	1	799.0000.000	1	799.000.000	0	0	0	0	Tốt		
.....	.....	.....	.....	.....											
	Cộng	**x**	**x**	**x**	**679**	**11.244.100.000**	**678**	**11.243.650.000**	**0**	**0**	**1**	**450.000**	**x**	**x**	**x**

Khi chưa xác định nguyên nhân chênh lệch kiểm kê, kế toán ghi nhận khoản thiếu hàng hóa như sau

Nợ TK 1381: 450.000

Có TK 1561: 450.000

Cụ thể, kế toán vào phần mềm MISA, tại phân hệ "kho", chọn "xuất kho", "xuất kho khác" ghi rõ lý do: "Thiếu hụt hàng hóa sai kiểm kê, chưa rõ nguyên nhân" làm căn cứ chứng từ cho bút toán điều chỉnh *(biểu số 2.34)*

Biểu số 2.34. Phiếu xuất kho

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

Số: XK00004

Nợ: 1381
Có: 1561

- Họ và tên người nhận hàng:
- Địa chỉ (bộ phận):
- Lý do xuất kho: Xuất kho hàng hóa thiếu sau kiểm kê chưa rõ nguyên nhân
- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho hàng hóa Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Van tiết lưu	VT007	Bộ	1,00		450.000,00	450.000
	Cộng						450.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): ***Bốn trăm năm mươi nghìn đồng.***
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Sau khi rà soát, Công ty không xác định được nguyên nhân dẫn đến sự thiếu hụt này. Trên cơ sở đó, kế toán đã trình biên bản kiểm kê lên Ban giám đốc xem xét và quyết định hạch toán phần chênh lệch vào chi phí khác như sau:

Nợ TK 811: 450.000

Có TK 1381: 450.000

Cụ thể, kế toán tiến hành vào phần mềm MISA, tại phân hệ "tổng hợp", bấm chọn "chứng từ nghiệp vụ khác", ghi nhận đầy đủ thông tin như ngày hạch toán, diễn giải, TK Nợ, TK Có, số tiền *(Biểu số 2.35)*

Biểu số 2.35. Chứng từ nghiệp vụ khác

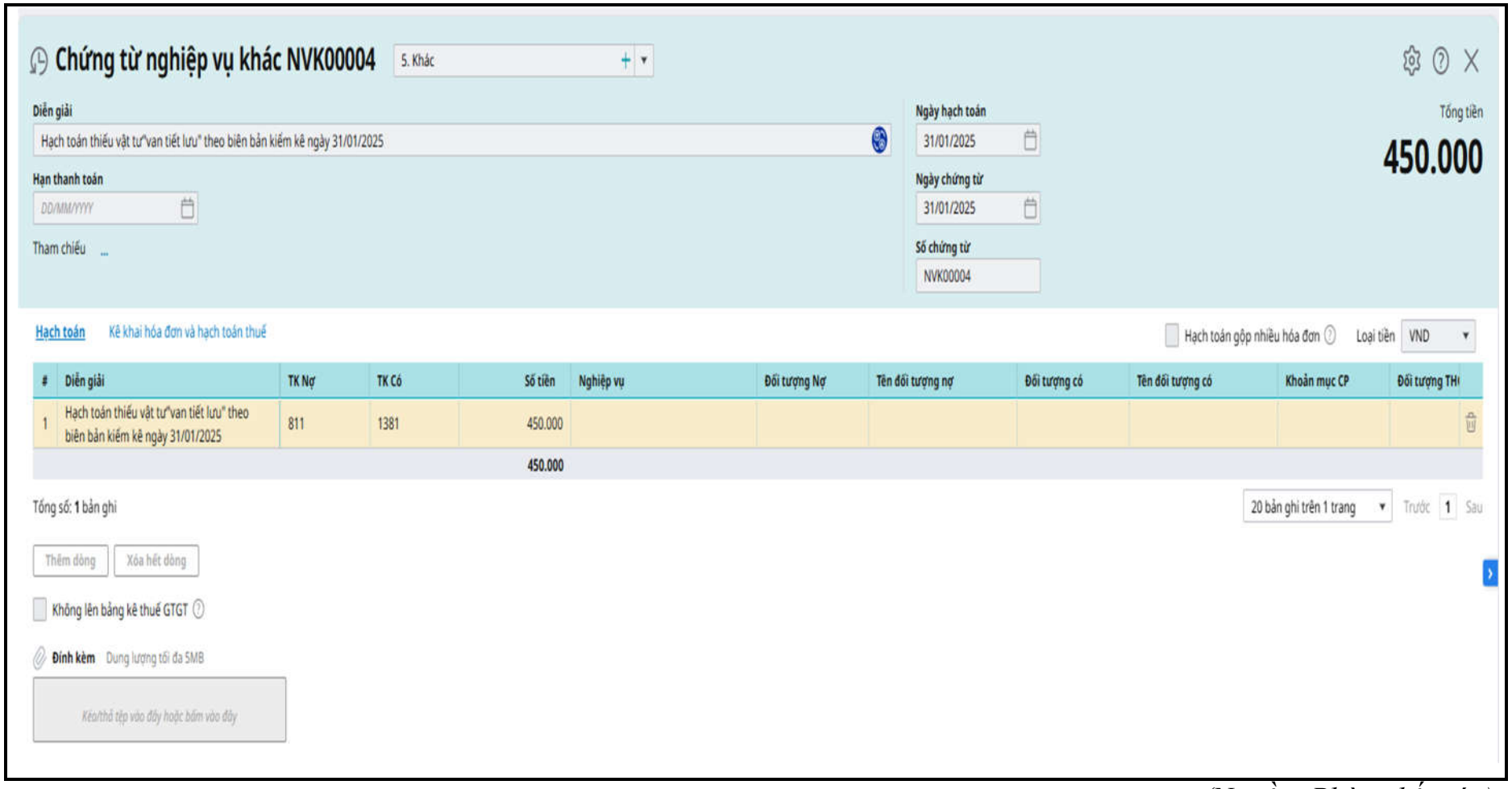

Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00004 | 5. Khác

Diễn giải: Hạch toán thiếu vật tư"van tiết lưu" theo biên bản kiểm kê ngày 31/01/2025

Ngày hạch toán: 31/01/2025

Tổng tiền: 450.000

Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Ngày chứng từ: 31/01/2025

Tham chiếu ...

Số chứng từ: NVK00004

Hạch toán | Kê khai hóa đơn và hạch toán thuế

Hạch toán gộp nhiều hóa đơn | Loại tiền: VND

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có	Tên đối tượng có	Khoản mục CP	Đối tượng THI
1	Hạch toán thiếu vật tư"van tiết lưu" theo biên bản kiểm kê ngày 31/01/2025	811	1381	450.000							
				450.000							

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang | Trước 1 Sau

Thêm dòng | Xóa hết dòng

Không lên bảng kê thuế GTGT

Đính kèm Dung lượng tối đa 5MB

Kéo thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.4. Thực trạng về kế toán công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

2.4.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

Tại Công ty, khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tăng giảm công nợ phải trả, kế toán thường sử dụng các chứng từ gồm

- Hóa đơn GTGT (bên bán lập)
- Hợp đồng mua bán
- Biên bản giao nhận hàng hóa (nếu có)
- Phiếu nhập kho
- Phiếu yêu cầu báo giá, đơn đặt hàng
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Giấy đề nghị thanh toán, Ủy nhiệm chi, phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Biên bản bù trừ công nợ
- Sổ chi tiết công nợ phải trả
- Sổ cái TK 112, TK 331

- Tài khoản sử dụng

TK 331 – Phải trả người bán tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình được theo dõi chi tiết theo từng nhà cung cấp trên phần mềm MISA, đảm bảo kiểm soát chính xác công nợ, đối chiếu và thanh toán kịp thời. Mỗi nhà cung cấp được Công ty tạo một mã riêng (Mã NCC) để đảm bảo các nghiệp vụ phát sinh được ghi sổ đúng cho từng nhà cung cấp khi có phát sinh công nợ phải trả hoặc thanh toán công nợ

Biểu số 2.36. Danh sách nhà cung cấp

DANH SÁCH NHÀ CUNG CẤP

STT	Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Mã số thuế	Điện thoại
1	NCC001	CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM	., Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc	2500150335	
2	NCC002	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN PAN BẢO BÌNH	Số 25, ngõ 7, Phùng Khoang, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	0108639722	
3	NCC003	CÔNG TY TNHH ẮC QUY ĐÌNH HÒE	Số nhà 367, Đường Nguyễn Huệ, Phố Tương Lai, Phường Ninh Phong, Thành phố Hoa Lư, Ninh Bình	2700706732	
4	NCC004	CÔNG TY TNHH TOYOTA GIẢI PHÓNG - CHI NHÁNH NAM ĐỊNH	Đường Nam Định, Phủ Lý, Phường Lộc Hòa, Thành phố Nam Định, Nam Định	0100773902-003	
5	NCC005	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS	Thôn Dinh Tân, Xã Hồng Quang, Huyện ý Yên, Nam Định	0601135643	
.....	.....	.....	.....	.....	
	Tổng	**x**	**x**	**x**	

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.4.2. Kế toán tăng công nợ phải trả

Tại Công ty, công nợ phải trả thường phát sinh do mua xe, các linh kiện, phụ kiện xe ô tô từ Công ty ô tô Toyota Việt Nam hoặc các nhà cung cấp ngoài khác nhưng chưa thanh toán. Thực tế, hầu hết các hàng hóa mua vào đều được nhập kho trước khi bán ra cho khách hàng.

❖ *Quy trình*

Dựa trên nhu cầu kinh doanh, phòng kinh doanh lập Phiếu yêu cầu nhập hàng, trình kế toán trưởng và giám đốc phê duyệt. Sau khi được thông qua, bộ phận kinh doanh lập đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua bán tùy theo quy định và hình thức giao dịch với từng nhà cung cấp. Khi hàng về, phòng kinh doanh phối hợp với kế toán và thủ kho thực hiện thủ tục nhập kho. Trường hợp hàng hóa chưa thanh toán ngay, kế toán ghi nhận công nợ phải trả cho nhà cung cấp, phần mềm tự động cập nhật vào Sổ chi tiết công nợ phải trả và Sổ cái TK 331

Sơ đồ 2.5. Quy trình mua hàng tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

=> Trình tự luân chuyển chứng từ Trích dẫn 1 (Trang 55)

Căn cứ vào nhu cầu kinh doanh, phòng kinh doanh tiến hành lập Phiếu yêu cầu nhập hàng *(Biểu số 2.37)* trình kế toán trưởng và giám đốc phê duyệt làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo

Biểu số 2.37. Phiếu yêu cầu

Toyota Ninh Bình
Phòng Kinh doanh

PHIẾU YÊU CẦU
(Về việc phát hành Hợp đồng mua bán – HĐMB)

Số HĐ: 11/2025/HĐMB
Người đề nghị: Vũ Ngọc Vượng
Phòng: Kinh doanh
Tên Công ty/Cá nhân: Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Ngày tháng năm sinh: .....
Địa chỉ ĐKKD/HK Thường trú: .....
Địa chỉ giao dịch: Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Địa chỉ nơi làm việc: Số 392, Khu Công nghiệp Phúc Sơn, Ninh Phúc, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Thông tin người liên hệ: Vũ Ngọc Vượng Số điện thoại: 0229.388.5799
Người đại diện: Nguyễn Trung Kiên Chức vụ: Tổng giám đốc
Mã số thuế / Số CMT: 2700862647 Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
Số điện thoại (Người đứng tên trên HĐ): 02293.897.999 Mobile: .....
Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ Tuổi: ☐ Dưới 30 ☐ 31–40 ☐ 41–50 ☐ Ngoài 50
Tình trạng thanh toán: ☐ Trả thẳng ☐ TFS ☐ NHLK ☑ Khác (chưa thanh toán)
Các dịch vụ gia tăng: ☐ Bảo hiểm ☐ Phụ kiện ☐ DV đăng ký ☐ Khác: .....
Loại hình mua xe: ☐ Lần đầu ☑ Thay thế ☐ Mua thêm
Loại xe: TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT
Màu sắc: Đen (218)
Số lượng: 01
Giá mua (chưa thuế GTGT): 1.059.163.636 đồng
Thuế GTGT (10%): 105.916.364 đồng
Tổng cộng: 1.165.080.000 đồng
Thời gian giao hàng: Đã giao
Số tiền đặt cọc: 10,000,000 Trước ngày: 12/01/2025
Quà tặng: .....
MỨC THƯỞNG ĐỀ XUẤT: .....

Ninh Bình, ngày 12 tháng 01 năm 2025

Người đề nghị TP/PP Kinh doanh GĐ Kinh doanh Ban Tổng Giám đốc

Ghi chú: Đề nghị TVBH phải điền đầy đủ các thông tin ghi trên PVC.

Sau khi được thông qua, bộ phận kinh doanh lập hợp đồng mua bán theo quy định Công ty ô tô Toyota Việt Nam *(Biểu số 2.3)*. Khi hàng về, Thủ kho chuyển bộ chứng từ nhà cung cấp giao cho gồm hóa đơn GTGT *(Biểu số 2.5)* và Biên bản giao nhận hàng hóa *(Biểu số 2.6)* lên Phòng kế toán. Kế toán vào phần mềm MISA, tiến hành khai báo danh mục từng nhà cung cấp bằng cách vào phân hệ "Danh mục", chọn "Nhà cung cấp", nhấn "Thêm". Tại đây, kế toán tiến hành nhập đầy đủ thông tin nhà cung cấp như: Mã số thuế, mã nhà cung cấp, tên, địa chỉ,....(nếu là nhà cung cấp mới phát sinh lần đầu)

Biểu số 2.38. Danh mục

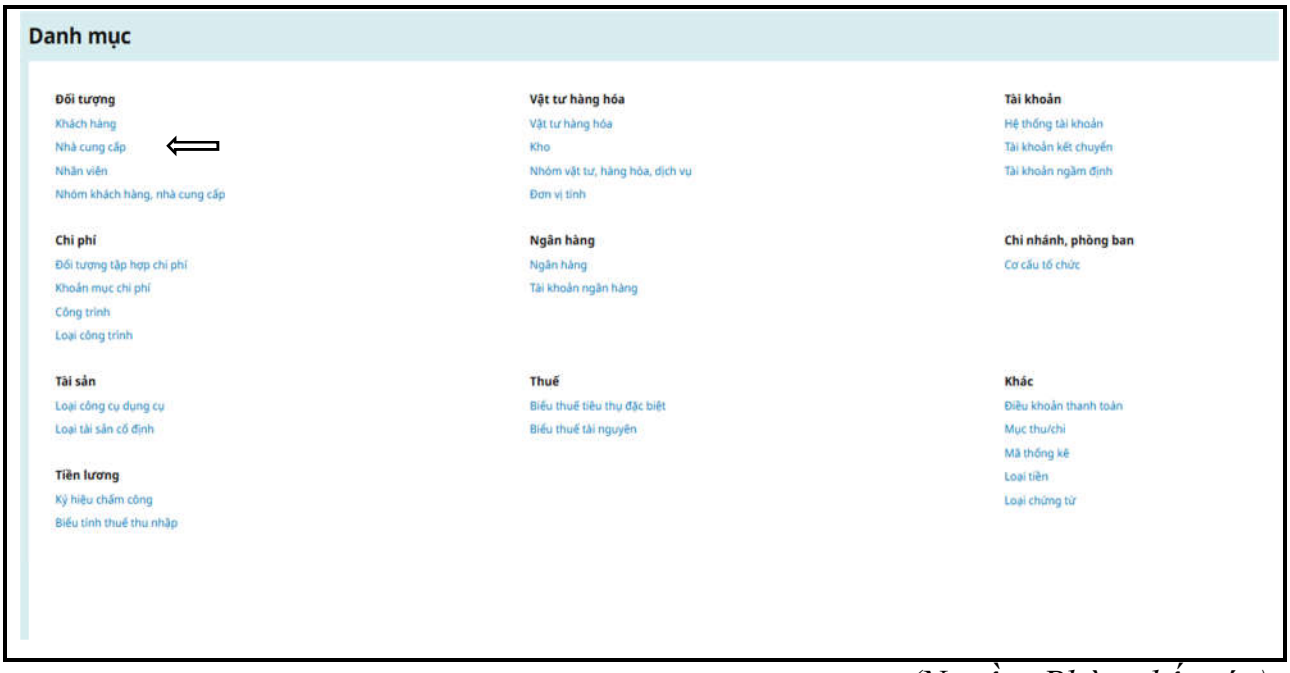

(Nguồn: Phòng kế toán)

Sau khi vào chứng từ mua hàng *(Biểu số 2.7 – Trang 56)*, do chưa thanh toán phần tổng giá thanh toán sẽ được phần mềm tự động cập nhật vào Sổ chi tiết công nợ phải trả của Công ty. Các thông tin liên quan của nhà cung cấp sẽ được tự động đưa vào khi chọn nhà cung cấp

⇨ *Quy trình luân chuyển Trích dẫn 3 (Trang 67) tương tự Trích dẫn 1*

Biểu số 2.39. Phiếu yêu cầu

CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Phòng Kế toán

PHIẾU YÊU CẦU

(Về việc nhập linh kiện, phụ tùng kỹ thuật)

Ngày lập phiếu: 19/01/2025

Người đề nghị: Vũ Ngọc Vượng

Phòng: Kinh doanh

Tên nhà cung cấp: Công ty Cổ phần Đầu tư TDS

Địa chỉ: Thôn Dinh Tần, xã Hồng Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Mã số thuế: 0601135643

Người liên hệ: Vũ Thị Lan Anh Số điện thoại: 093.785.5678

Danh sách linh kiện, phụ tùng kỹ thuật đề nghị nhập:

STT	Tên linh kiện, phụ tùng	Số lượng	Ghi chú
1	Dàn lạnh	2.500.000	
2	Van tiết lưu	450.000	
3	Dầu lạnh	900.000	

Lý do đề nghị: Nhập kho phụ tùng phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng.

Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán

Ninh Bình, ngày 19 tháng 01 năm 2025

Người đề nghị	Trưởng phòng Kế toán	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Bộ phận kinh doanh lập đơn đặt hàng theo quy định của Công ty cổ phần đầu tư TDS *(biểu số 2.40)*

Biểu số 2.40. Đơn đặt hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Địa chỉ: Thửa đất số 392, Khu công nghiệp Phúc Sơn, Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

MST: 2700928647

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Số: TDSTNB-08032025

Ngày 19 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS

Địa chỉ: Thôn Dinh Tần, xã Hồng Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Công ty chúng tôi đề nghị Quý Đơn vị cung cấp hàng hóa như sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Dàn lạnh	Bộ	1	2.500.000	2.500.000
2	Van tiết lưu	Bộ	1	450.000	450.000
3	Dầu lạnh	Chai	1	900.000	900.000

Giá trị đơn hàng: 3.850.000

Thuế GTGT 10%: 385.000

Tổng giá trị đơn hàng: 4.235.000

2. Thời gian giao hàng: 19/1/2025

3. Thông tin xuất hóa đơn:

CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

Địa chỉ: Thửa đất số 392, Khu công nghiệp Phúc Sơn, Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

MST: 2700928647

Lưu ý:

Giá trên đã bao gồm thuế BVMT

Hàng mới 100% theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Đơn đặt hàng sẽ tự động được thanh lý khi Bên mua và Bên bán hoàn thành nghĩa vụ giao nhận hàng và bên mua nhận đầy đủ hóa đơn tài chính từ bên bán

Đơn đặt hàng được lập thành 02 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản

XÁC NHẬN CỦA NHÀ CUNG CẤP NGƯỜI ĐẶT HÀNG

(Nguồn: Phòng kế toán)

Sau khi kế toán nhập chứng từ mua hàng *(biểu số 2.7 – Trang 60, biểu số 2.12 – trang 65, biểu số 2.17 – trang 70)* trên phần mềm MISA, toàn bộ dữ liệu sẽ được cập nhật và phản ánh tự động lên sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp và bảng tổng hợp công nợ phải trả. Sổ chi tiết Công ty ô tô Toyota Việt Nam *(Biểu số 2.41)* và Sổ chi tiết Công ty cổ phần đầu tư TDS *(Biểu số 2.42)*

Biểu số 2.41. Sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích)

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

Tài khoản: 331, Loại tiền: VND, Nhà cung cấp: CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM, Tháng 1 năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK công nợ	TK đối ứng	Phát sinh		Số dư	
						Nợ	Có	Nợ	Có
Tên nhà cung cấp: CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM									
12/01/2025	12/01/2025	NK00001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	331	1561		1,059,163,636		1,059,163,636
12/01/2025	12/01/2025	NK00001	Thuế GTGT - TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	331	1331		105,916,364		1,165,080,000
13/01/2025	13/01/2025	NVK00001	Vay ngân hàng thanh toán tiền hàng Công ty ô tô Toyota Việt Nam	331	3411	1,165,080,000			
16/01/2025	16/01/2025	NK00004	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	331	1561		375,623,420		375,623,420
16/01/2025	16/01/2025	NK00004	Thuế GTGT - TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	331	1331		37,562,342		413,185,762
17/01/2025	17/01/2025	NVK00003	Vay ngân hàng thanh toán cho Công ty ô tô Toyota Việt Nam	331	3411	413,185,762			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng	**331**		**11,578,265,762**	**12,581,750,000**		
Tổng cộng						**11,578,265,762**	**12,581,750,000**		**1,003,484,238**

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.42. Sổ chi tiết công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích)

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình
Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

Tài khoản: 331, Loại tiền: VND, Nhà cung cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS, Tháng 1 năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK công nợ	TK đối ứng	Phát sinh		Số dư	
						Nợ	Có	Nợ	Có
Tên nhà cung cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS									
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Dàn lạnh	331	1561		2,500,000		2,500,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Dàn lạnh	331	1331		250,000		2,750,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Van tiết lưu	331	1561		450,000		3,200,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Van tiết lưu	331	1331		45,000		3,245,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Dầu lạnh	331	1561		900,000		4,145,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Dầu lạnh	331	1331		90,000		4,235,000
20/01/2025	20/01/2025	UNCIB31.12.06.01	Trả tiền nhà cung cấp CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS	331	1121	4,235,000			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng	**331**		**99,415,000**	**114,235,000**		
Tổng cộng						**99,415,000**	**114,235,000**		**14,820,000**

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.43. Tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp (Trích)

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NHÀ CUNG CẤP

Tài khoản: 331, Loại tiền: VND, Tháng 1 năm 2025

Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	TK Công nợ	Số dư đầu kỳ		Phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
NCC001	CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM	331			11,578,265,762	12,581,750,000		1,003,484,238
NCC002	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN PAN BẢO BÌNH	331			89,950,000	89,950,000		
NCC003	CÔNG TY TNHH ẮC QUY ĐÌNH HÒE	331			115,340,000	115,340,000		
NCC004	CÔNG TY TNHH TOYOTA GIẢI PHÓNG - CHI NHÁNH NAM ĐỊNH	331			469,100,500	469,100,500		
NCC005	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS	331			99,415,000	114,235,000		14,820,000
....	....	....	....	....	....	....	....	....
Tổng cộng					**15,582,500,000**	**17,878,600,000**		**2,296,100,000**

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Đồng thời, các nghiệp vụ phát sinh được phần mềm cập nhật vào Sổ nhật ký chung và sổ cái TK 331 đảm bảo theo dõi toàn bộ phát sinh công nợ phải trả theo thời gian và đối tượng cụ thể. Dưới đây là trích Sổ nhật ký chung *(Biểu số 2.44)* và Sổ cái TK 331 *(Biểu số 2.45)* trong tháng 01/2025

Biểu số 2.44. Sổ Nhật ký chung (Trích)

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 1 năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
12/01/2025	12/01/2025	NK00001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	1561	331	1,059,163,636	
12/01/2025	12/01/2025	NK00001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	331	1561		1,059,163,636
12/01/2025	12/01/2025	NK00001	Thuế GTGT - TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	1331	331	105,916,364	
12/01/2025	12/01/2025	NK00001	Thuế GTGT - TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	331	1331		105,916,364
13/01/2025	13/01/2025	NVK00001	Vay ngân hàng thanh toán tiền hàng Công ty ô tô Toyota Việt Nam	331	3411	1,165,080,000	
13/01/2025	13/01/2025	NVK00001	Vay ngân hàng thanh toán tiền hàng Công ty ô tô Toyota Việt Nam	3411	331		1,165,080,000
16/01/2025	16/01/2025	NK00004	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	1561	331	375,623,420	
16/01/2025	16/01/2025	NK00004	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	331	1561		375,623,420
16/01/2025	16/01/2025	NK00004	Thuế GTGT - TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	1331	331	37,562,342	
16/01/2025	16/01/2025	NK00004	Thuế GTGT - TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	331	1331		37,562,342
17/01/2025	17/01/2025	NVK00003	Vay ngân hàng thanh toán cho Công ty ô tô Toyota Việt Nam	331	3411	413,185,762	
17/01/2025	17/01/2025	NVK00003	Vay ngân hàng thanh toán cho Công ty ô tô Toyota Việt Nam	3411	331		413,185,762
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Dàn lạnh	1561	331	2,500,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Dàn lạnh	331	1561		2,500,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Dàn lạnh	1331	331	250,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Dàn lạnh	331	1331		250,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Van tiết lưu	1561	331	450,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Van tiết lưu	331	1561		450,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Van tiết lưu	1331	331	45,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Van tiết lưu	331	1331		45,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Dầu lạnh	1561	331	900,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Dầu lạnh	331	1561		900,000
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Dầu lạnh	1331	331	90,000	
19/01/2025	19/01/2025	NK00005	Thuế GTGT - Dầu lạnh	331	1331		90,000
20/01/2025	08/01/2025	UNCIB29.12.06.01	Dầu Mobil 1 0W-40 CTN 4x4L:SG	1121	1561		38,400,000
20/01/2025	08/01/2025	UNCIB29.12.06.01	Thuế GTGT - Dầu Mobil 1 0W-40 CTN 4x4L:SG	1331	1121	3,840,000	
20/01/2025	20/01/2025	UNCIB31.12.06.01	Trả tiền nhà cung cấp CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS	331	1121	4,235,000	
20/01/2025	20/01/2025	UNCIB31.12.06.01	Trả tiền nhà cung cấp CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS	1121	331		4,235,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng						**56,297,028,580**	**56,297,028,580**

Biểu số 2.45. Sổ cái TK 331 (Trích)

Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình - Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Thửa đất 392, KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 01 năm 2025

Tài khoản: **331 - Phải trả cho người bán** *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang	STT	TK	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
12/01/2025	NK00001	12/01/2025	Mua hàng của CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000112			1561		1,059,163,636
13/01/2025	NVK00001	13/01/2025	Vay ngân hàng thanh toán tiền hàng Công ty ô tô Toyota Việt Nam			3411	1,165,080,000	
16/01/2025	NK00004	16/01/2025	Mua hàng của CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000115			1561		375,623,420
16/01/2025	NK00004	16/01/2025	Mua hàng của CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM theo hóa đơn số 00000115			1331		37,562,342
17/01/2025	NVK00002	17/01/2025	Vay ngân hàng thanh toán tiền hàng cho Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình			3411	375,623,420	
19/01/2025	NK00005	19/01/2025	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS theo hóa đơn số 00000134			1331		385,000
19/01/2025	NK00005	19/01/2025	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS theo hóa đơn số 00000134			1561		3,850,000
20/01/2025	UNCIB31.12.06.01	20/01/2025	Trả tiền nhà cung cấp CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS			1121	4,235,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			- Cộng số phát sinh				**15,582,500,000**	**17,878,600,000**
			- Số dư cuối kỳ					**2,296,100,000**
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**15,582,500,000**	**17,878,600,000**

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.4.3. Kế toán giảm công nợ

Tại Công ty, công nợ phải trả phát sinh giảm chủ yếu khi Công ty thực hiện thanh toán tiền cho nhà cung cấp. Do hàng hóa Công ty nhập vào chủ yếu là xe ô tô, phụ tùng có giá trị cao nên Công ty chủ yếu thực hiện thanh toán qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng hoặc đi vay.

❖ *Quy trình*

Hàng tháng, kế toán truy cập phân hệ "mua hàng" trên phần mềm MISA, chọn mục "báo cáo công nợ nhà cung cấp" để lọc danh sách các khoản nợ đến hạn hoặc quá hạn. Sau khi kiểm tra, nếu cần, kế toán xuất Biên bản đối chiếu công nợ và gửi cho nhà cung cấp để xác nhận. Kế toán chuẩn bị Giấy đề nghị thanh toán, kèm theo các chứng từ liên quan như Hóa đơn GTGT, hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ. Hồ sơ sau đó được in ra và trình lên kế toán trưởng để kiểm tra và phê duyệt trước khi tiến hành các bước tiếp theo. Sau khi được phê duyệt, kế toán lập Ủy nhiệm chi theo mẫu của ngân hàng, ghi rõ số tiền, tài khoản nhận và lý do thanh toán. Ủy nhiệm chi được Ban giám đốc ký duyệt và chuyển cho ngân hàng để thực hiện. Khi nhận Giấy báo nợ, kế toán thực hiện vào phần mềm MISA, ghi nhận giảm công nợ phải trả nhà cung cấp

Trong trường hợp vay ngân hàng để thanh toán, kế toán làm hồ sơ vay theo quyết định của ngân hàng gồm báo cáo tài chính, biên bản đối chiếu công nợ, hồ sơ pháp lý, hồ sơ tài chính, hóa đơn GTGT, tài sản đảm bảo và các giấy từ khác (nếu có). Sau khi hồ sơ vay được ngân hàng phê duyệt. Kế toán vào phần mềm MISA ghi nhận khoản vay và giảm công nợ phải trả**.** Hệ thống tự cập nhật Sổ chi tiết công nợ phải trả và Sổ cái TK 331. Kế toán định kỳ theo dõi lịch thanh toán các khoản vay để đảm bảo thực hiện đúng hạn, giúp duy trì uy tín và tránh các rủi ro tài chính liên quan đến nợ quá hạn.

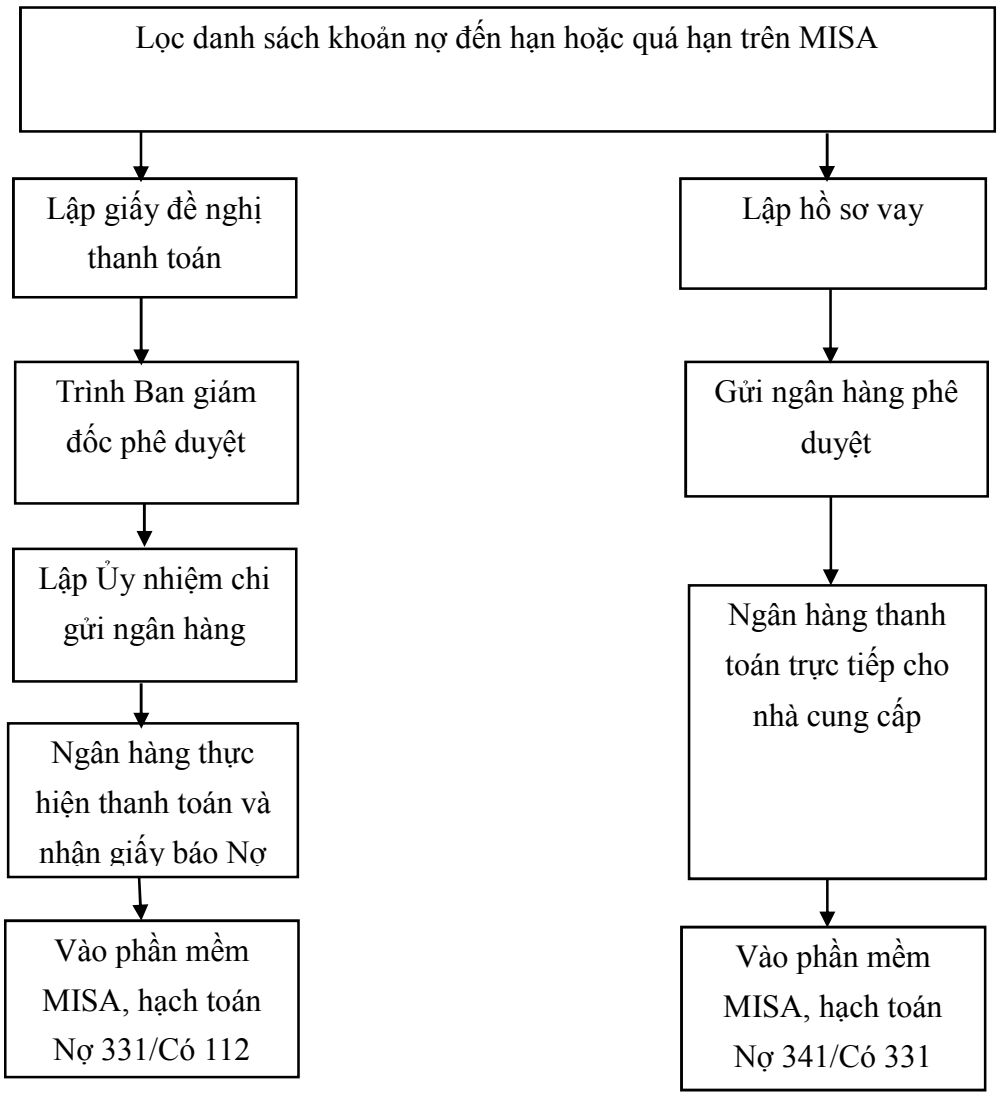

Sơ đồ 2.6. Sơ đồ quy trình giảm công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Trích dẫn 6: Ngày 20/01/2025, Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình thanh toán lô linh kiện, phụ tùng kỹ thuật từ Công ty cổ phần đầu tư TDS bằng chuyển khoản theo UNCIB31.12.06.01

⇨ *Quy trình luân chuyển chứng từ Trích dẫn 6*

Kế toán lập Giấy đề nghị thanh toán *(biểu số 2.46)*, nêu đầy đủ số tiền, hình thức thanh toán kèm theo các chứng từ liên quan như hóa đơn GTGT, hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ và trình lên Ban giám đốc kiểm tra và phê duyệt

Biểu số 2.46. Giấy đề nghị thanh toán

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Người đề nghị: Mai Thị Thu Hiền

Bộ phận: Kế toán

Đề nghị thanh toán tiền phụ tùng tháng 01 năm 2025 cho:

Tên nhà cung cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS

Địa chỉ: Thôn Dinh Tần, xã Hồng Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Số tài khoản: 0691000417650

Tại Ngân Hàng: Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Tây Hà Nội.

Số tiền: 4.235.000 đồng

Bằng chữ: Bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng.

Ninh Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người đề nghị	Kế toán trưởng	Giám đốc dịch vụ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Sau khi được phê duyệt, kế toán tiến hành lập Ủy nhiệm chi theo mẫu của ngân hàng Vietinbank *(biểu số 2.47)* ghi rõ số tiền thanh toán, tài khoản nhận, lý do thanh toán,...và chuyển Ủy nhiệm chi đã được Ban giám đốc ký duyệt cho ngân hàng để thực hiện thanh toán

Biểu số 2.47. Ủy nhiệm chi (Theo mẫu ngân hàng Vietinbank)

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VIETINBANK)
ỦY NHIỆM CHI (PAYMENT ORDER)

1. Thông tin người trả tiền (Bên ủy nhiệm chi):
Tên đơn vị/Cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH
Số tài khoản: 113600588888
Tại chi nhánh/Phòng giao dịch: Vietinbank - CN NINH BÌNH
Địa chỉ: Thửa đất số 392, Khu công nghiệp Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Điện thoại: 02293.897.999

2. Thông tin người thụ hưởng (Bên nhận tiền):
Tên đơn vị/Cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS
Số tài khoản: 113600588888
Tại Ngân hàng/Chi nhánh: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Ninh Bình

3. Nội dung thanh toán:
Thanh toán tiền nhập linh kiện, phụ tùng ngày 19/01/2025

4. Số tiền:
Bằng số : 4.235.000
Bằng chữ: Bốn triệu ba trắm hai mươi lăm nghìn đồng

5. Phí giao dịch:
[ ] Người chuyển trả
[ ] Người nhận trả
[ ] Chia đồng

6. Chữ ký:
Người lập ủy nhiệm chi: Mai Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng (nếu có): Nguyễn Thị Thùy Trang
Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Trung Kiên
Xác nhận của Ngân hàng (For Bank Use Only):
(Phần dành cho Ngân hàng)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Sau khi ngân hàng xử lý , Công ty nhận được Giấy báo nợ từ ngân hàng Vietinbank *(biểu số 2.48)*

Biểu số 2.48. Giấy báo nợ

GIẤY BÁO NỢ

Người nhận tiền: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS — Số: UNCIB31.12.06.01

Địa chỉ: Thôn Dinh Tần, xã Hồng Quang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Việt Nam — Ngày: 20/01/2025

Lý do thanh toán: Thanh toán tiền nhập linh kiện, phụ tùng ngày 19/01/2025 — Tài khoản: 1121

Số tài khoản đơn vị trả tiền: 113600588888

Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Ninh Bình

Số tiền: **4.235.000** — Loại tiền: VND

Viết bằng chữ: **Bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng**.

Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VND)	Số tiền (VND)	Ghi Nợ	Ghi Có
Thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư TDS	4.235.000	4.235.000	331	1121

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán)

Kế toán vào phân hệ "Tiền gửi" trên phần mềm kế toán MISA, chọn *"Chi tiền",* bấm chọn *"Trả tiền nhà cung cấp không theo hóa đơn"* và hạch

toán giảm công nợ phải trả nhà cung cấp (Nợ 331/Có 112) theo giao diện màn hình nhập liệu *(Biểu số 2.49)* dưới đây

Biểu số 2.49. Ủy nhiệm chi

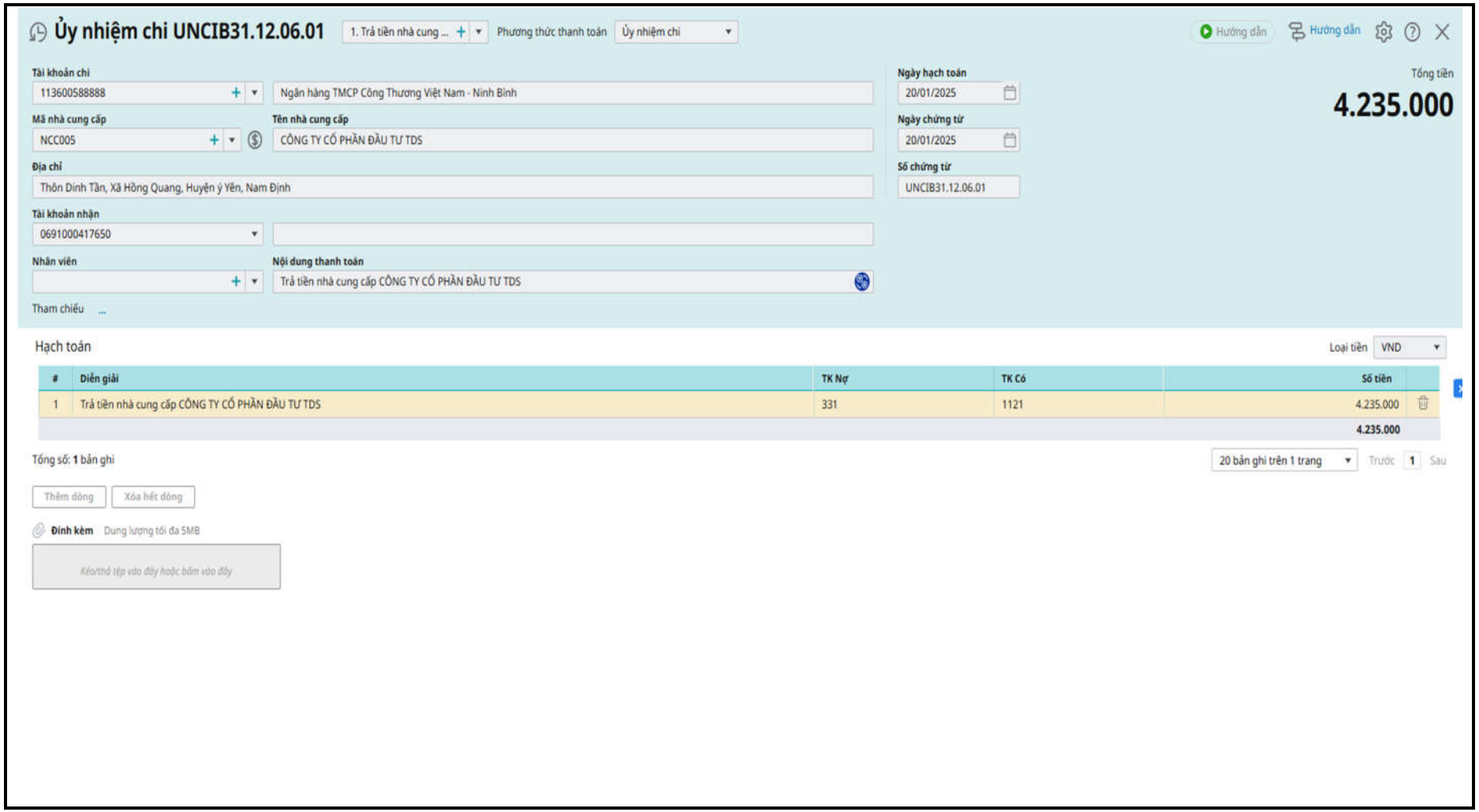

Ủy nhiệm chi UNCIB31.12.06.01

1. Trả tiền nhà cung ... | Phương thức thanh toán: Ủy nhiệm chi | Hướng dẫn | Hướng dẫn

Tài khoản chi: 113600588888 — Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Ninh Bình

Ngày hạch toán: 20/01/2025

Tổng tiền: 4.235.000

Mã nhà cung cấp: NCC005 — Tên nhà cung cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS

Ngày chứng từ: 20/01/2025

Địa chỉ: Thôn Dinh Tần, Xã Hồng Quang, Huyện ý Yên, Nam Định

Số chứng từ: UNCIB31.12.06.01

Tài khoản nhận: 0691000417650

Nhân viên:

Nội dung thanh toán: Trả tiền nhà cung cấp CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS

Tham chiếu ...

Hạch toán — Loại tiền: VND

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Trả tiền nhà cung cấp CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDS	331	1121	4.235.000
				4.235.000

Tổng số: 1 bản ghi — 20 bản ghi trên 1 trang — Trước 1 Sau

Thêm dòng | Xóa hết dòng

Đính kèm — Dung lượng tối đa 5MB

Kéo/thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Trích dẫn 7: Ngày 13/01/2025, Công ty thanh toán tiền xe TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT màu đen (218) được nhập ngày 12/01/2025 cho Công ty ô tô Toyota Việt Nam dựa theo UNC IB25.01.13.05

⇨ *Quy trình luân chuyển chứng từ Trích dẫn 7*

Kế toán làm hồ sơ vay theo quyết định của ngân hàng Vietinbank gồm báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) và Biên bản đối chiếu công nợ, hồ sơ pháp lý (Giấy phép kinh doanh, điều lệ Công ty), hồ sơ tài chính (tờ khai thuế GTGT, sao kê ngân hàng), hóa đơn GTGT, tài sản đảm bảo và các giấy từ khác (nếu có). Sau khi hồ sơ vay được ngân hàng phê duyệt. Kế toán vào phần mềm MISA, tại giao diện nhập liệu *(Biểu số 2.50)* ghi nhận khoản vay (Nợ 331/Có 341) bằng cách vào danh mục "Chứng từ nghiệp vụ khác", nhấn chọn "Vay ngân hàng chuyển trả nhà cung cấp". Phần mềm MISA sẽ tự động cập nhật lên Sổ chi tiết công nợ phải trả *(biểu số 2.41 và biểu số 2.42)* và Sổ cái TK 331 *(biểu số 2.45)*

Biểu số 2.50. Chứng từ nghiệp vụ khác

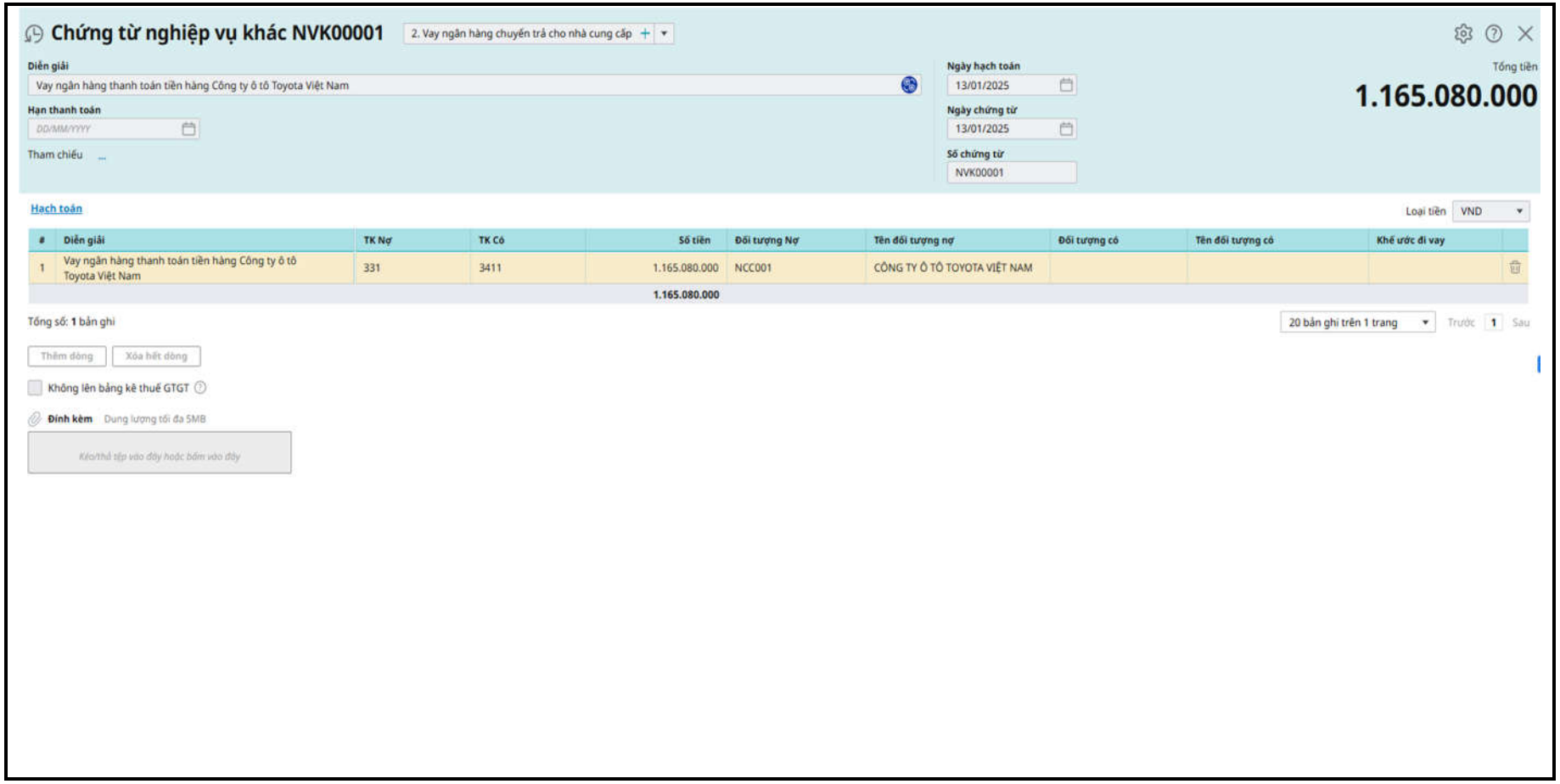

Chứng từ nghiệp vụ khác NVK00001

2. Vay ngân hàng chuyển trả cho nhà cung cấp

Diễn giải: Vay ngân hàng thanh toán tiền hàng Công ty ô tô Toyota Việt Nam

Hạn thanh toán: DD/MM/YYYY

Tham chiếu ...

Ngày hạch toán: 13/01/2025

Ngày chứng từ: 13/01/2025

Số chứng từ: NVK00001

Tổng tiền: 1.165.080.000

Hạch toán

Loại tiền: VND

#	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng nợ	Đối tượng có	Tên đối tượng có	Khế ước đi vay
1	Vay ngân hàng thanh toán tiền hàng Công ty ô tô Toyota Việt Nam	331	3411	1.165.080.000	NCC001	CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM			
				1.165.080.000					

Tổng số: 1 bản ghi

20 bản ghi trên 1 trang Trước 1 Sau

Thêm dòng Xóa hết dòng

Không lên bảng kê thuế GTGT

Đính kèm Dung lượng tối đa 5MB

Kéo/thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN KẾ TOÁN MUA HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA NINH BÌNH

3.1. Đánh giá chung về kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Qua quá trình thực tập và nghiên cứu thực tế tại Công ty Cổ phần Toyota Ninh Bình, em nhận thấy công tác kế toán mua hàng và công nợ phải trả đã được tổ chức khá bài bản, tuân thủ các quy định hiện hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nổi bật, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.1.1. Ưu điểm

❖ *Về tổ chức quản lý kinh doanh*

- Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung. Mọi chứng từ sổ sách đều tập trung về phòng kế toán chịu sự kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Vì vậy số liệu được làm chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng, đúng trình tự.
- Bộ máy quản lý của Công ty được phân chia rõ ràng, các phòng ban chịu sự giám sát của lãnh đạo, phân công công việc theo hướng chuyên môn hóa sẽ làm giảm áp lực cho ban lãnh đạo.

❖ *Về tổ chức công tác kế toán*

- Phòng kế toán với đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình, ham học hỏi. Hiện nay với yêu cầu nâng cao của công tác kế toán, phòng kế toán đã thường xuyên chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán cho cán bộ kế toán, tất cả các cán bộ kế toán đều có trình độ đại học, luôn phấn đấu đạt hiệu quả cao trong công tác kế toán góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao trong Công ty.
- Tổ chức công tác kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định của bộ tài chính.

- Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán Công ty sử dụng nhìn chung phù hợp với đặc điểm của công ty, đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý.

- *Hệ thống tài khoản*: Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán đặc biệt là những chuẩn mực mới và các thông tư hướng dẫn, các quy định của Nhà nước

- *Hệ thống chứng từ*: Công ty sử dụng đầy đủ các chứng từ kế toán theo quy định, bao gồm hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa, hợp đồng mua bán, và các chứng từ liên quan đến công nợ phải trả như giấy đề nghị thanh toán, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ. Các chứng từ này được lưu trữ cẩn thận, sắp xếp theo trình tự thời gian và dễ dàng tra cứu khi cần thiết đảm bảo tính hợp pháp và hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính.

- *Hệ thống sổ sách*: Công ty sử dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán MISA được Công ty sử dụng kết xuất và in sổ sách theo hình thức Nhật ký chung. Phần mềm này hỗ trợ tự động hóa các quy trình hạch toán, từ việc ghi nhận nhập – xuất – tồn kho đến theo dõi công nợ phải trả, giúp giảm thiểu sai sót so với phương pháp thủ công. Đồng thời cho phép kế toán có thể theo dõi tình hình hàng hóa và công nợ một cách nhanh chóng, chính xác. Các báo cáo nhập – xuất – tồn, sổ chi tiết công nợ, và báo cáo tài chính được xuất ra từ phần mềm, đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ và báo cáo với cơ quan Nhà nước.

❖ *Về công tác quản lý hàng hóa*

- Khâu nhập kho, bảo quản: Quá trình nhập hàng được kiểm tra nghiêm ngặt từ số lượng, chất lượng theo hợp đồng và hóa đơn chứng từ. Hàng hóa được phân loại, sắp xếp hợp lý trong kho đảm bảo thuận tiện cho nhập, xuất hàng hóa. Hệ thống kho phụ tùng và vật tư được trang bị các thiết bị bảo quản cần thiết nhằm hạn chế hao hụt, thất thoát

- Khâu kiểm kê: Quy trình kiểm tra, kiểm kê hàng hóa được thực hiện định kỳ, hỗ trợ tốt cho việc đối chiếu số liệu giữa kế toán và bộ phận kho, qua đó nâng cao độ tin cậy của báo cáo tài chính

❖ *Về công tác hạch toán*

- Bộ phận kế toán tại Công ty đã thực hiện khá nề nếp từ khâu kiểm tra, đối chiếu thông tin đến ghi nhận vào phần mềm MISA, đảm bảo dữ liệu phản ánh đầy đủ.

- Phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá xuất kho theo FIFO được thiết lập sẵn trên MISA phù hợp với đặc thù kinh doanh của Công ty. Việc hạch toán chi tiết từng mã hàng, từng lần nhập giúp kiểm tra, truy xuất dữ liệu nhanh chóng, chính xác

- Quy trình phối hợp giữa phòng kế toán, bộ phận mua hàng và kho diễn ra chặt chẽ, hạn chế sai sót trong ghi nhận số liệu. Đặc biệt, việc thanh toán công nợ đúng hạn theo hợp đồng giúp Công ty duy trì uy tín với nhà cung cấp, đặc biệt là Công ty ô tô Toyota Việt Nam.

3.1.2. Tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được về công tác kế toán nói chung và kế toán mua hàng và công nợ phải trả nói riêng tại Công ty vẫn còn những tồn tại nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện.

- Công ty chưa phân loại hàng hóa chưa rõ ràng. Hiện tại mã hàng hóa chỉ đánh số theo VT001, VT002, VT003,... chưa phản ánh chính xác bản chất mặt hàng, dẫn đến khó khăn trong việc lập báo cáo và phân tích.

- Công ty chỉ sử dụng một kho chung là HH0001 cho tất cả mặt hàng, khiến việc kiểm soát số lượng, vị trí và điều chuyển hàng hóa phức tạp, dễ nhầm lẫn. Việc chia nhỏ thành nhiều kho (kho xe mới, kho phụ tùng, kho xe cũ…) sẽ giúp phân tách nhiệm vụ, đẩy nhanh luồng thông tin và tăng cường tính kiểm soát.

- Hệ thống tài khoản chi phí thu mua chưa hoàn chỉnh. Mặc dù có mở tài khoản 1562 cho chi phí thu mua nhưng Công ty chưa xây dựng đầy đủ sơ đồ tài khoản và phương pháp tính giá thành phù hợp. Điều này gây khó khăn trong việc phân bổ chi phí (chi phí vận chuyển, lắp đặt, bốc dỡ…) vào giá vốn hàng bán 632, dẫn đến tình trạng báo cáo lợi nhuận không phản ánh đúng thực tế.

- Các chứng từ liên quan đến chi phí thu mua (hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận, hợp đồng vận chuyển…) vẫn lưu dưới dạng giấy, chưa đồng bộ với mã hàng và kho tương ứng. Việc này làm tăng rủi ro thất lạc, gây chậm trễ khi cần kiểm tra, rà soát số liệu chi phí và giá vốn.

- Hiện tại, việc kiểm kê hàng tồn kho tại Công ty hiện nay chủ yếu thực hiện bằng phương pháp thủ công, cụ thể kế toán, thủ kho và bộ phận có liên quan kiểm kê bằng cách đối chiếu trực tiếp giữa chứng từ và số lượng thực tế tại kho, sau đó ghi vào biên bản kiểm kê bằng tay. Cách làm này dễ dẫn đến nhầm lẫn, sai lệch số liệu, đặc biệt với các loại hàng hóa đa dạng, kích thước lớn như xe ô tô. Ngoài ra, việc kiểm kê hàng tồn kho của Công ty được thực hiện định kỳ theo tháng, tuy nhiên điều này chưa thực sự phù hợp với mặt hàng ô tô có giá trị lớn và tính thanh khoản cao. Nếu xảy ra sai lệch, mất mát hoặc hư hỏng, doanh nghiệp sẽ khó phát hiện kịp thời để xử lý. Điều này tiềm ẩn rủi ro tài chính nghiêm trọng và ảnh hưởng đến tính minh bạch của báo cáo tài chính.

- Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC "Những chứng từ kế toán như Đơn đặt hàng, hóa đơn, giấy đề nghị thanh toán, phiếu thu, phiếu chi" đều cần có mục *"Số tiền bằng chữ"*. Một số chứng từ như Đơn đặt hàng của Công ty chưa đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định hiện hành, thiếu mục "Số tiền bằng chữ", dễ gây hiểu nhầm, thiếu tính pháp lý và làm giảm độ tin cậy trong đối chiếu công nợ hoặc thanh toán sau này

3.2. Một số giải pháp đề xuất hoàn thiện kế toán mua hàng và công nợ phải trả tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, em xin đề xuất một số phương hướng và giải pháp như sau

Đầu tiên, Công ty cần xây dựng và áp dụng chuẩn hóa mã hàng theo nhóm hàng rõ ràng, ví dụ định danh ô tô mới bằng "OT", phụ tùng bằng "PT" và xe cũ bằng "XC" *(biểu số 2.51)*. Đồng thời, phân chia kho chuyên biệt, ví dụ kho ô tô mới, kho phụ tùng và kho ô tô đã qua sử dụng *(biểu số 2.52)* sẽ giúp theo dõi tồn kho chi tiết theo vị trí, giảm thiểu nhầm lẫn và thất thoát hàng hóa.

Biểu số 2.51. Danh sách hàng hóa, dịch vụ

DANH SÁCH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

STT	Mã	Tên	Tính chất	Nhóm VTHH
1	OT001	TOYOTA CAMRY CE MXVA80L-JEXQBT	Hàng hóa	OT
2	OT002	TOYOTA COROLLA CROSS HEV CE	Hàng hóa	OT
3	OT003	TOYOTA VIOS 1.5E MT MLM	Hàng hóa	OT
4	LK001	Dầu Mobil 1 0W-40 CTN 4x4L:SG	Hàng hóa	LK
5	XC001	TOYOTA ALTIS	Hàng hóa	XC
6	PT001	Dàn lạnh	Hàng hóa	PT
7	PT002	Van tiết lưu	Hàng hóa	PT
8	PT003	Dầu lạnh	Hàng hóa	PT
9	XC002	HUYNDAI TUCSON	Hàng hóa	XC
....	....	....	....	....
		Tổng	**x**	**x**

Biểu số 2.52. Danh sách kho

DANH SÁCH KHO

STT	Mã kho	Tên kho	Trạng thái
1	KOT	Kho ô tô mới	Đang sử dụng
2	KXC	Kho xe cũ	Đang sử dụng
3	KPT	Kho phụ tùng	Đang sử dụng
4	KPK	Kho phụ kiện	Đang sử dụng
5	KLK	Kho linh kiện	Đang sử dụng
....	....	....	....

Thứ hai, Công ty cần mở rộng tài khoản chi tiết cho TK 1562 (chi phí thu mua) thành các tài khoản phụ như: TK 15621 "Chi phí vận chuyển", TK 15622 "Chi phí bốc dỡ", TK 15623 "Chi phí lưu kho",...*(biểu số 2.53)*. Việc phân chia rõ ràng như vậy giúp kế toán dễ dàng theo dõi từng khoản mục chi phí và phân bổ chính xác vào giá vốn hàng bán (TK 632).

Biểu số 2.53. Danh sách hệ thống tài khoản

DANH SÁCH HỆ THỐNG TÀI KHOẢN

STT	Số tài khoản	Tên tài khoản	Tính chất	Trạng thái
...	...	...	...	...
48	**1562**	**Chi phí thu mua hàng hóa**	**Dư Nợ**	**Đang sử dụng**
49	15621	Chi phí vận chuyển	Dư Nợ	Đang sử dụng
50	15622	Chi phi bốc dỡ	Dư Nợ	Đang sử dụng
51	15623	Chi phí lưu kho	Dư Nợ	Đang sử dụng
52	15624	Chi phí khác	Dư Nợ	Đang sử dụng
....	....	....	....	....

Trích dẫn: Giả sử ngày 19/01/2025, Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình nhập một số phụ tùng từ Công ty TNHH Ắc quy Đình Hòe với tổng giá trị 18.510.000 đồng (chưa thuế GTGT 10%) và phát sinh chi phí vận chuyển 2.000.000 đồng. Công ty hạch toán chi phí vận chuyển vào tài khoản chi tiết 15621 giúp theo dõi rõ ràng và thuận tiện cho việc phân bổ chi phí vào giá vốn sau này, đảm bảo tính chính xác trong việc xác định kết quả kinh doanh

=> Sau khi kế toán vào phân hệ ‘mua hàng” trên phần mềm MISA, chọn “chúng từ mua hàng”, tiến hành ghi nhận nghiệp vụ mua phụ tùng của Công ty TNHH Ắc quy Đình Hòe (Nợ 1561/Có 331). Sau đó, kế toán ghi nhận chi phí vận chuyển lô hàng này bằng cách vào phận hệ ‘Mua hàng”, chọn “chứng từ mua dịch vụ” *(biểu số 2.54)*. Tại đây, kế toán nhập đầy đủ thông tin nhà cung cấp, ngày hạch toán, tên dịch vụ, TK chi phí,...hạch toán (Nợ 15621/Có 331)

Biểu số 2.54. Chứng từ mua dịch vụ

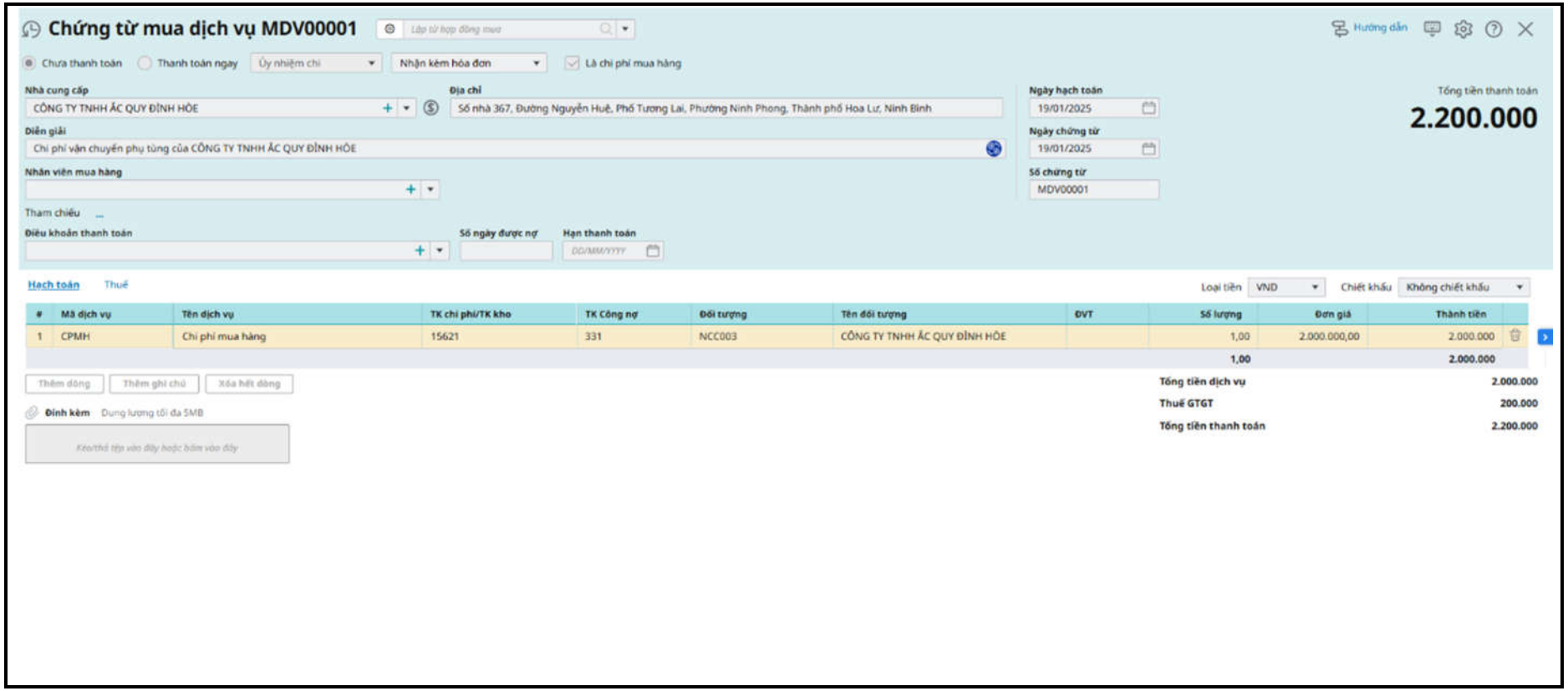

Sau khi ghi nhận chứng từ dịch vụ, kế toán nhấn chọn "phân bổ chi phí mua hàng", chọn kỳ phân bổ là 01/2025, sau đó tiến hành phân bổ TK 15621 cho các chứng từ mua hàng tương ứng theo tỷ lệ % giá trị hàng hóa. Sau khi phân bổ thành công, phần mềm sẽ tự động cộng chi phí vận chuyển vào giá trị hàng hóa nhập kho – TK 1561 *(biểu số 2.55)*. Khi hàng hóa được xuất bán, toàn bộ giá vốn sẽ được kết chuyển và ghi nhận vào TK 632 – Giá vốn hàng bán

Biểu số 2.55. Chứng từ mua hàng

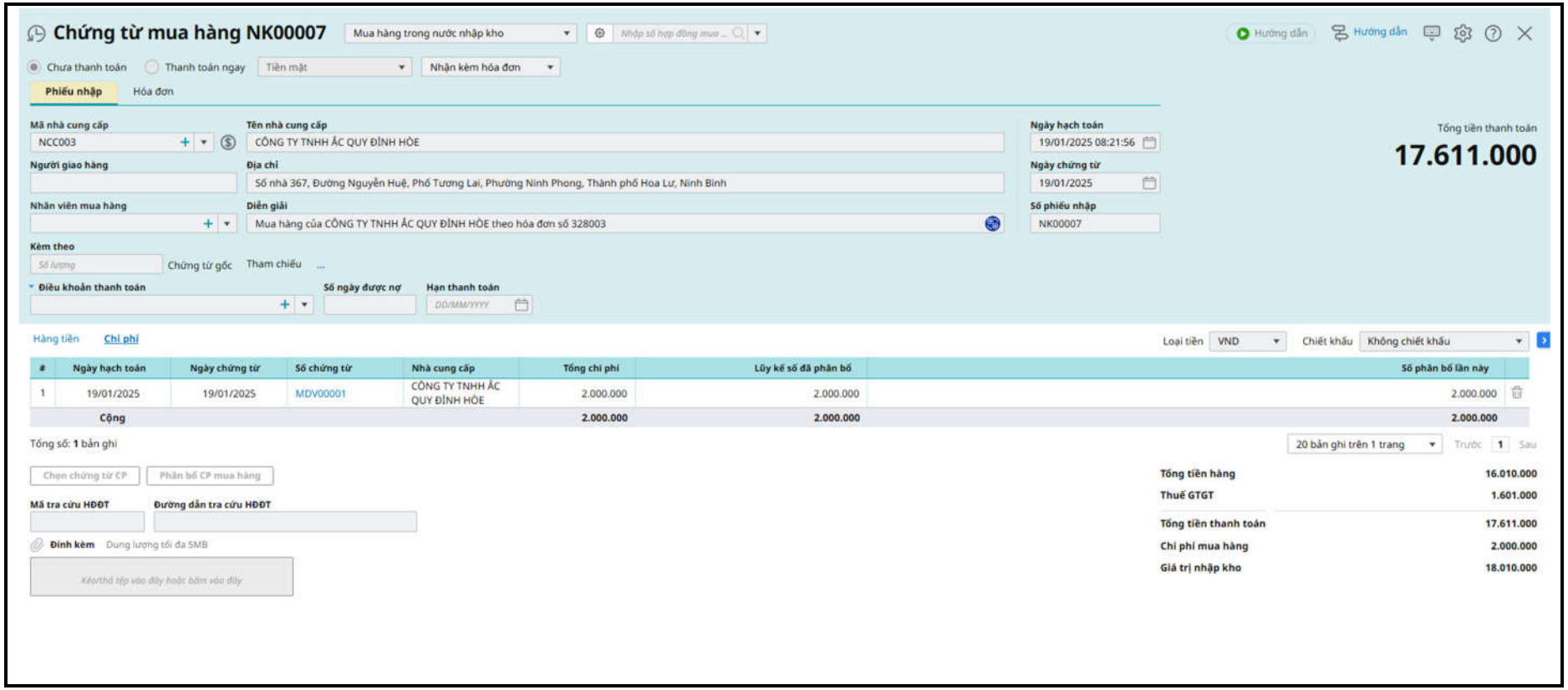

Thứ ba, đẩy mạnh số hóa chứng từ để đồng bộ dữ liệu và tối ưu luồng thông tin. Tất cả hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận, hợp đồng vận chuyển… cần được scan và lưu trữ trong hệ thống quản lý tài liệu (DMS), gắn mã hàng hóa và kho tương ứng. Quy định luân chuyển chứng từ trong 24–48 giờ sau khi nhập hàng sẽ đảm bảo kế toán hạch toán kịp thời, giảm thiểu rủi ro thất lạc.

Thứ tư, Công ty nên phân loại hàng hóa theo giá trị và tính chất để có quy trình kiểm kê phù hợp. Cụ thể:

- Đối với xe ô tô có giá trị lớn, cần thực hiện kiểm kê theo ngày hoặc sau mỗi lần xuất hoặc nhập xe để đảm bảo không có sai lệch hoặc thất thoát.
- Đối với phụ tùng, linh kiện có thể kiểm kê theo tuần hoặc nửa tháng, tùy thuộc mức độ lưu chuyển.

Ngoài ra, nên áp dụng kiểm kê đột xuất trong trường hợp phát hiện chênh lệch giữa tồn kho thực tế và sổ sách, hoặc có dấu hiệu sai phạm. Công ty có thể trang bị thiết bị quét mã vạch cho kho và thiết lập mã QR riêng cho từng xe và phụ tùng. Dữ liệu có thể được đồng bộ tự động về phần mềm kế toán, từ đó kế toán nắm bắt được tình trạng hàng hóa, tránh lệch số liệu giữa thực tế và sổ sách.

Thứ năm, để khắc phục hạn chế của phương pháp kiểm kê thủ công, Công ty nên triển khai kiểm kê tự động hoặc kiểm kê điện tử, thông qua việc: Trang bị máy quét mã vạch/QR code cho kho, gắn mã vạch cho từng xe và từng lô phụ tùng nhập kho. Khi kiểm kê, nhân viên chỉ cần quét mã để cập nhật dữ liệu hàng hóa, phần mềm sẽ đối chiếu tự động với số liệu kế toán. Việc này giúp tăng độ chính xác, tiết kiệm thời gian đồng thời giảm rủi ro mất mát, gian lận hàng hóa

Thứ sáu, rà soát và chuẩn hóa mẫu chứng từ sử dụng trong toàn doanh nghiệp**,** đảm bảo mỗi loại chứng từ (đơn đặt hàng, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận…) đều đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC. Đặc biệt, với các mẫu đơn đặt hàng, cần bổ sung mục "Số tiền bằng chữ" để tăng tính rõ ràng và đảm bảo pháp lý trong giao dịch.

Biểu số 2.56. Mẫu đơn đặt hàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Số: .....

Kính gửi: Công ty .....

Công ty ……..... có nhu cầu đặt hàng tại Quý công ty theo mẫu yêu cầu.

Nội dung đặt hàng như sau:

STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền

Tổng cộng:

Số tiền bằng số: .....

Số tiền bằng chữ:.....

Thời gian giao hàng:.....

Địa điểm giao hàng: .....

Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thanh toán trước 50% giá trị hợp đồng, 50% còn lại thanh toán sau khi giao hàng.

....., ngày .....tháng..... năm .....

GIÁM ĐỐC

Cuối cùng, để đảm bảo các giải pháp trên được thực hiện hiệu quả, Công ty cần thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán, kiến thức nghiệp vụ mới, cập nhật các quy định pháp luật liên quan. Điều này giúp nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ kế toán, giảm thiểu sai sót và tăng khả năng phân tích tài chính.

PHẦN KẾT LUẬN

Sau quá trình nghiên cứu và tiếp cận thực tế tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình, khóa luận đã làm rõ được thực trạng công tác kế toán mua hàng và công nợ phải trả trong doanh nghiệp thương mại nói chung và tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình nói riêng. Đồng thời, khóa luận đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm hoàn thiện và tối ưu hóa quy trình này. Về mặt thực tiễn, Công ty đã xây dựng hệ thống kế toán tương đối bài bản, tuân thủ các quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC đồng thời áp dụng phần mềm kế toán MISA trong quản lý hàng hóa và công nợ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Tuy nhiên, một số hạn chế vẫn tồn tại, bao gồm việc kho và hàng hóa chưa được phân loại rõ ràng, hệ thống tài khoản chi phí thu mua chưa chi tiết, quy trình kiểm kê hàng hóa còn thủ công, và việc sử dụng, lưu trữ chứng từ giấy chưa tối ưu gây chậm trễ trong luân chuyển thông tin.

Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất các giải pháp cụ thể như: xây dựng hệ thống mã hàng hóa theo nhóm và phân khu kho riêng biệt, mở rộng tài khoản chi tiết cho chi phí thu mua (TK 1562), thúc đẩy số hóa chứng từ để đồng bộ dữ liệu và nâng cao hiệu quả quản lý, thực hiện kiểm kê định kỳ theo ngày hoặc tuần tùy theo đặc điểm hàng hóa, áp dụng thiết bị hiện đại vào quy trình kiểm kê và chuẩn hóa mẫu chứng từ theo đúng quy định pháp luật. Những giải pháp này không chỉ giúp khắc phục các hạn chế hiện tại mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của ngành ô tô.

Qua đây, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô ThS. Đặng Thị Thu Hà – người đã tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các anh chị phòng kế toán tại Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình, những người đã hỗ trợ em với tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình. Sự giúp đỡ quý báu này đã góp phần quan trọng để em hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp. Em xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày tháng năm

Giảng viên hướng dẫn **Sinh viên thực hiện**

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Cẩm Tuyền (Năm 2015) *"Kế toán mua hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại"*, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
2. Phạm Thị Út Vy (Năm 2022) *"Kế toán công nợ phải thu và phải trả tại công ty TNHH thương mại và du lịch Gia Minh",* Trường Đại học Nha Trang.
3. Nguyễn Thị Yến (Năm 2019) *"Kế toán công nợ phải thu và công nợ phải trả tại công ty TNHH Ngọc Thắng",* Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp.
4. Thông tư 200-2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.
5. Tài liệu của Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình.